

NHỮNG CỬA SỔ TRÊN TRỜI

DAVID GOODING

Copyright - Myrtlefield Trust

LOẠT BÀI 1

TIN LÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI BỊ RUỒNG BỎ VÀ ÁP BỨC

CẢI HÓA MỘT CÔ GÁI ĐIỂM

CỨU CHUỘC MỘT KẼ LỪA ĐẢO

BÊNH VỰC MỘT NGƯỜI GÓA PHỤ

BIẾN ĐỔI MỘT TÊN TỘI PHẠM

CHƯƠNG 1

CẢI HÓA MỘT CÔ GÁI ĐIỂM

Kinh thánh: Luca 7:36-8:3

Một trong những điểm đẹp nhất của Phúc Âm Luca là cách sách Tin Lành này mô tả Đấng Christ như Người Bệnh vực, là Đấng Cứu Thế cho những người bị ruồng bỏ và áp bức, là Người có thể phục hồi nhân phẩm thật sự cho những con người mà cuộc đời đã bị hư hỏng, hoặc bị xã hội loại bỏ hay thậm chí bị bắt bớ; mục tiêu của loạt bài học này là nhằm xem xét chi tiết một số trường hợp những người trong lịch sử thuộc những hoàn cảnh này đã được Đấng Christ biến cải và phục hồi.

Chúng ta thường đọc thấy sự mô tả Đấng Christ như là *bạn của người thu thuế và kẻ có tội* (Luca 7:34), mặc dầu ban đầu được dùng bởi những kẻ thù của Ngài để nhằm lên án Chúa về mặt liêm khiết, đã trở thành một trong những điều vinh hiển nhất của Ngài, trong cái nhìn của các Cơ Đốc Nhân. Nhưng cụm từ thứ hai, *kẻ có tội*, là một cách nói giảm, vì chúng ta có thể thấy điều này khi so sánh cụm từ này trong Luca với một cụm từ tương tự trong Phúc Âm Mathiơ 21:31, *kẻ thu thuế và phường đi điếm sẽ được vào nước Đức Chúa Trời trước các người*. Khi đó, thay vì dùng uyển ngữ, chúng ta sử dụng những từ thông thường không hoa mỹ để mô tả Đấng Christ như là *bạn của những nhân viên thu thuế và những cô gái điếm*, cụm từ không còn sự duyên dáng ban đầu, ngay cả đối với các Cơ Đốc Nhân. Thật vậy, một Cơ Đốc Nhân tin kính sẽ thấy cụm từ này rất khó chịu. Tất nhiên, ngay từ ban đầu thì cụm từ này được dùng nhằm gây ra sự chướng tai, khó chịu. Cụm từ này không phải được dùng trong một xã hội buông thả, và những người đầu tiên dùng đến nó là nhằm vạch trần những gì mà theo họ là một sự sỉ nhục đối với đạo đức và luân lý, đó là chưa kể đến những tiêu chuẩn tôn giáo nghiêm ngặt đương thời, và sự phỉ báng này càng trở nên trầm trọng khi được dùng trong danh của Đức Chúa Trời và của đạo thật. Họ cho rằng Đấng Christ chỉ là kẻ giả mạo, và lòng nghi ngờ của họ càng gia tăng khi thấy loại phụ nữ mà Chúa cho phép cùng đi trong những hành trình truyền giáo của Ngài.

Ví dụ trường hợp vợ của Chuza, quản gia của vua Hê-rôt; vì cung điện của Hê-rôt vốn đầy tai tiếng về những sự buông thả, và bất cứ ai đã bước chân vào chốn vô độ đó chắc chắn sẽ khiến những người Do thái sùng đạo thấy đáng ngờ. Kế đến là Mary Madolen, người thuộc vào hạng tội cùng trong xã hội. Con người mà theo Luca, *Chúa đã trực xuất đến bảy quỷ ra khỏi*; điều này cho dù có nghĩa gì đi nữa thì cũng cho thấy đời sống lúc trước của bà còn đầy tội lỗi hơn cả những gì được mô tả. Một người nam trẻ tuổi, đầy lôi cuốn, lãnh đạo một tôn giáo mới không chính thống, theo sau bởi một đoàn những người nữ hâm mộ với quá khứ vô cùng phóng dăng, đầy những điều trái luân lý... Thật không khó để tưởng tượng ra cách mà những người thuộc chính thống giáo nghĩ gì về điều này.

Và sẽ thiếu thực tế nếu bỏ qua những nguyên nhân vì sao những người này thấy sự phê phán của mình dường như hoàn toàn chính đáng theo cách họ nghĩ. Giống như xã hội của chúng ta, và còn tồi tệ hơn nữa, xã hội xưa đã quá quen thuộc với những tổ chức tôn giáo dùng chính tôn giáo như một sự nguy tạo cho sự trụy lạc về tình dục. Nếu được hỏi, dĩ nhiên Chúa Jêsus sẽ xác nhận rằng những người phụ nữ này đã cải đổi lối sống xấu xa của họ. Nhưng đây chính là điều mà người Pharisi đã phải tranh luận. Và thật ra, họ đã từ chối thẳng thừng việc những kinh nghiệm biến cải thành linh như thế có thể chuyển đổi những người

nữ này trở nên những thành viên thích hợp cho bất kỳ ai, chưa nói đến cho một Đấng tiên tri.

Tuy nhiên đây vẫn còn là một điều bí ẩn. Trong khi giảng trước đám đông, chính con người Jêsus này đã đòi hỏi những tiêu chuẩn đạo đức cao hơn bất cứ một tiêu chuẩn nào mà con người từng đặt ra, và Ngài đã công khai lên án người Pharisi vì đã không giữ theo những tiêu chuẩn này. Ngài nói: họ chỉ hài lòng với những sự kính trọng bề ngoài, trong khi lòng họ đầy những điều gian ác xấu xa về tâm linh. *“Nếu sự công bình của các người chẳng trời hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người dòng Pharisi, thì các người chắc không vào nước Thiên đàng... Các người có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội tà dâm. Song Ta phán cho các người biết: Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi”* (Mathio 5:20, 27-28). Người ta sẽ nghĩ gì về con người Jêsus này? Ngài có thành thật không? Lời dạy của Ngài có thể kết tội ngay cả người được coi là thánh thiện nhất. Bản thân Ngài có thật sự vô tội? Ngài có phải là một Đấng tiên tri? Còn về những nhân vật đáng ngờ vẫn luôn hiện diện trong số những người luôn theo Chúa thì sao?

Lòng đầy những thắc mắc trên, một người Pharisi mang tên Simôn ấy đã mời Chúa đến ăn trưa tại nhà mình.

Theo ông nghĩ, khi cùng trò chuyện với Ngài nơi bàn ăn sẽ giúp ông đánh giá đúng hơn về con người Jêsus này. Khi bữa ăn đang diễn ra thì cửa mở, lướt vào là một người phụ nữ dường như có một chút ý thức, bước ngay đến chỗ của Chúa mà theo phong tục phương đông thì Ngài đang nằm tựa nơi bàn.

Ngay lập tức Simôn cảm thấy rất tức giận. Ông biết người đàn bà này là một trong những người đầy tiếng xấu trong khắp cả thành, và những người thuộc hạng đó thường chắc chắn không được phép bước vào nhà của ông. Nhưng những điều xảy ra tiếp theo còn làm ông kinh ngạc hơn nữa. Khi đến ngay sau lưng Chúa, bà gieo mình xuống nơi chân Ngài và bắt đầu khóc lạng lẽ. Vì bà ở rất gần Chúa nên khi khóc một vài giọt nước mắt của bà sa xuống chân Chúa và - với vẻ ngượng ngập - bà lấy mái tóc đang xõa xuống của mình mà cố gắng lau sạch những giọt nước mắt trên chân Chúa.

Trước sự ngạc nhiên tột độ của Simôn, bà hôn chân Chúa và sau đó lấy ra một lọ dầu thơm nhỏ rồi xức cho chân Ngài. Mọi việc xảy ra rất nhanh. Phản ứng đầu tiên của Simôn ắt hẳn phải là sai người hầu đuổi bà này ra ngay lập tức; nhưng ông còn hơi ngần ngại, người đàn bà đó đang ôm lấy chân Chúa và ông nghĩ trong lòng, mong chờ Chúa bộc phát cơn giận. Nhưng Ngài không nói một lời, cũng chẳng cho thấy dấu hiệu rằng Ngài thấy một điều gì bất thường đang xảy ra. Và bữa ăn vẫn tiếp tục.

Nhưng câu chuyện đã trở nên bị gián đoạn, vì bây giờ Simôn lại chìm đắm trong dòng suy nghĩ. “Mọi việc thế là rõ,” Simôn tự nói với lòng. “Người này chắc chắn không phải là một vị tiên tri, vì nếu thật là một tiên tri thì ông ta ắt phải biết người đàn bà đang rờ đến mình là ai và là người như thế nào. Bà ta rành rành là một kẻ xấu nét.” Và cách mà Simôn nhìn sự việc, không có Đấng tiên tri nào, bày tỏ mình là người phát ngôn của Đức Chúa Trời, lại để cho một người đàn bà xấu nét chạm đến mình. Và chắc chắn, chính Đức Chúa Trời cũng sẽ không làm như thế.

Tất nhiên, trong sự tôn trọng tối thiểu thì Simôn chắc chắn là đúng. Kinh thánh đã tuyên bố cách rõ ràng rằng những gì ô uế chắc chắn sẽ không được đến trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời. *“Những loài chó, những thuật sĩ, những kẻ tà dâm, những kẻ giết người, những kẻ thờ hình tượng, và những kẻ ưa thích cùng làm những sự giả dối đều ở ngoài hết thảy”*

(Khải huyền 22:15). Thiên đàng tối thiểu cũng không thể bị trở nên một nơi xấu xa như thế giới hiện nay.

Nhưng tại đây có một điểm chìm ẩn thú vị trong cách lý luận của Simôn. Ông đã mời Chúa vào nhà rõ ràng với suy nghĩ nếu Đấng Christ thật là một Đấng tiên tri thì ngôi nhà của ông có đủ sạch và thánh khiết để có thể mời Ngài vào hay không. Ông ta thừa nhận điều này mà không hề suy nghĩ gì. Không phải ông cho rằng mình là vô tội, chắc chắn là không. Nhưng ông cho mình chắc chắn khác xa người đàn bà này: bà là một con người đầy tội lỗi, rất không đứng đắn. Còn tội của ông... tất nhiên bạn không thể coi bất cứ tội nào là tốt cả... nhưng đó là loại tội mà chỉ những người đứng đắn, đáng kính trọng mới phạm mà thôi... mà theo ý của ông, những tội này không quá xấu đến nỗi khiến nhà ông không đủ tiêu chuẩn để đón một tiên tri của Đấng Toàn Năng.

NHỮNG MỨC ĐỘ TỘI LỖI

Có một Tiếng Nói cất lên từ phía bên kia bàn và đưa Simôn về thực tại. *Hỡi Simôn, Ta có vài lời nói cùng ngươi.* Đó chính là Chúa. Simôn thưa rằng: *Thưa thầy, xin cứ nói. Một chủ nợ có hai người mắc nợ...*(Luca 7:40-41). Với một sự so sánh nổi bật Chúa đã đưa ra hai điều giống nhau: Tội lỗi cũng như một món nợ. Nếu một người mắc nợ 5.000.000 bảng Anh mà không thể trả nổi, thì người đó bị phá sản. Cũng vậy, nếu một người mắc nợ 5 bảng Anh mà không thể trả nổi thì cũng bị kể là phá sản. Có thể sẽ không có sự so sánh về số tiền nợ nhưng phá sản về nguyên tắc thì hoàn toàn giống nhau. Và nếu tội lỗi cũng giống như một món nợ thì chắc chắn những sự đồi bại trụy lạc của những con người xấu xa sẽ bị kể là vỡ nợ trước luật pháp của Chúa, nhưng đối với tội lỗi của những con người đáng kính thì cũng kể như là phá sản mà thôi.

Thật vậy, chúng ta thường có khuynh hướng xếp tội vào những loại khác nhau... mặc dù cách sắp xếp của chúng ta có thể tạm chấp nhận được nhưng chắc chắn sự xếp loại của Chúa thì sẽ khác chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta đều biết chúng ta nói gì khi coi một số tội là xấu xa, ghê gớm, và việc mô tả phục vụ cho mục đích hữu dụng trong việc định nghĩa thực tế. Nhưng chúng ta phải cẩn thận đừng để những sự phân biệt thực tế đó dẫn chúng ta đến một kết luận hấp tấp rằng những tội “không xấu xa” (loại tội mà chúng ta nghĩ rằng phần lớn tội của chúng ta ở trong dạng này) về một mặt nào đó là tinh sạch. Không có tội nào được coi là sạch cả. Mọi tội đều ô uế. Phải thừa nhận rằng có một sự khác nhau giữa một vết ố nhỏ và một tấn nhỏ nổi, nhưng sự khác nhau chỉ là về mặt số lượng: còn chủ yếu về mặt phẩm chất cũng như đặc tính thì một vết ố nhỏ cũng giống như một tấn. Tội về mặt tính dục thì chắc chắn sẽ khiến con người không đủ tiêu chuẩn để đến trước sự hiện diện của Chúa. Nhưng cũng không có tội nào làm được điều ngược lại. Nói cách chính xác hơn là: mọi tội đều xấu.

Một người chủ có hai người mắc nợ. Một người nợ năm trăm đơ-ni-ê và một người nợ năm chục.

Chúa đã đưa ra ví dụ của Ngài; và nếu lúc đầu khi Simôn có sự so sánh đánh giá thầm kín trong lòng về tội lỗi thì bây giờ đến lượt Chúa so sánh. Về mặt số lượng thì hai người này mắc nợ chủ số tiền rất khác nhau: nhưng họ hoàn toàn giống nhau ở điểm này: không ai có thể trả dầu chỉ một đồng, họ đều bị phá sản như nhau. Lúc này dường như Simôn sắp nhận được một bài học bổ ích về việc chờ đoán xét kẻ khác, như thế ví dụ này sẽ dẫn đến một sự quở trách hợp lý. *Chớ đoán xét ai và các ngươi sẽ không bị đoán xét.* Nhưng tại điểm này, ví dụ của Chúa đã bẻ ngoặc một cách bất ngờ và chuyển sang một hướng hoàn toàn khác.

Có một người chủ nợ có hai con nợ. Một người nợ năm trăm còn người kia năm chục. Và khi cả hai không có gì để có thể trả được nợ thì chủ nợ tha cho cả hai. Vậy hãy cho Ta biết trong hai người đó ai yêu chủ nợ hơn? Simôn đã có sẵn câu trả lời vì ông rất giỏi trong việc so sánh. Tất nhiên, nếu bạn chỉ đơn thuần nghĩ đến những món nợ thì chẳng có gì phải bàn, vì nếu món nợ càng lớn thì vấn đề càng trở nên nghiêm trọng, và nếu, trong thế giới kinh doanh, cách duy nhất để thoát được nợ là phải trả nợ thì món nợ càng lớn, con nợ càng ở trong thế bất lợi và nỗ lực để có thể xóa được nợ càng trở nên khó khăn hơn.

Nhưng nếu ở đây bạn đang giới thiệu một người chủ nợ đặc biệt nhân từ và rộng lượng đến nỗi ông ta sẵn sàng hoàn toàn bỏ qua món nợ, chỉ đơn thuần xóa nó đi mà không cần đòi hỏi phải được trả lại bất cứ điều gì, lúc đó hiển nhiên là người mắc nợ càng lớn thì khi món nợ được xóa lòng càng nhẹ nhàng hơn, và anh ta càng biết ơn hơn nữa đối với người chủ nợ của mình. Simôn đã nói được điều hiển nhiên đó. *Trong hai người đó ai yêu chủ nợ hơn?* Simôn thưa rằng: *tôi tưởng là người mà chủ nợ đã tha nhiều nợ hơn* (Luca 7:42-43). Câu trả lời của ông hoàn toàn đúng.

MỨC ĐỘ CỦA SỰ THA THỨ

Nhưng một yếu tố mới trong sự tính toán đã làm đảo lộn mọi thứ. Tha thứ một cách nhưng không! Tha thứ một cách hoàn toàn, không tính toán và không đòi hỏi gì cả, món nợ đã được xóa bỏ mà không cần phải trả dầu chỉ một xu, sự tha thứ không đòi hỏi phải xứng đáng nhưng được dành cho những người, theo định nghĩa là người không có gì để có thể trả nợ. Không có gì sai khi ngụ ý: nếu tội lỗi giống như món nợ thì Đức Chúa Trời chính là Người Chủ Nợ Nhân Từ đã tha hết nợ. Điều này khác biệt hoàn toàn so với mọi nhận thức trước đây của Simôn. Tất nhiên ông tin vào sự tha thứ; những bài thi thiên, những bài thánh ca và Kinh Thánh của ông luôn hướng đến điều này và trong những lời cầu nguyện của mình ông luôn cầu xin Chúa ban sự tha thứ của Ngài trên ông, trong khi những thầy tế lễ tại đền thờ thường tuyên bố cho những người đến ăn năn và dâng sinh tế chuộc tội rằng họ được tha thứ rồi.

Tuy nhiên, cho dù trên lý thuyết và về mặt thần học vấn đề này là gì đi nữa, trong thực tế và trong kinh nghiệm về sự tha thứ thì ông biết chưa từng có điều gì giống như sự tha thứ của người chủ nợ này. Đôi lúc ông được tha những tội nhỏ, lật vạt trong tâm linh nhưng chứng tích vẫn còn đó, và tận trong tâm khảm của mình ông biết ông vẫn còn đang mắc nợ những tội đó. Chỉ có một điều khiến ông tự cảm thấy được an ủi rằng: những gì ông nợ, sự cách biệt giữa những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi và những gì ông làm được, không quá lớn như đối với những loại người giống như cô gái mãi dâm này.

Nhưng khoảng cách vẫn còn đó, và việc tha thứ những tội lật vạt cũng chẳng giúp gì trong việc thu hẹp khoảng cách này. Hằng ngày, cùng với những nỗ lực và kỷ luật khắc khe ông ghép mình vào, ông làm tất cả những gì ông biết để có thể thu hẹp khoảng cách đó, và đạt đến một vị trí mà ít nhất cho ông có cơ sở để tin rằng lòng nhân từ của Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài nhìn xem số lượng nợ rất bé nhỏ của ông và cuối cùng cũng sẽ cho ông bước vào Thiên đàng. Nhưng đó là vị trí mà sau nhiều năm cố gắng hết sức ông cũng không thể đạt đến nổi; thật sự thì cái khoảng cách đó cũng chẳng được thu hẹp thêm tí nào cả so với lúc đầu. Nó còn bắt đầu trông có vẻ... Nhưng đó là viễn cảnh mà Simôn sẽ chẳng bao giờ để mình cứ mãi day dứt. Lòng tự hào, cũng có thể là sợ hãi, đã che đậy tâm trí ông để không thể thấy được tính logic trong vị thế mình: nếu sự đòi hỏi tối thiểu trong luật pháp của Đức Chúa Trời là phải luôn toàn hảo, không đổi thì không có bất kỳ điều gì, ngay cả đó là sự

toàn hảo, có thể lấp được sự thiếu hụt của chỉ một tội đơn lẻ. Simôn không có gì để có thể trả được nợ của ông và ông cũng phá sản giống như người nữ mãi dâm kia.

MỨC ĐỘ CỦA TÌNH YÊU

Nhưng tiếng nói bên kia bàn vẫn cất lên: *Hỡi Simôn, người có thấy người đàn bà này không?* Tất nhiên là ông thấy bà ấy. Nhưng nếu ở đây Chúa nói rằng bà này đã thật sự cải đạo hay là đã được ‘cứu,’ thì chắc ông vẫn chưa sẵn sàng để tin được điều này, và tất nhiên là không chỉ đơn giản là vì Đấng Christ đã nói như thế. Nhưng Chúa đã không nói như vậy, hay ít ra là chưa nói như thế. Ngài đưa ra một vài điều hiển nhiên có thể thấy được. *Ta vào nhà người, người không cho nước rửa chân; nhưng người đã lấy nước mắt thấm ướt chân Ta rồi lấy tóc mình mà lau. Người không hôn Ta, nhưng người từ khi vào nhà thì hôn chân Ta hoài.*

Người không xức dầu cho đầu Ta; nhưng người lấy dầu thơm xức cho chân Ta (Luca 7:44-46). Lại một lần nữa có sự so sánh nhưng chính Simôn là người khởi sự và chính ông rất tự tin khi xác nhận sự việc rõ ràng đó, khi một người được tha hết nợ thì người đó sẽ yêu mến người đã tha thứ cho mình và nếu anh ta được tha thứ càng nhiều thì anh ta càng yêu nhiều hơn nữa. Và không có gì phải tranh cãi về sự thật là mặc dầu ông đã mời Chúa ăn trưa, nhưng ông đã không bày tỏ một tình yêu đặc biệt nào đối với Ngài. Ông chỉ tỏ ra phép lịch sự tối thiểu đương thời đối với Ngài, trong khi người phụ nữ này, như cách mà ông gọi bà ta, đã bày tỏ một tình yêu và một lòng tận hiến thật phi thường đối với Chúa. Nếu tình yêu là bằng chứng cho thấy đã được tha thứ...và không có tình yêu là bằng chứng của việc chưa được tha thứ...

Với một lý luận vững chắc, giọng nói lại tiếp tục: “Trên cơ sở của điều này ta nói cùng người tội lỗi của người đàn bà này nhiều lắm đã được tha hết... vì người đã yêu mến Ta là dường nào.” Đoạn xoay sang người đàn bà, Ngài giải thích rất nhiều về điều mà sự ấn chứng của Thánh Linh trong lòng bà đã khiến bà cảm nhận được rằng: *Tội lỗi người đã được tha rồi* (Luca 7:48).

Không chỉ riêng Simôn nhưng mọi người ở bàn tiệc đều thấy được vấn đề, mặc dầu không may là ở những bản dịch tiếng Anh đầu tiên có một điểm không thích hợp (may mắn là ở những bản dịch mới thì dịch rất tốt như là bản Jerusalem Bible và bản New English Bible) nhiều người nghĩ rằng Chúa ban sự tha thứ cho người đàn bà đó để đáp lại tình yêu bà đã dành cho Ngài. Và kết quả là họ cố gắng bằng mọi cách để khơi dậy tình yêu đối với Chúa hầu mong rằng, giá mà họ chỉ cần cố gắng để yêu Chúa đủ thì nhờ đó sẽ khiến Ngài tha tội cho họ.

Nếu không gì khác, chỉ cần những kinh nghiệm bình thường cũng sẽ cho họ thấy rằng điều đó là rất khó, chưa nói là hoàn toàn không thể xảy ra, để một người đang mắc nợ có thể yêu được người chủ nợ của mình trong khi món nợ vẫn đầy tràn và người chủ nợ thì cứ luôn đe dọa sẽ tiến tới. Nhưng khác xa những điều đó, thí dụ của Chúa đã cho thấy rất rõ ràng rằng người mắc nợ được tha thứ không phải vì yêu chủ nợ mà người đó chỉ bắt đầu yêu sau khi đã được tha thứ.

SỰ THA THỨ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Những người khách tại bàn tiệc đã lập tức thấy được ngay vấn đề. Nhưng điều làm cho họ sửng sốt là một ngụ ý khác trong lời nói của Chúa. Cũng giống như Simôn, họ chỉ quen với

việc được các thầy tế lễ trong đền thờ tuyên bố sự tha tội cho họ khi họ đem đến dâng những con sinh tế chuộc tội – nhưng những thầy tế lễ cũng chỉ tuyên bố sự tha thứ trong Danh của Đức Chúa Trời, không phải do thẩm quyền của họ, và nhường sự phán quyết lại cho Sự Đoán Xét Sau Cùng. Nhưng họ cảm thấy Đấng Christ đã tuyên bố sự tha tội như là bằng chính thẩm quyền của Ngài trong ý nghĩa cuối cùng và tuyệt đối. Họ nói: *Người này là ai mà cũng tha tội?* (Luca 7:49). Tất nhiên họ hoàn toàn đúng trong cảm giác của mình. Đấng Christ hành động ở đây trong khả năng riêng và tuyệt đối của Ngài như là Thẩm Phán Tối Cao, như chính Ngài đã từng bày tỏ trong Kinh Thánh điều đó: *Cha cũng chẳng xét đoán ai hết, nhưng đã giao trọn quyền phán xét cho Con đặng ai nấy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy. Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến. Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, ai nghe lời Ta mà tin Đấng đã sai Ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán xét song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống* (Giăng 5:22-24). Một lần nữa, Ngài phán cùng người đàn bà rằng: *Đức tin của ngươi đã cứu ngươi; hãy đi cho bình an* (Luca 7:50).

Và như thế một người phụ nữ sa ngã đã được cứu, và bà được biến đổi trở nên thích hợp để đi theo Con Đức Chúa Trời. Nhưng chính xác thì khi nào điều này đã xảy ra? Chúng ta không thể nói chính xác. Chúng ta biết rất ít về bà, ngoại trừ lúc Chúa bảo Simôn chú ý đến bà thì bà đã được tha thứ rồi, nên sự phản đối của Simôn đối với việc Chúa tiếp nhận bà ta là không có căn cứ. Bà đã từng rất xấu xa nhưng bây giờ thì không còn nữa. Cho nên bà đã được thay đổi khi nào thì chúng ta cũng chỉ có thể đoán mà thôi. Nhưng có một điều chúng ta biết, đó là sự thay đổi đó *không phải* có được do loại tôn giáo mà Simôn đang theo. Lời giảng của ông chống lại những sự xấu xa đời đời là hoàn toàn đúng, chính xác theo như Kinh Thánh, và rất cần thiết. Nhưng nó không đem lại sự thay đổi nơi người đàn bà này. Một khi bà đã sa ngã, thì đơn giản nó càng kéo bà lún sâu hơn trong sự tuyệt vọng. Làm sao bà có thể xóa được quá khứ của mình, cho dù bà có sống ngay thẳng trong suốt cuộc đời còn lại? Và nếu quá khứ không được xóa bỏ thì sao bà có thể hòa nhập lại với xã hội tốt đẹp được? Và nếu bà không thể trở lại con đường ngay thẳng thì chỉ có con đường khác mở ra cho bà trong xã hội để bà sống phải chăng là quay trở lại con đường miệt mài trong tội lỗi như lúc trước? Và khi Simôn cùng những người như ông, bằng những lời giảng dạy và thái độ của họ đã tỏ ra một cách rõ ràng rằng họ rất coi khinh bà, và họ tự xem mình như là thành phần thượng đẳng, thì có lẽ sự thất vọng của bà sẽ càng sâu đậm đến mức biến thành đa nghi.

Một vài người trong thành đã từng ăn nằm với bà. Nhưng có chắc không ai trong bọn họ là không đến nhà hội của Simôn? Nhưng một ngày kia bà nghe thấy một diễn giả khác. Ngài cũng giảng chống lại những sự đời đời xấu xa nhưng có một điểm khác biệt – lời giảng dạy của Ngài cũng bao gồm cả những người hay đến nhà hội cũng như là những người bị phá sản trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng lúc đó Ngài dạy rằng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn sàng để nhận, đón tiếp và tha thứ hoàn toàn bất cứ ai thành tâm ăn năn tội – và chính Ngài, là Đức Chúa Trời, có đủ thẩm quyền ngay tại trên đất và ngay chính lúc này, tiếp nhận bất cứ ai bằng chính con người thật của họ để tha thứ, tẩy sạch, và khiến họ nên thánh, tiếp nhận họ vào mỗi thông công riêng tư với Đức Chúa Trời. Và với những lời đó, Ngài kêu gọi những tội nhân “hãy đến với Ngài” và bằng sự đơn sơ của mình bà đã tiếp nhận Ngài theo những gì bà hiểu. Bà đã đến, bất chấp những sự khinh thường, ghê tởm, và giận dữ hiện ra trên hầu hết mọi khuôn mặt tại bàn tiệc. Khi bà biết những lời của Ngài là thật thì bà đến ngay với Ngài. Bà đã được tha thứ và tiếp nhận, và không cần chú ý đến những điều xung quanh, bà đã khai thông đường cho sự vui mừng và nhẹ nhàng đến với bà. Lòng biết ơn của bà là bằng chứng tức thì của sự tha thứ mà bà cảm nhận được. Nhưng còn hơn thế nữa,

trong những năm tháng tiếp theo, nó chính là một trong những động lực biến đổi đời sống bà. Trong những câu Kinh Thánh cuối cùng, Luca đã nhắc nhở chúng ta nhớ rằng còn có rất nhiều người giống như người phụ nữ đó trong mọi thành phần của xã hội. Lòng biết ơn của họ không chỉ thể hiện bằng nước mắt; nó làm thay đổi cuộc sống của họ để trở thành những môn đồ, những tô-tớ thiết thực, tận tụy và thánh khiết của Chúa.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Trong phân đoạn Kinh Thánh này thì Đấng Christ xuất hiện trong Thân Vị nào?
2. Tại sao Đấng Christ lại không thích những việc lành và công bình riêng của Simôn?
3. Làm sao chúng ta biết được người phụ nữ đó đã được tha thứ?
4. Câu chuyện này cho chúng ta biết một tội nhân là người như thế nào?
5. Thái độ của Đấng Christ đối với tội lỗi của chúng ta là gì? Ngày nay Ngài có còn tha thứ cho chúng ta nữa không?

CHƯƠNG 2

CỨU CHUỘC MỘT KẺ LỪA ĐẢO

Kinh Thánh: Luca 5:27-32; 7:34; 18:9-14; 19:1-10

Những thanh tra thuế hiếm khi là những nhân vật nổi tiếng. Thông thường họ là mục tiêu cho những lời đàm tiếu của chúng ta, và thỉnh thoảng khi chúng ta nhận được bản báo tiền thuế thì họ trở thành mục tiêu của những suy nghĩ cay đắng trong chúng ta. Nhưng tất nhiên, trong những lúc chúng ta bình tâm sáng suốt thì chúng ta cũng nhận thấy rằng họ là những con người đáng trọng và làm một công việc tuy rất cần thiết nhưng bị coi thường.

Tuy nhiên, người thu thuế ở Palestine khi xưa lại hoàn toàn là loại người khác. Thứ nhất là anh ta thu những thứ thuế mà đế quốc La mã đáng ghét đánh trên dân tộc của mình. Điều này khiến người Do thái xem anh ta là loại người hợp tác với kẻ thù, trong khi đối với phe cực đoan cánh hữu, là những người căm ghét sự chiếm đóng của đế quốc La mã không chỉ vì lòng yêu nước mà còn vì lý do tôn giáo, thì anh ta bị xem như là kẻ bội đạo và là tên phản bội.

Lý do thứ hai là vì sự căm dỗ vốn có trong cách tổ chức thu thuế của người La mã khiến anh ta nhiều lần trở thành kẻ lừa đảo. Thực ra người La mã chẳng bao giờ trực tiếp đi thu thuế. Họ chia thành nhiều khu cho những người đứng ra thầu, và bất cứ ai mua được quyền đó thì được tự do trong việc thu chỉ cần đến thời hạn thì nộp lại cho Rôma đủ số tiền đã ước lượng cho vùng đất đó, nên họ thu càng nhiều càng tốt để số dư sẽ lọt vào túi họ. Hơn nữa, nếu anh ta muốn thì anh ta có thể cho thuê quyền thu thuế này cho những phó thầu khoán bằng một giá nào đó để những người mua quyền này sẽ thay nhau cắt xén thêm nhiều khoản tiền lớn khác từ quần chúng để làm của riêng. Có nhiều người thu thuế rất là tàn nhẫn và họ trở nên cực kỳ giàu có.

Bởi vậy không có gì phải ngạc nhiên khi người Do thái xem tất cả những người trong tầng lớp thu thuế là những kẻ xấu xa hèn hạ, và các thầy Rabi cấm họ không được vào trong nhà hội. Và khi có một số trong những kẻ thu thuế này đến ăn năn xưng tội theo lời giảng của Giảng Báp Tít, thì Giảng cảnh cáo họ rằng nếu họ không ngừng ngay lập tức và vĩnh viễn những hành động tống tiền bản thủ và trái đạo lý đó thì họ sẽ chẳng bao giờ được coi là thật lòng ăn năn (Luca 3:12-13).

Vì thế khi thấy Đấng Christ thường đi chung với những người ở trong hàng ngũ thu thuế thì người Pharisi đã cực lực phản đối. Tất nhiên là họ không nhiệt tình với bất cứ loại hình thức truyền giảng nào, nhưng nếu Đấng Christ phải đi truyền giáo thì còn rất nhiều những con người nghèo khổ nhưng đáng kính để cho Ngài dạy dỗ. Tại sao Chúa thường hay bỏ ngoài tai những suy nghĩ của nhiều người đứng đắn mà đi giao thiệp công khai với những người thu thuế hèn hạ và tội lỗi? Điều này đối với họ là hành động nhắm mắt làm ngơ, bỏ qua trước những tội ác rành rành – một phương cách rất rẻ tiền để dành được sự ủng hộ.

Và bạn hãy tưởng tượng xem, Chúa lại đi chọn một người thu thuế tên là Lê vi (hay còn gọi là Mathio) trở nên một trong mười hai môn đồ đặc biệt của Ngài. Thế là Lê vi mở ngay một bữa tiệc chiêu đãi lớn tại nhà ông và đã mời Chúa cùng một số bạn thu thuế khác của ông đến dự (Luca 5:27-32). Đối với người Pharisi thì việc cố gắng giảng đạo cho người thu thuế là chuyện vô ích, và việc ngồi ăn chung với họ là đỉnh điểm của thái độ đáng ngờ. *Tại sao các người ăn uống với người thu thuế và kẻ có tội?* (Luca 5:30) họ chất vấn các môn đồ của Chúa trong sự cay đắng và giận dữ.

TỘI NHÂN CẦN ĐÁNG CỨU THỂ

Những người Pharisi vẫn cứ cảm thấy như vậy, và chúng ta rất dễ mà gọi tất cả bọn họ là “những người ly khai” (đây cũng chính là ý nghĩa của từ “Pharisi”) và với một tầm nhìn phóng khoáng hơn thì rất dễ cho chúng ta trút những sự khinh miệt lên những đầu óc hạn hẹp của họ. Nhưng chúng ta nên cố gắng hơn để hiểu về cảm xúc của họ.

Ví dụ như chỉ ít thì chúng ta cũng có thể thông cảm được tại sao đối với những người đã từng trực tiếp thấy những điều bất hạnh do rượu gây ra cho tất cả mọi người trong những gia đình có người nghiện rượu sẽ thấy khó chịu khi một nhà truyền giáo bước vào một quán rượu cho dù là với ý định sẽ giảng Tin Lành tại đó. Đối với họ thì việc giảng trong một quán rượu trong văn hóa Do thái cũng đồng nghĩa với việc thuyết giảng cho những sĩ quan trực những phòng hơi ngạt trong trại tập trung. Hay là, với một ví dụ khác, những hội chúng đáng kính ắt sẽ không chấp nhận việc những nhân sự nhiệt tình trong hội thánh mời gọi những người nghiện ma túy hay những người học hành dang dở đến tham dự giờ thờ phượng của hội thánh, không chỉ vì tình trạng xấu xa đơ bản của họ hay là do cách ăn mặc khác thường không hợp với thẩm mỹ của hội chúng (và cũng như với mũi của họ) nhưng là do các bậc phụ huynh đang ngồi tại đó thật sự e ngại rằng thay vì những người đó được cải hóa trở nên tốt hơn thì giới trẻ trong hội thánh lại sẽ bị tiêm nhiễm những thói hư tật xấu và sẽ bị dụ dỗ dùng ma túy.

Hơn nữa, những thành viên trong hội thánh có lẽ sợ rằng hội thánh của mình sẽ mang tiếng không tốt trong khu vực như là một nơi mà mọi thành phần bất hảo thường lui tới, và sẽ không có người ngoại đứng đắn nào nghĩ tới việc đến gần nơi này cho dù họ thấy cần được giúp đỡ về mặt tâm linh nhiều đến mức độ nào đi nữa. Có một số tội có tính phản xã hội một cách rành rành mà bất cứ cộng đồng tôn giáo nào cũng buộc phải dứt phép thông công bất kì thành viên nào đã phạm vào những tội đó vì nếu không thì cộng đồng đó sẽ hoàn toàn bị mất tín nhiệm với cộng đồng xã hội.

Cũng vì lý do này mà người Pharisi đã cấm người thu thuế vào nhà hội của họ. Và cũng vì lý do này mà Phaolô đã truyền lệnh cho hội thánh phải dứt phép thông công với ai xưng mình là Cơ Đốc Nhân mà phạm những tội nghiêm trọng mang tính phản xã hội (I Côrinthô 5: 1-13). Không phải sự kỷ luật này đã ngăn trở sự phát triển rộng rãi của Tin Lành trên thế giới, nhưng ngược lại, chính vì thiếu kỷ luật. Trong quá trình lịch sử, rất nhiều lần hội thánh đã phải mang tiếng xấu vì đã trở nên gần như đồng hoá với giai cấp thống trị là những người chuyên ức hiếp người nghèo, và bởi việc chấp nhận những thành viên mà đời sống vô đạo đức của họ vẫn luôn được biết đến.

CUỘC ĐỜI MỚI

Vì thế, trong phần chuyên tiếp này, điều quan trọng là chúng ta phải chú ý đến những điều Chúa đã *không* làm. Mặc dầu Ngài là bạn của những người thu thuế và phường điếm, nhưng Ngài không bao giờ tìm cách phá vỡ luật lệ của nhà hội bằng cách đem những người thu thuế tội lỗi vào trong những buổi thờ phượng tại nhà hội, và Ngài cũng chẳng cố gắng tổ chức những buổi thờ phượng đặc biệt trong nhà thờ cho những cô gái điếm hay những buổi biểu diễn cho những thành phần bất hảo trong xã hội, như là cách của một số mục sư thời nay làm.

Lê-vi, một trong những sứ đồ của Chúa, đã là một người thu thuế trước khi ông tin Chúa, nhưng ông đã không tiếp tục làm nghề đó nữa. Khi Chúa gọi ông, lúc đó ông đang ngồi tại sở thu thuế để kiểm những nguồn lợi bằng sự bóc lột bất chính, nhưng khi đáp ứng tiếng gọi của Chúa để theo Ngài, ông đã bỏ nhiệm sở và không bao giờ quay lại nơi đó nữa. Chúa không quan niệm miễn là có tiền để ủng hộ Hội Thánh mà không xem xét số tiền đó được làm ra bằng cách nào. Và khi Lê-vi sau khi đã cải đạo, tổ chức một buổi tiệc đã đem nhiều bạn đồng nghiệp trước đây của ông tại sở thu thuế được gặp Chúa, thì đến cuối buổi tiệc, nếu không phải là ngay từ lúc bắt đầu buổi tiệc, mỗi người thu thuế trong nhà ông đều biết điều mà cả ông và Chúa đều muốn. Đó là đi ra để đem sự cứu rỗi cho những người thu thuế, đánh tan sự đam mê tiền bạc của họ, và kết thúc mãi mãi những việc bóc lột người khác của họ.

Nhưng để có thể cứu vớt được những người này, Chúa đã chuẩn bị để gặp, cùng ăn cùng uống với họ, và điều này cũng làm người Pharisai chống đối. Câu trả lời của Chúa cho sự chất vấn của họ thật tuyệt vời và làm sáng tỏ ý nghĩa. *Không phải người khỏe mạnh cần thầy thuốc, song là người đau ốm. Ta không phải đến gọi kẻ công bình hối cải, song gọi kẻ có tội.* (Luca 5:31-32). Tội lỗi theo định nghĩa là điều xấu xa và ghê sợ, có một số loại tội thì rất dễ lây lan, và một số tội nhân là những kẻ xấu xa và hoàn toàn sa đọa. Nhưng đó chính là những tội nhân mà Chúa đã đến thế gian này để tìm và cứu.

Ngài sẽ là vị bác sĩ như thế nào nếu Ngài lại từ chối đến gần những nơi có người bệnh? Ví dụ như nếu một người bị mắc chứng viêm màng não, một mặt sẽ là một sự nhân từ sai trật nếu không cách ly người đó, và sẽ hoàn toàn có tội nếu để cho bất cứ ai cũng được đến thăm người đó. Nhưng mặt khác, nếu cả những thầy thuốc và y tá cũng tránh xa thì người đó chắc chắn phải chết. Không phải bất cứ Cơ đốc nhân nào cũng được kêu gọi hay trưởng thành đủ về mặt thuộc linh để có thể trở thành một nhà truyền giáo cho mọi tội nhân, nhưng ngay cả những người phạm những tội lỗi xấu xa nhất cũng vẫn là con người, vẫn được Chúa yêu và không thể bị bỏ mặc trong tuyệt vọng. Ai đó phải đến ngồi cùng chỗ với họ, tìm kiếm họ và giới thiệu về Phúc Âm cho họ.

Thật ra, một số người thuộc hàng ngũ những con người xấu xa này còn có khả năng đáp ứng với Tin lành hơn là nhiều người hay đến nhà thờ với vẻ bề ngoài đường hoàng và đáng trọng, và đây là điểm chính mà Chúa đề cập đến về những người thu thuế trong phân đoạn tiếp theo trong Phúc Âm Luca: *Và khi mọi người đã nghe về Ngài, [v.d. như từ trong bài giảng của Giăng Báp-tít], ngay cả những người thu thuế sau khi chịu báp-tem cũng xưng Đức Chúa Trời là công bình. Nhưng người Pharisai cùng những thầy dạy luật không chịu Giăng làm phép báp-tem nên đã chê bỏ ý Đức Chúa Trời định về mình* (Luca 7:29-30).

Đức Chúa Trời qua Giăng Báp-tít đã tuyên bố rằng để chuẩn bị sẵn sàng cho Đấng Christ đến, con người cần phải ăn năn hoàn toàn, phải xưng nhận toàn bộ những điều không xứng đáng của mình và điều này được tượng trưng qua việc báp-tem bằng nước. Đối với người thu thuế thì khá dễ dàng cho họ để thừa nhận sự đánh giá công bằng của Đức Chúa Trời vì họ rành rành là những tội nhân và họ cũng nhận biết điều đó. Nhưng người Pharisai lại cảm thấy buồn bực và bị xúc phạm. Họ đã sẵn sàng để xưng ra những tội vãn thình thoảng phạm của họ. Nhưng Giăng đã khẳng định rằng cho dù với tất cả những kỷ luật tôn giáo của mình thì bản thân họ vẫn không xứng đáng và vẫn cần được cứu rỗi, một điều đã đánh vào chính họ mà họ xem như là một sự phóng đại vô lý và không công bằng. Họ cảm thấy họ là những con người trung thực đã dâng mình để làm trọn những luật pháp của Đức Chúa Trời với tất cả khả năng của họ. Có thể họ chỉ thất bại một chút nhưng không cố ý. Và việc gọi

họ như là những người không đạt tiêu chuẩn đạo đức và thuyết phục họ chịu báp tem giống như những người thu thuế là chuyện lố bịch về mặt luân lý đối với họ.

Vì thế họ cho rằng Giảng đã bị quý ám và không cân bằng về mặt tình cảm, và họ từ chối không chịu làm báp tem. Nhưng theo Chúa thì điều họ từ chối không làm chính là lời dạy bảo của Đức Chúa Trời. Đối với tiêu chuẩn toàn hảo của Ngài thì họ hoàn toàn thất bại. Hơn nữa, bằng việc từ chối lời dạy của Chúa, họ đã thêm sự chống nghịch rành rành vào sự thất bại của mình, và chúng tỏ rằng tấm lòng tôn giáo của họ về cơ bản đã xa khỏi kinh nghiệm của sự biến cải và nghịch với Đức Chúa Trời cũng như những người chưa tin (Rôma 8:6-8). Thật ra, họ còn ở trong tình trạng nguy hiểm về thuộc linh còn hơn cả những người thu thuế vì những kỷ luật tôn giáo của họ đã che đậy cho sự thật là họ cũng cứng lòng và không cần Đức Chúa Trời như những kẻ ngoan cố khi phạm tội ác.

MỘT THÍ DỤ

Đây chính là nguy cơ thường có đối với những người thiên về tôn giáo, và để chống lại điều này Chúa đã đưa ra một ví dụ về người Pharisi và người thu thuế (Luca 18:9-14). Nếu chỉ nhìn sơ qua thì thí dụ này sẽ gây sự ngờ vực: nó dường như làm quan trọng những con người tội lỗi và coi khinh cũng như xem thường nỗ lực sống đạo đức – người thu thuế trở về nhà và được xưng công bình hơn người kia (Luca 18:14). Nhưng tất nhiên thí dụ này không có ý hạ thấp những việc làm tốt nhưng là để ngăn việc lạm dụng nó. Ở đây là Chúa nói về *những kẻ cậy mình là người công bình mà khinh dể kẻ khác* (Luca 18:9).

Có hai điều xấu ẩn chứa trong thái độ của loại người đó. Điều đầu tiên là họ chỉ tin vào bản thân họ và những việc công bình riêng của mình, ngay cả khi đến trước mặt Đức Chúa Trời và trông chờ Ngài chấp nhận họ dựa trên những điều họ làm và trên tri thức của họ; và điều thứ hai là họ khinh thường những người không sống tốt như họ. Hãy nghe lời cầu nguyện của người Pharisi: *Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài vì tôi không phải như người khác – tham lam, bất nghĩa, gian dâm, cũng không phải như người thu thuế này. Tôi kiêng ăn một tuần hai lần, và nộp một phần mười về mọi món lợi của tôi* (Luca 18:11-12).

Bây giờ nếu ở vào địa vị một vận động viên chuẩn bị bước vào một cuộc chạy đua 1000 mét thì thái độ như trên có thể hiểu được; và nếu bỏ đi những lời khoắc lác thì có thể chấp nhận được. Nếu người vận động viên đó đã được tập luyện một cách nghiêm túc và đang ở đỉnh cao phong độ, và đối thủ của anh ta lại không được huấn luyện gì cả, nhưng lại nghiện thuốc lá và rượu, hay thức khuya, lên cân quá mức và có bàn chân bết, người vận động viên đó sẽ thiếu thành thật nếu anh ta không tự tin vào khả năng của mình để đánh bại đối thủ và giành lấy chiến thắng. Khi có những công việc mà những Cơ đốc nhân thật sự mong ước được làm cho Đức Chúa Trời thì Phao lô thúc hối chúng ta phải có cùng một thái độ như của người vận động viên khi tập luyện. Vì có những phần thưởng đời đời chỉ được dành lấy qua một đời sống kỷ luật nghiêm khắc và trung tín trong những công việc gian khó, trong khi sự bất cẩn có thể dẫn đến việc không xứng hiệp với chức vụ (I Cô 9:24-27).

PHẦN THƯỞNG HAY QUÀ TẶNG?

Nhưng những phần thưởng cho công việc tốt, như tầm quan trọng và còn đời đời của chúng, thì hoàn toàn là vấn đề khác đối với sự cứu rỗi và sự chấp nhận của Đức Chúa Trời (xem I Cô 3:10-15, chú ý đặc biệt câu 15). Đức Chúa Trời chấp nhận chúng ta chẳng bao giờ dựa trên những việc của chúng ta làm, cũng như sự cứu rỗi không phải là một cuộc chạy đua để

ai đến trước thì sẽ giành được giải nhất. Những gì chúng ta có thể làm được cách tốt nhất thì cũng còn rất xa mới đạt đến được tiêu chuẩn toàn hảo của Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ chẳng bao giờ giả vờ rằng những việc đó đủ tốt để Ngài chấp nhận chúng ta. Mặt khác, những gì chúng ta không bao giờ có thể kiếm được thì Ngài đã sẵn sàng ban cho tất cả mọi người, đó là: sự chấp nhận từ thiên thượng và sự cứu rỗi như là một món quà hoàn toàn miễn phí được ban tặng chỉ dựa trên lòng ăn năn và đức tin.

Hãy lắng nghe lời cầu nguyện của người thu thuế và lời Chúa nói về người này: *Người thu thuế đứng xa xa, không dám ngước mắt lên trời đấm ngực mà rằng, Lạy Đức Chúa Trời! Xin thương xót lấy tôi vì tôi là kẻ có tội! Ta nói cùng các người, người này trở về nhà mình được xưng công bình hơn người kia* (Luca 18:13-14). Theo đó, nếu một người khá tốt lành và được xưng công bình hoàn toàn chỉ dựa trên cơ sở lòng ăn năn và đức tin của người đó bởi ân điển Đức Chúa Trời thì trong khía cạnh này anh ta cũng không cao trọng hơn người xấu xa nhất và cũng không có điều gì để khinh thường người kia mà hãnh diện về bản thân mình. Anh ta sẽ không tiếp tục tin cậy vào bản thân mình như là một người công bình mà thà học theo thái độ của Abraham là *người tin cậy nơi Đức Chúa Trời, và điều đó được kể là công bình cho ông.* (Rô ma 4:3-5).

Tuy nhiên, tại điểm này thì ai cũng thấy khó hiểu và khó chấp nhận được giáo lý rằng một người được cứu bởi đức tin chứ không phải nhờ làm theo luật pháp, như Phao lô đã nói trong Rô ma 3:28. Điểm khó hiểu ở đây chính là: nếu một người được cứu rỗi không phải dựa trên việc tuân thủ luật pháp của Đức Chúa Trời và người đó nhận được sự cứu rỗi như một món quà và biết mình được Đức Chúa Trời chấp nhận, tin chắc Ngài sẽ không bao giờ từ bỏ mình thì, điểm tranh luận là ở đây, anh ta sẽ lạm dụng ân điển của Đức Chúa Trời mà sống buông thả và tội lỗi. Rõ ràng đây chính là điểm khó hiểu mà những người khi nghe Phao lô, đã dùng để chống lại ông và ông đã trả lời điều này trong thư gửi cho người Rô ma (6:1-4). Nhưng Luca, người bạn đồng hành của ông, cũng có thể giúp chúng ta hiểu được vấn đề này khi chúng ta cùng xem thêm một câu chuyện nữa về người thu thuế và Đấng Christ.

Xachê không chỉ là một người thu thuế bình thường nhưng ông còn là đầu trưởng của mọi người thu thuế trong cả khu vực. Ông đương nhiên cũng là một người rất tàn nhẫn và giàu có. Người dân không có cách nào để ngăn cản sự bóc lột qua việc thu thuế của ông, nhưng họ bày tỏ cho ông biết rõ họ nghĩ gì về ông. Mọi người đều căm ghét ông; ông bị căm không được đến nhà hội và không một người bình thường nào lại mong muốn tiếp xúc với ông cả. Vì thế, khi một ngày nọ Chúa bảo Ngài sẽ đến dùng bữa tại nhà của Xa chê thì đám đông làm bầm giận dữ. Họ cảm thấy rằng việc công khai chấp nhận một người như thế thì có thể khiến người đó nghĩ rằng mọi người chấp nhận cái tư cách xấu xa của người đó và sẽ khuyến khích anh ta tiếp tục sống như vậy. Nhưng trước sự ngạc nhiên của cả đám đông, Chúa chỉ vừa mới bước vài bước trên đường để đến nhà của Xa chê thì phép lạ đã xảy ra. Xa chê đột ngột dừng lại và nói: *Lạy Chúa, này, tôi lấy nửa gia tài mình mà cho kẻ nghèo, và nếu có làm thiệt hại ai, bất kỳ việc gì, tôi sẽ đến gấp tu* (Luca 19:8). Và như thế những gì mà sau bao nhiêu năm tháng được thuyết giáo và bị xã hội tẩy chay ruồng bỏ nhưng vẫn không gây ảnh hưởng gì trên người này thì sự tiếp nhận của Chúa đối với ông đã có kết quả chỉ sau vài phút. Điều đó đã xảy ra như thế nào?

VIỆC TỐT

Tất nhiên chúng ta không thể biết hết những điều diễn ra trong tâm trí Xachê, nhưng Luca đã cho chúng ta một số gợi ý rất rõ ràng. Trước hết là mặc dầu đã được Chúa tiếp nhận

nhưng ông không muốn tiếp nhận Ngài mà không có dấu hiệu nào để bày tỏ lòng ăn năn của mình. Khi Chúa gặp ông thì lúc đó ông đang ở ở một chỗ hết sức lạ lùng, tuốt trên cây, và Chúa, Đấng biết rõ lòng ông và biết rõ tại sao ông lại ở một chỗ lạ lùng như thế: vì ông muốn được nhìn thấy Chúa. Tất cả những việc làm kiếm tiền của ông, cảm giác quyền lực trên người khác cũng không thể thỏa mãn ông: ông chỉ mong muốn tìm *xem Đức Chúa Giê-xu là ai* (Luca 19:3). Ông không nghi ngờ khi nghe về sự dạy dỗ của Chúa và cảm nhận tận trong tấm lòng rằng những gì Ngài dạy là đúng. Nhưng bây giờ thì ông mong muốn xem coi Chúa là người như thế nào.

Bản thân Xachê là một con người thấp bé nên ông phải leo lên trên cây mới nhìn được qua đầu đám đông. Nhưng ông không chỉ thấp bé về mặt thể xác, nếu không ông cũng chẳng lấy việc bóc lột thuế trên những con người nghèo khổ sống chật vật qua ngày làm vui mừng. Thật ra, có lẽ do thân hình thấp bé nên ngay từ khi còn trẻ ông đã hình thành ăn sâu trong lòng mặc cảm tự ti và cảm giác bị xua đuổi ruồng bỏ, đây chính là điều luôn khiến ông phải nỗ lực tự chứng tỏ sự 'cao trọng hơn' của bản thân. Có lẽ việc lao vào kiếm tiền của ông là do trong tiềm thức ông cho rằng nếu trở nên cực kỳ giàu có thì mọi người sẽ kính nể ông. Nhưng thật ra việc đó chỉ làm cho người ta càng thêm khinh thường và né tránh giao thiệp với ông. Và điều này lại làm tăng cảm giác bị hắt hủi của ông và càng làm ông thêm quyết tâm để chứng tỏ mình và bày tỏ sự cao trọng của mình bằng cách làm tổn thương người khác và bóc lột thuế càng nhiều hơn từ những người khốn khổ và chất đầy nhà mình với những của cướp bóc sang trọng, trang hoàng lộng lẫy để gây ấn tượng với mọi người về sự giàu có của mình và khiến người khác phải ganh tỵ.

Đó là một vòng xoắn ốc vô tận và ngày càng tăng lên. Làm sao có thể phá vỡ được nó? Không phải nhờ dạy đạo lý thêm nữa – Xa-chê đã biết rằng tư cách của mình rất xấu nhưng tận trong những suy nghĩ thành thật của mình thì ông biết rằng ông không thể tự giúp bản thân mình được. Ông bị cuốn theo vòng xoắn đó bởi những lực thúc đẩy mà ông không thể hiểu cũng không thể kiểm soát được nó. Và sự tảo chay của xã hội chỉ càng làm những lực đó càng mạnh thêm. Chúa đã nhìn thấy lòng ao ước được nhìn xem Ngài của Xa-chê, một sự khởi đầu mờ nhạt của lòng ăn năn như tiếng kêu be be của con chiên đang bị mắc kẹt trong bụi cây mà không biết làm cách nào để thoát ra, và Chúa đã xóa bỏ mọi vướng mắc bằng việc tiếp nhận chính con người thật của ông và công khai bày tỏ sự tiếp nhận của Ngài bằng việc gọi ông xuống khỏi cành cây và cho ông biết Ngài sẽ đến nhà ông.

Cuối cùng thì Xa-chê đã có thể nhận thấy bao nhiêu năm khó nhọc trong sự lầm lạc của mình đã không thể đem lại điều gì nhưng bởi ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời thì ông đã được tiếp nhận không chỉ với con người nhưng ở cấp độ cao nhất, với chính Đấng Tạo Hóa.

Và điều này ảnh hưởng trên đời sống của Xa-chê như thế nào? Ông sẽ càng bóc lột hơn và không ngừng lợi dụng ân điển của Đức Chúa Trời chẳng? Không. Ông đã ngay lập tức từ bỏ những việc xấu xa đó và tuyên bố một chương trình từ thiện rất cao đẹp, không phải để cố gắng thuyết phục Chúa tiếp nhận mình nhưng đơn giản chỉ vì Ngài đã tiếp nhận ông rồi. Chúa phán: *Hôm nay sự cứu đã vào nhà này, vì người này cũng là con cháu Abraham* (Luca 19:9). Để có thể hiểu được ý nghĩa của điều Chúa phán có lẽ phải đọc rất nhiều những phần Kinh Thánh của cả Phao lô và Gia cơ viết về việc bằng cách nào mà sự xưng nghĩa bởi đức tin của Abraham đã dẫn đến những việc làm bày tỏ đức tin của ông là thật. Nhưng đó là một sự nghiên cứu lâu dài. Vì thế, ở đây chúng ta hãy bằng lòng với ví dụ về một trong những người ngưỡng mộ Abraham nhất: chính là Phao lô. Trước khi ông cải đạo, khi ông vẫn còn tin rằng sự cứu rỗi dựa trên công lao và việc giữ luật pháp của người đó, thì Phao lô

là một trong những người đầy lòng căm thù, đầy sự tự hào và cuồng tín nhất của mọi thời đại. Khi ông khám phá ra rằng sự cứu rỗi không dựa trên công trạng của một người nhưng hoàn toàn chỉ nhờ nơi ân điển của Đức Chúa Trời thì ông lập tức từ bỏ việc bắt bớ, vượt qua sự độc nhất hạn hẹp của người Do thái để có thể ôm lấy cả thế giới người ngoại trong tình yêu thương, và sẵn sàng trả giá bằng chính sự an nhàn, nghề nghiệp, vị trí xã hội và cuối cùng là chính mạng sống của ông để phục vụ cho đồng loại mình bằng cuộc đời và sứ điệp của tình yêu, điều này đã thay đổi cả lịch sử của Châu Âu , thật ra là của cả thế giới từ đó.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Ai là những người “tốt lành” vào thời đó và hiện nay?
2. Kết quả việc Lê vi đáp ứng tiếng gọi của Chúa là gì?
3. Ai là người cần Đấng Christ nhất, người Pharisi hay người thu thuế? Tại sao Chúa lại đến với những người thu thuế?
4. Thí dụ về người thu thuế và người Pharisi nói gì về việc lành?
5. Sự khác nhau giữa phần thưởng cho những việc làm trên đời này và sự cứu rỗi là gì?
6. Chúa đã nói gì với Xa chê và làm thay đổi đời sống ông mà bao nhiêu năm nghe giảng đã không thể làm được?

CHƯƠNG 3

BỆNH VỤC MỘT GÓA PHỤ

KT: Luca 2:36-38; 4:25-26; 7:11-17; 18:1-8; 20:45-21:4

Luca đã bày tỏ sự ưu ái đặc biệt đối với những bà góa. Trong những sách của ông chúng ta thấy đề cập đến nhiều bà góa hơn những sách khác trong cả Tân Ước lẫn Cựu Ước. Bà tiên tri Anne, người đàn bà góa tại Sa róp ta đã nuôi tiên tri Ê li, người đàn bà góa ở Cain đang đưa con trai duy nhất của mình đi chôn, bà góa xin được xét lại án trong thí dụ về Quan án không công bình, tất cả những người này đều là những bà góa và Luca là nhà Truyền Giáo duy nhất đề cập đến họ. Đồng thời tất nhiên ông cũng nhắc đến những phần mà những nhà Truyền Giáo khác cũng ghi lại - sự lên án của Chúa đối với những thầy thông giáo đã cướp tiền của những bà góa với danh nghĩa tôn giáo, và lời nhận xét của Ngài đối với bà góa là người đã tình nguyện dâng cho đền thờ hai đồng tiền, là tất cả những gì bà có.

Nhưng hàm ý chung trong những phần Luca mô tả về những bà góa không nhấn mạnh về sự đau khổ của họ khi mất chồng - nếu về điểm này thì một người có thể sẽ có lòng thương cảm đối với một người chồng mất vợ cũng như là với một người cha mất con - mà về điểm đặc trưng của cảnh góa chồng là điều đánh động vào thế giới đương thời nhất: sự bất lực và không có khả năng tự vệ của những bà góa sau khi chồng của họ qua đời. Vào thời đó thì không có tiền trợ cấp cho những người góa bụa hay phúc lợi xã hội nào cả. Điều tệ hơn nữa là không có công việc nào dành cho một người góa bụa hay tối thiểu chỉ là một nghề đứng đắn. Vì thế, đối với bà ta thì nếu không có những nguồn thu nhập đầy đủ thì việc đơn giản chỉ để tiếp tục sống cũng là một vấn đề không dứt. Cảnh khó khăn của bà tự nhiên sẽ nhẹ nhàng hơn nếu bà có một người con trai đã trưởng thành hay một người đàn ông thuộc họ hàng vì những người này sẽ nhận trách nhiệm chăm sóc họ. Nhưng nếu họ là “người thật góa” như trong Tân Ước nói (I Tim 5:5), nghĩa là nếu như họ không còn một người đàn ông thân thuộc nào trong họ hàng có thể tiếp trợ cho thì cuộc sống của họ ắt sẽ vô cùng khó khăn.

Ngay cả nếu cho rằng người đó có thu nhập, tài sản hay công việc kinh doanh riêng thì họ vẫn luôn là con mồi cho những kẻ lừa đảo và những doanh nhân vô lương tâm là những kẻ sẵn sàng cướp hay lừa đảo họ. Tất nhiên, họ có thể tìm đến với những quan án ở địa phương để bảo vệ và dành lại công bằng cho mình, nhưng những người này thường không quan tâm đến việc giúp đỡ những kẻ góa bụa, hay vì đã được những doanh nhân đã nói ở trên trả tiền cho việc im lặng đó.

Tôn giáo cũng đem lại cho những người góa bụa này sự an ủi và những điều này chắc chắn không thể khinh thường. Những người yêu mến và kính sợ Đức Chúa Trời, đặc biệt là giữa những người I-sơ-ra-ên, xem việc giúp đỡ cho người góa bụa như là một trong những nhiệm vụ tôn giáo hàng đầu. Mặt khác, thì giới lãnh đạo trong hình dạng những thầy thông giáo thì lại hay thu tóm tiền thuế đền thờ và những loại thuế khác ngay cả đối với những bà góa là những người vô phương để có thể có tiền cho họ.

Mọi điều đó càng làm cho cảnh khốn cùng của những người góa bụa càng trở nên khốn khó hơn. Vì thế, không có gì phải ngạc nhiên khi thấy một bà góa bị dồn ép bởi nhu cầu và sự bất lực của mình sẽ càng nương dựa vào Chúa nhiều hơn và càng thống thiết trong sự cầu nguyện hơn chúng ta rất nhiều. Thật ra, cả trong những người Do thái và những Cơ đốc nhân, có một số bà góa đã tận hiến trọn cả cuộc đời cầu nguyện và rõ ràng trong trường hợp đó thì bà được cộng đồng cứu mang. Luca cũng kể cho chúng ta về bà tiên tri An-ne là

người chưa hề ra khỏi đền thờ, cứ đêm ngày hầu việc Đức Chúa Trời, kiêng ăn và cầu nguyện (Luca 2:37). Trong khi đó, Phao lô khi hướng dẫn việc tiếp trợ tài chánh cho những người đàn bà góa trong I Tim 5:3-10 đã mô tả “một người thật góa” là người để lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời, ngày đêm bền lòng cầu nguyện nài xin.

LƯƠNG TÂM XÃ HỘI

Từ những phần trên chúng ta thấy rõ ràng việc ưu ái của Luca dành cho những góa phụ không có nghĩa ông là Cơ đốc nhân duy nhất thuở ban đầu có một lương tâm xã hội. Bản thân ông cũng ghi lại rằng một trong những nhiệm vụ xã hội đầu tiên nhất của Hội Thánh còn non trẻ tại Giê ru sa lem là việc hằng ngày chăm sóc và cứu mạng những người góa bụa (Công vụ 6:1-6). Hơn nữa, các Cơ đốc nhân đã được thừa hưởng tấm lòng này từ chính Giu-đa giáo và Thánh Kinh Cựu Ước. Bộ luật cổ trong sách Phục Truyền Luật lệ ký cho thấy một sự quan tâm đáng kể của con người đối với người nghèo và yếu đuối nói chung và với những người góa bụa nói riêng. Tổ phụ Gióp khi bảo vệ sự liêm khiết trong cách sống của ông đã liệt kê trước tất cả những đức tính tốt khác, rằng chưa hề có người góa bụa nào khi nhờ ông giúp đỡ mà bị thất vọng (Gióp 31:16). Và khi các tiên tri trong Cựu Ước cảnh cáo nước Do thái về sự đồi bại của nó, than ôi họ thường phải làm điều này, họ đã đưa ra ví dụ về những tội lỗi xấu xa thì việc phốt lờ và áp bức người góa bụa thường được đưa lên đầu trong danh sách (ví dụ như trong Ê-sai 1:23).

Khi sự quan tâm đến người góa bụa là bổn phận bắt buộc đối với mọi người thì Kinh Thánh Cựu Ước xem đó phải là sự quan tâm đặc biệt của chính những người lãnh đạo và các quan xét. Câu Kinh Thánh vừa được trích dẫn thật ra là một lời cảnh báo cho giới cầm quyền thời đó về những tội lỗi thuộc chính trị và xã hội của họ: *Các quan trưởng của dân người là đồ phản nghịch, làm bạn với kẻ trộm, mỗi người trong chúng đều ưa của hối lộ, đeo đuổi theo tài lợi; chẳng làm công bình cho kẻ mồ côi, vụ kiện của người góa bụa chẳng đến cùng chúng nó.*

Và sự đau khổ về tội lỗi của họ càng trầm trọng do thực tế ở Y-sơ-ra-ên, chính quyền và các quan án được xem như là những người đại diện của Đức Chúa Trời. Sự xét xử công bằng của họ được cho là phản ảnh đặc tính của Đức Chúa Trời, và là sự mở rộng của nước Ngài. Khi sách Phục truyền luật lệ ký, bộ luật của họ, đưa ra một vài ví dụ về tính có một không hai của Đức Chúa Trời và sự không hề hư nát của nước Ngài thì ví dụ đầu tiên nhất được trích dẫn là sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với người góa bụa. *Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người là Đức Chúa Trời của các thần, là Chúa của các Chúa, tức là Đức Chúa Trời rất lớn, có quyền năng và đáng sợ, không thiên vị ai, chẳng nhận của hối lộ, bào chữa công bình cho kẻ mồ côi và người góa bụa...* (Phục truyền 10:17-18).

Do đó, khi các đầu trưởng và quan xét ở Y-sơ-ra-ên làm ngơ không chăm sóc những người góa bụa và thậm chí còn nhận của hối lộ từ những kẻ vô liêm sỉ để không xét công bình cho họ tại tòa án thì hành vi của họ không chỉ tạo nên một vụ bê bối xã hội mà còn làm xuyên tạc một cách báng bổ hình ảnh Đấng Toàn Năng.

Nhưng chúng ta nên tạm dừng ở đây để chắc chắn hiểu rõ Kinh Thánh Cựu Ước muốn nói gì khi chép về việc Đức Chúa Trời “thi hành phán xét người góa bụa.” Trong tâm trí của chúng ta thì có lẽ cụm từ này gợi lên hình ảnh một phiên tòa mà người góa bụa là một bị cáo phải trả lời về những việc làm sai trái của mình. Nhưng ý nghĩa của cụm từ này lại hoàn toàn ngược lại. Đúng hơn là nó ngụ ý về một phiên tòa mà người đàn bà góa là một nguyên cáo đòi sự công bình chống lại những kẻ đã lừa đảo và áp bức bà. Vì thế, ý nghĩ xuất hiện

trước tòa án công bình thiên thượng khiến lòng bà tràn ngập không phải với sự buồn rầu và sợ hãi nhưng với vui mừng và hy vọng. Việc xét xử sắp đến đối với bà không phải là một điều khủng khiếp nhưng là một tin lành thật sự. Hãy để Đức Chúa Trời hành động cho chính bà. Lời tuyên án và sự thực thi của Ngài sẽ chấm dứt mọi đau khổ của bà, và phục hồi lại những quyền lợi và tài sản mà những người láng giềng, những người thương nhân, những doanh nhân vô lương tâm, và có lẽ ngay cả chính quyền đã tước đoạt của bà.

Đó không phải là vấn đề trả thù những kẻ đã hại bà hay mong ước thấy họ bị trừng phạt nhưng đơn giản chỉ là việc lấy lại những tài sản hay quyền lợi mà bà đã mất, hay chấm dứt những sự bất bố và đau khổ mà bà đã phải chịu đựng. Lúc đó, các thế hệ những bà góa Do thái đã được khích lệ, an ủi với niềm tin rằng Đức Chúa Trời là Đấng thi hành sự phán xét cho người góa bụa. Và không chỉ đối với những người góa bụa: tất cả những ai quan tâm đến sự công bằng và ngay thẳng khi thấy những người góa bụa cùng những người khác bị những kẻ mạnh vô lương tâm lừa đảo và áp bức mà họ lại không có đủ khả năng để can thiệp và chấm dứt sự bất công thì cũng được an ủi rằng một ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ can thiệp vào.

KHI NÀO THÌ PHÁN XÉT?

Nhưng nếu Đức Chúa Trời là Đấng sẽ thi hành sự phán xét cho những người góa bụa và những người bị áp bức thì khi nào Ngài mới phán xét và Ngài đoán xét như thế nào? Hiển nhiên là không phải suốt ngày trong tuần. Ngay cả các Đấng tiên tri là những người luôn nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời luôn chăm sóc những người góa bụa, khi lên án những kẻ áp bức cũng cho thấy rằng những kẻ như thế thì rất thường thấy trong thời đó và họ thành công trong những thương vụ bất chính mà không hề có sự can thiệp nào từ Đấng Toàn năng.

Đối với các tiên tri thì Đức Chúa Trời can thiệp trong hai loại trường hợp. Những trường hợp thuộc loại thứ nhất là những tai ương lớn đối với vận mạng quốc gia. Ví dụ, tiên tri Ê-xê-chi-ên đã khẳng định rằng sự thất bại, tình trạng ô nhục và cảnh lưu đày của cả quốc gia trong tay người Ba-by-lôn là sự phán xét của Đức Chúa Trời trên họ, và đặc biệt là trên những người lãnh đạo tôn giáo và chính trị vì những hành động ức hiếp người nghèo và người góa bụa của họ (Ê-xê-chi-ên 22:23-31), và Xa-cha-ri không những cũng đồng ý mà còn cảnh cáo dân chúng của ông rằng nếu họ không rút ra được bài học cho họ trong cảnh lưu đày này thì Đức Chúa Trời sẽ còn khiến họ phải thất bại và bị lưu đày tệ hại hơn nữa.

Loại trường hợp thứ hai là khi Đấng Mê-sia đến. Ví dụ như trong thời của Ma-la-chi thì tâm trạng của cả nước là nghi ngờ không biết Đức Chúa Trời có thực sự sẽ can thiệp không: *Đức Chúa Trời của sự chánh trực ở đâu?* (Ma-la-chi 2:17) họ đã bắt cần đạo lý bắt Ma-la-chi phải trả lời và câu trả lời của ông trước hết là lời tiên tri nổi tiếng về việc xuất hiện của sứ giả dọn đường cho Đấng Mê-sia:

Này, Ta sai sứ giả Ta, người sẽ dọn đường trước mặt Ta (Malachi 3:1) và về lời tiên tri tiếp theo của ông về Đấng Mê-sia sẽ đến để thanh tẩy đất nước: Ta sẽ đến gần các ngươi để làm sự đoán xét, và Ta sẽ vội vàng làm chứng nghịch cùng những kẻ đồng bóng, tà dâm, những kẻ thề dối, những kẻ gạt tiền công của người làm thuê, hiếp đáp kẻ góa bụa và kẻ mồ côi, những kẻ làm hại người khách lạ, và những kẻ không kính sợ Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. (Malachi 3:5).

Vì thế, trong những thế kỷ sau lời tiên tri của Ma-la-chi thì những kẻ yếu đuối và người góa bụa đã gắn chặt niềm tin của họ vào sự trông chờ Đấng Mê-sia đến. Và không chỉ có những người góa bụa: cả vương quốc khi bị mất độc lập về chính trị và bị những cường quốc ngoại

bang áp bức và đôi khi bị bắt bớ vì niềm tin tôn giáo đã có cùng một cảm giác giống như người góa bụa, trông chờ và cầu nguyện để Đấng Mê-sia đến giải thoát họ khỏi những kẻ áp bức.

Cũng không phải là vô nghĩa khi Mary và Giô-sép đem Chúa lúc còn là trẻ sơ sinh lên đền thờ, thì bà góa phụ tiên tri Anne đã nói về con trẻ với mọi người xung quanh. Trong cuộc đời mình bà đã nếm trải sự hiu quạnh của một người góa phụ, và chính điều này đã khiến bà trở thành một người luôn hầu việc Chúa không thôi. Nhưng khi cầu nguyện, bà không chỉ nhớ đến những nhu cầu cá nhân của mình: bà còn *trông đợi sự giải cứu cho thành Giê-ru-sa-lem* (Luca 2:38) và việc Đấng Mê-sia sẽ giải cứu đất nước bà khỏi sự phụ thuộc vào những kẻ xâm lược. Và khi nhận biết Chúa Giê-xu chính là Đấng Cứu Thế, bà đã nói về Ngài với mọi người cũng đang trông đợi sự giải cứu như bà.

Khoảng ba mươi năm sau, khi Giăng Báp-tít xuất hiện xưng mình là kẻ dọn đường cho Chúa như đã dự ngôn bởi Malachi và giới thiệu về Chúa Giê-xu là Đấng Mê-sia đã đến để phán xét dân Ngài thì niềm hy vọng đã dâng cao giữa vòng những người trung tín: cuối cùng thì những người góa phụ và những kẻ bị bức hiếp sẽ được báo thù. Nhưng Đấng Christ dường như đã làm tan biến đi niềm hy vọng của họ. Họ tưởng rằng vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ ngay lập tức xuất hiện trên đất, và để sửa chữa những ngộ nhận của họ Chúa đã phán một thí dụ: *Có một vị thế tử đi phương xa đặng chịu phong chức làm vua rồi trở về* (Luca 19:11-27). Ý của Ngài đã rõ: Ngài sẽ phải ra đi và chỉ khi nào Ngài trở về thì Ngài mới bắt đầu thi hành sự phán xét và báo trả cho những người bị áp bức.

Ngài cũng phán lời thí dụ về Người đàn bà góa và Quan án không công bình (Luca 18:1-8), để khích lệ những kẻ theo Ngài rằng cuối cùng thì Đức Chúa Trời sẽ báo trả cho những kẻ Ngài đã chọn lựa là những kẻ ngày đêm kêu cầu với Ngài, tuy nhiên cũng cảnh báo cho họ rằng Đức Chúa Trời sẽ không phán xét ngay lập tức nhưng họ sẽ phải chịu khổ cực lâu dài đến nỗi cuối cùng, khi Con Người trở lại thì nhiều người hầu như đã bỏ mất đức tin, không còn tin vào một sự xét đoán nào cả.

Điều đó cũng không có gì ngạc nhiên vì ở đây chúng ta nói đến vấn đề của sự thử thách đức tin cách nặng nề nhất. Nếu có một Đức Chúa Trời quan tâm đến sự công bình thì tại sao Ngài lại để cho tội ác đầy dẫy mà không ngăn chặn? Nếu Chúa Giê-xu thật sự là Con của Đức Chúa Trời thì tại sao khi Ngài còn trên đất lại không hoàn thành lời hứa của các Đấng tiên tri và báo trả cho những người bị ức hiếp? Kinh Thánh Tân Ước đã có lời hứa rằng Ngài sẽ trở lại và xét đoán cả thế giới. Nhưng hai mươi thế kỷ đã qua mà lời hứa vẫn chưa được hoàn tất, trong khi đó, không vượt ra khỏi quốc gia Do Thái, trong sự hiu quạnh của cuộc đời góa bụa thì người đàn bà góa đã phải chịu những sự áp bức và bách hại kinh khiếp nhất mà thường lại từ chính tay những kẻ tự xưng mình là môn đồ của Đấng Christ. Làm thế nào chúng ta có thể tiếp tục tin vào lời hứa đó?

Ý THỨC ĐẠO ĐỨC

Đến đây thì chúng ta có đủ vấn đề rồi: hãy thử với một vài câu trả lời sau. Trước nhất, nếu có một Đức Chúa Trời quan tâm đến sự công bằng thì tại sao Ngài không can thiệp cho người góa bụa khi họ bị lừa đảo và Ngài tiêu diệt kẻ chuyên lừa gạt đó, hay tốt hơn là loại bỏ hoặc ngăn chặn kẻ lừa đảo đó trước khi hấn kịp giờ trò? Theo cách này thì sẽ chẳng còn một tội nhân nào nữa. Thật đúng như vậy, và cũng sẽ chẳng có một thánh nhân nào cả. Thật ra thì cũng sẽ chẳng còn một con người nào cả. Sự khác biệt giữa con người với con vật là ở

chỗ con người không phải sống đơn giản chỉ dựa vào bản năng: người đó còn có một ý thức đạo đức.

Để phát triển một phẩm chất đạo đức riêng thì một người phải được giao thêm những trách nhiệm và một sự tự do chọn lựa trong việc thực thi những trách nhiệm đó. Ví dụ như nếu tôi biết rằng có một ngàn bảng Anh trong cái hộp của ông chủ đặt trên bàn và rằng nếu tôi lấy cắp nó tôi vẫn có thể dễ dàng trốn đi với số tiền kiếm được thì tôi phải đối diện với một sự chọn lựa là có nên lấy cắp số tiền đó không, và như thế tôi có một quyết định về mặt đạo đức. Nhưng nếu tình cờ tôi biết được rằng cái hộp đó đã được nối với một dòng điện có thể gây chết người thì cái quyết định không lấy nó của tôi không còn là một quyết định về mặt đạo đức. Trong trường hợp đó thì tôi không còn một sự lựa chọn nào khác. Tôi có thể là một tên lưu manh khét tiếng nhất thế giới nhưng trừ khi tôi muốn tự tử, bằng không thì sẽ chẳng bao giờ tôi đụng đến cái hộp đó.

Hãy mở rộng điều này ra đến những tội có thể phạm và đến mọi người trên thế giới. Nếu chúng ta biết được rằng ngay khi chúng ta làm một điều gì đó sai trái hay có một thái độ sai lầm nào thì chúng ta lập tức bị Chúa cho sét đánh chết, chúng ta có thể sẽ cố gắng kiêng dè tội lỗi nhưng sự tiết chế đó của chúng ta không chứng tỏ rằng chúng ta là những con người liêm chính. Thật ra đó cũng chỉ giống như những phản xạ có điều kiện ở loài vật mà thôi.

Một lần nữa, để chúng ta có thể phát triển về mặt phẩm chất đạo đức thì chúng ta phải được giao thêm những trách nhiệm và được tự do thực thi những trách nhiệm đó. Chúng ta biết Đức Chúa Trời yêu thương con trẻ nhưng Ngài không tham gia một cách cá nhân vào việc nuôi nấng và dạy dỗ từng đứa trẻ. Trách nhiệm đó Ngài giao cho những bậc phụ huynh và các giáo viên. Nhưng nếu chỉ trong lần đầu tiên mà người cha, người mẹ hay vị giáo viên đó thất bại trong việc yêu thương đứa trẻ hay thật sự chỉ phạm một lỗi nào đó mà họ bị Đức Chúa Trời xét phải chết đi thì không biết sẽ có bao nhiêu bậc phụ huynh và giáo viên còn sống sau tuần lễ đầu tiên học việc? Sự thật là sẽ mau chóng không một phụ huynh hay giáo viên nào còn lại. Và cũng tương tự đối với những thẩm phán, chính trị gia và doanh nhân mà thật ra là đối với chúng ta hết thảy.

Vì thế, chúng ta cần phải thay đổi quan điểm của mình một lúc. Cho đến bây giờ chúng ta đã nói về những người góa bụa và những kẻ áp bức họ, và một cách tự nhiên chúng ta có khuynh hướng xem mình như những người góa bụa là những người bị hại hơn là những người phạm lỗi. Và có thể thật sự rằng trong cuộc đời chúng ta đã bị áp bức kinh khiếp. Nhưng khi điều này chỉ là một viễn cảnh duy nhất của chúng ta thì chúng ta sẽ thấy rất khó mà hiểu được tại sao Đức Chúa Trời lại không phán xét những tội nhân ngay khi họ vừa phạm tội. Nhưng hãy thấy rằng chúng ta bị hại như thế nào thì cũng đã phạm với những người khác như vậy, và như thế thì chúng ta như những kẻ áp bức hơn là những người bị ức hiếp. Chúng ta sẽ không quan tâm hỏi tại sao Đức Chúa Trời lại không xét đoán ngay lập tức những kẻ áp bức mà là liệu có còn sự cứu vớt nào cho những kẻ bức hiếp này hay không. Họ có thể được cứu khỏi tính hung ác của họ, khỏi những ham muốn xấu xa, và sự ích kỷ đã cuốn lấy họ và dẫn họ đến chỗ phạm tội không?

SỰ GIẢI CỨU CHO NHỮNG KẺ ÁP BỨC

Câu trả lời cho câu hỏi trên là CÓ, và Chúa đã rất tinh tế đưa ra câu trả lời đó vào trong bài giảng của Ngài tại nhà hội nơi quê hương Ngài là thành Na-xa-rét (Luca 4:16-30). Có một phân đoạn trong sách tiên tri Ê-sai 61:1-2 như sau: *Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên ta, vì Đức Giê-hô-va đã wxức dầu cho ta, đặt giảng tin lành cho kẻ khiêm nhường. Ngài đã sai*

ta đến đặng rịt những kẻ vỡ lòng, đặng rao cho kẻ phu tù được tự do, kẻ bị cầm tù được ra khỏi ngục; đặng rao năm ban ơn của Đức Giê-hô-va, và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta. . . Tất nhiên đây là lời tiên tri về những điều mà Đấng Mê-sia sẽ làm khi Ngài đến trần gian, và nếu nhìn thoáng qua lần đầu thì chúng ta có cảm tưởng rằng chương trình tuyệt diệu để giải cứu những người bị ức hiếp sẽ được hoàn tất chỉ khi Đấng Christ thực hiện việc phán xét của Ngài trên những kẻ chuyên áp bức.

Lúc này Chúa Giê-xu đang đọc phân đoạn Kinh Thánh này trong nhà hội, nhưng khi đến cụm từ *năm lành của Chúa*, (Luca 4:19) Ngài đọc cụm từ này và đột nhiên ngừng lại mà không đọc tiếp cụm từ theo sau, *ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta*, (Êsai 61:2) rồi Ngài xếp sách lại và nói: *Hôm nay đã được ứng nghiệm lời Kinh Thánh mà các ngươi mới vừa nghe đó* (Luca 4:21).

Đây là một cử chỉ hết sức xúc động. Ngài đã hiển nhiên tuyên bố rằng Ngài là Đấng Mê-sia. Ngài phán rằng Ngài đến để cứu giúp những người bị hà hiếp và giải phóng những kẻ bị cầm tù. Nhưng đồng thời Ngài cũng tuyên bố rõ ràng là trong giai đoạn này Ngài đến không phải để thực thi sự phán xét của Đức Chúa Trời trên những kẻ áp bức. Điều đó không có nghĩa rằng Ngài không tin vào sự thi hành phán xét. Trong những trường hợp khác (ví dụ trong Luca 17:22-37; 21:5-36) Ngài đã phán một cách rất trang nghiêm về việc xét đoán cả thế gian trong lần đến lần thứ hai của Ngài.

Nhưng trong lần đến lần thứ nhất này, Ngài quan tâm đến việc giải phóng cho những người bị áp bức cũng nhiều như việc giải phóng cho những kẻ áp bức. Những con người như những người thu thuế thì chắc chắn đã áp bức và lừa gạt những người góa bụa trong khu vực của họ. Những những kẻ đó làm như vậy vì bản thân họ cũng bị nô lệ cho những dục vọng và những điều phức tạp mà họ không thể kiểm soát được. Saulơ thành Tạt-sơ sẵn lòng Cơ đốc nhân để bỏ tù bởi vì chính bản thân ông cũng đang bị giam cầm trong cái nhà tù còn tệ hại hơn nhiều của sự mù quáng tôn giáo. Tiến hành ngày phán xét của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ giải thoát một loại tù nhân nhưng loại còn lại sẽ mãi mãi không còn hy vọng được cứu.

Hơn nữa, khi sự thương xót người góa phụ là sự khoan dung hợp pháp, thì cũng phải thừa nhận rằng ngay cả bản thân những người góa bụa cũng không hoàn toàn là vô tội. Những tội của họ tuy không kinh khiếp nhưng cũng giam cầm họ như những người thu thuế vậy. Cho nên đó cũng là điều tốt nhất ngay cả đối với những người góa bụa khi Đấng Christ chưa thực thi Ngày Phán Xét ngay tức khắc.

Tuy nhiên, Ngày Phán Xét đến chậm cũng là một sự thử thách rất lớn trên đức tin của những người thật sự có lòng nhịn nhục và do đó để chịu đựng sự sỉ nhục và bất công. Thật ra, điều cay đắng nhất trong sự chịu đựng của họ lại có thể chính là lòng nghi ngờ trở lên khi không biết đến cuối cùng thì sẽ có một Đức Chúa Trời quan tâm đến sự công bình hay không, hay sự lao khổ của họ đơn giản chỉ là một sản phẩm vô nghĩa của thế giới vô luân và duy vật này. Chúa cũng cho biết nhiều về điều này trong thí dụ về Bà góa và Quan án không công bình. Nhưng sự thử thách đức tin này không phải là một thảm họa. Nó cũng không phải là điều nguy hiểm hay khó khăn nhưng là hệ quả tất yếu vì đó là quyết tâm của Đức Chúa Trời để có thể cứu thêm nhiều tội nhân. Nếu chúng ta tin như Phierơ (I Phierơ 1:6-9), thì đó là một tiến trình cần thiết để làm vững mạnh đức tin người đó đến một mức độ sẽ khiến anh ta có thể vui mừng lớn trước cơ nghiệp đang hiện ra trước mắt trong tương lai.

CÀN CỐ ĐỨC TIN

Tuy nhiên, vẫn còn câu hỏi lớn tồn tại. Những lý do mà chúng ta đã nêu ra để giải thích vì sao Đức Chúa Trời không can thiệp ngay lập tức để báo thù cho người góa bụa và tiêu diệt kẻ áp bức thì có thể cũng rất vững chắc và có sức thuyết phục. Nhưng làm sao chúng ta biết chắc được rằng những điều đó là đúng và không đơn thuần chỉ là những cố gắng của chúng ta để hợp lý hoá những suy nghĩ của mình? Luca cho chúng ta biết đó chính là thắc mắc hàng đầu trong suy nghĩ của những người Na-xa-rét thời xưa khi họ nghe Chúa giảng trong nhà hội. Họ đã từng nghe về những phép lạ cụ thể mà Ngài đã làm tại thành Ca-bê-na-um, nhưng họ cảm thấy rằng cần phải có thêm nhiều chứng cứ nữa để họ có thể tin chắc vào Ngài.

Nhưng Ngài khước từ không làm bất cứ phép lạ nào ở trước mặt họ.

Thay vào đó Ngài chỉ trưng dẫn một sự kiện từ trong Cựu Ước: *Ta nói thật cùng các ngươi, về đời Ê-li, khi trời đóng chặt trong ba năm sáu tháng, cả xứ bị đói kém, trong dân Y-sơ-ra-ên có nhiều đàn bà góa; dầu vậy, Ê-li chẳng được sai đến cùng một người nào trong đám họ, nhưng được sai đến cùng một người đàn bà góa ở Sa-rép-ta, xứ Si-đôn* (Luca 4:25-26).

Điều này đã làm cho họ nổi giận: trước hết là nó chạm đến lòng kiêu hãnh của họ vì đã gợi cho họ nhớ lại rằng dầu cả quốc gia họ là con cháu của tổ phụ Áp-ra-ham, một người trung tín, thì đôi khi chính họ lại không tin vào các đấng tiên tri của họ bằng những dân ngoại khác; và sau là bởi vì họ thấy rằng việc họ yêu cầu thêm nhiều bằng chứng phép lạ thực tiễn để họ có thể tin được là một yêu cầu hợp lý và khi Chúa từ chối làm phép lạ tức là Ngài đã bị giới hạn.

Nhưng tất nhiên là Chúa không bị giới hạn. Những phép lạ về mặt vật lý chắc chắn sẽ là bằng chứng hiển nhiên và sinh động chứng tỏ Chúa là một Người đặc biệt. Nhưng lại có một điểm nảy sinh là khi chỉ đơn thuần lặp lại loại chứng cứ như vậy thì cũng không thêm gì được vào trong chứng cứ cuối cùng. Điều cần thiết là phải có một loại bằng chứng khác. Ngài tuyên bố mình là Đấng Mê-sia có thể giải thoát con người khỏi sự nô lệ cho những thói quen tội lỗi, những mặc cảm và tội lỗi. Những phép lạ của Ngài cho thấy rằng lời tuyên bố của Ngài là nghiêm túc. Nhưng cho bất cứ một cá nhân nào thì bằng chứng cuối cùng chứng tỏ Chúa có thể đem lại sự giải thoát đó chỉ có thể có khi chính cá nhân người đó phó thác bản thân mình cho Chúa và để Ngài thực hiện công việc giải thoát đó trong con người anh ta. Và ở đây hành động của đức tin trong việc phó thác cuộc đời cho Chúa phải được bày tỏ ra trước khi anh ta có bằng chứng cuối cùng rằng lời tuyên bố của Chúa là thật. Nhưng những con người tại làng Na-xa-rét đã chưa chuẩn bị cho việc bước đi bằng đức tin này. Tại sao vậy?

Câu chuyện về bà góa thành Si-đôn có thể làm sáng tỏ vấn đề. Khi bà gặp Ê-li thì lúc đó bà chỉ còn đủ thức ăn dùng cho một bữa để rồi sau khi ăn xong bà chỉ còn con đường nằm xuống và chết. Ê-li bảo bà hãy dùng số thức ăn đó mà làm cho ông bữa ăn trước thì Đức Chúa Trời sẽ duy trì nguồn thực phẩm của bà một cách diệu kỳ cho đến hết mùa hạn hán. Đó quả thật là một sự thử thách rất lớn. Nếu bà nghe theo lời của Ê-li mà sau đó ông lại hóa ra là một kẻ lừa đảo thì bà sẽ mất bữa ăn cuối cùng và cái chết cận kề sẽ đối mặt với bà. Điều gì đã khiến bà có thể giao phó tất cả những gì bà có cho Ê-li?

Sự thật là điều này đối với bà dễ dàng hơn so với những gì lúc đầu chúng ta thấy. Bà là một bà góa nên chắc chắn là vô sản. Ngay cả nếu bà không tin vào Ê-li và giữ chỗ thức ăn cho riêng mình thì chỗ thức ăn đó cũng quá ít và cái chết vẫn luôn cận kề. Mặt khác, nếu bà cung cấp thức ăn cho Ê-li và ông sau đó lại trở mặt thành một kẻ lừa đảo thì bà cũng chỉ mất

rất ít: tất cả chỉ là cái chết đến sớm hơn một vài giờ đồng hồ, thế thôi. Nhưng nếu bà dám giao phó tất cả cho Ê-li và ông nói thật thì bà sẽ được cứu. Hiển nhiên là bà hầu như không mất gì cả nhưng có được tất cả.

Tuy nhiên, nếu bà không phải là một người góa bụa – nếu bà có thêm một ít thức ăn, khoảng một giỏ đầy thay vì một nắm tay như lúc đầu thì có lẽ bà sẽ bị cám dỗ để nương dựa vào nguồn lực của mình với hy vọng rằng bằng một cách nào đó thì bà sẽ vượt qua được cơn đói kém. Và vì bà trông dựa nơi nguồn lực khiêm tốn của bà thì bà ắt hẳn sẽ e ngại không dám thực hiện bước đi của đức tin để trao tất cả cho Ê-li.

VẤN ĐỀ VỀ CÁI TÔI

Và đó là những gì trong lòng người tại thành Na-xa-rét. Những phép lạ của Chúa đã cung cấp cho họ chứng cứ chứng thực Ngài ít nhất cũng là một tiên tri: điều này thì họ biết và không phủ nhận. Nhưng khi Chúa tuyên bố rằng Ngài là Đấng Mê-sia đến để cứu vớt con người khỏi những thói xấu và hành vi tội lỗi thì tất nhiên họ chẳng có thể có được những bằng chứng trong đời sống họ cách cá nhân chứng tỏ Chúa thật sự có thể cứu họ trừ khi họ sẵn sàng giao phó đời sống họ cho Ngài và để Ngài làm công việc của Ngài trong lòng họ.

Họ vẫn chưa sẵn sàng để thực hiện bước đức tin này. Họ không thấy nhu cầu cấp thiết hay hợp lý để tiến bước. Họ có đạo đức, liêm khiết và năng lực tôn giáo. Những điều xấu xa trong trần gian này là do những người khác. Nếu Chúa có thể khiến sét từ trời giáng xuống tiêu diệt tất cả những người thâm thúy tội lỗi, nếu bởi quyền phép mà Ngài có thể đuổi tất cả những tên La mã đáng ghét ra khỏi đất nước và cho họ tự do về chính trị; nếu Ngài tiếp tục lập lại phép lạ của việc hóa ra nhiều bánh và cá, thì tất nhiên, lúc đó họ sẽ rất hoan nghênh Ngài làm một Đấng Cứu thế về chính trị của họ.

Nhưng để thuyết phục rằng những thái độ và hành động tội lỗi của họ cũng góp phần vào sự thống khổ của thế giới thì điều đó đối với họ là quá mức. Họ đâu xấu đến mức đó. Họ không phải là những người đàn bà góa thuộc linh không có năng lực. Họ có thể xoay sở một cuộc sống ôn hòa. Cũng có thể công việc của họ không thành công đến mức đó. Nhưng dầu sao bạn không thể lúc nào cũng lo lắng rằng những thái độ và những điều tội lỗi làm đối với người khác có ích kỷ và xấu xa hay không. Thế giới này rất khắc nghiệt, và bạn phải luôn nhìn theo vị trí đầu. Và dầu sao đi nữa, Ngài là ai mà lại nói rằng họ cần phải được cứu?

Họ bắt đầu bùng lên cơn giận, càng lúc càng tăng lên, kéo Chúa ra khỏi nhà hội và cố gắng ném Chúa xuống vực của ngọn đồi gần đó. Phản ứng bùng nổ mang đầy tính bạo lực của họ cho thấy Chúa đã chạm vào mặc cảm tội lỗi giấu kín của họ. Có lẽ cơn giận khi họ thường lên án những người lính La-mã, những người thâm thúy, những kẻ lừa đảo và những kẻ áp bức cuối cùng đã bị bày ra bởi ngọn lửa cháy âm ỉ trong lương tâm không thoải mái của họ làm chứng rằng họ không vô tội. Xấu hổ và sợ hãi đã làm im hơi cái lương tâm tội lỗi đó và họ cố gắng để bù đắp sự khó chịu đó bằng sự cống hiến một cách thái quá cho những lễ nghi tôn giáo mang tính hình thức bên ngoài giống như lễ rửa tay và tuân giữ ngày thánh. Nhưng bây giờ Chúa cho rằng dù họ thuộc dòng chính thống đi nữa họ vẫn phải cần được cứu, việc này đã xuyên vào đến lương tâm của họ và làm cho nó bùng nổ ra. Chắc chắn chúng ta sẽ rất ngạc nhiên trước những phản ứng đầy tính bạo lực của một số người khi nghe lời đề nghị rằng họ cần được cứu. Nhưng chúng ta có chắc rằng khi kể câu chuyện này thì Luca không hướng về chúng ta chăng?

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Tại sao dường như Đức Chúa Trời để cho tội lỗi lan tràn một cách không kiểm soát?
2. Chúng ta muốn bày tỏ điều gì khi nói rằng Đấng Christ đã đến để cứu cả kẻ áp bức lẫn những người bị áp bức?
3. Có ý nào nói tất cả chúng ta đều là những kẻ áp bức không?
4. Bài học chính từ câu chuyện về người đàn bà góa thành Si-đôn là gì?
5. Tại sao những kẻ nghe Chúa giảng lại kéo Ngài ra khỏi nhà hội?
6. Câu chuyện này có thể được áp dụng vào lĩnh vực nào trong đời sống hiện đại ngày nay?

CHƯƠNG 4

BIẾN ĐỔI MỘT TÊN TỘI PHẠM

Kinh Thánh: Luca 23:39-43

Câu chuyện về tên cướp sắp chết được rất nhiều người biết đến. Thật sự nó cũng rất xứng đáng được như vậy. Câu chuyện này cũng như một số chuyện khác minh họa về sự tha thứ lớn lao lạ thường của Đức Chúa Trời. Sau một quãng đời đầy những tội ác kinh khiếp, một tên tội phạm bậc thầy trong giờ thứ mười một mà thật ra là trong phút thứ năm mươi chín của giờ thứ mười một đã ăn năn và tin nhận Chúa và chính Chúa đã tha thứ cho anh ta một cách hoàn toàn ngay lập tức.

Điều này cũng cho thấy ảnh hưởng lớn lao đáng kinh ngạc về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Ngay khi tên trộm cướp ăn năn và tin nhận nơi Chúa thì Ngài không chỉ tha thứ cho anh ta mà còn bảo đảm rằng ngay chính hôm đó anh ta sẽ được ở với Chúa trong thiên đàng. Không hề có một khoảng thời gian dài chờ đợi để cho tính cách anh ta được thanh tẩy. Rõ ràng là cũng không có một cơ hội nào để những kỷ luật thông thường trong đời này rèn luyện anh ta: vì ngày đó là ngày cuối cùng của anh ta. Khi đêm xuống thì anh ta đã chết và đã được chôn. Nhưng rõ ràng như lời Chúa phán thì chẳng có thời điểm nào sau khi chết trong đó anh ta phải được thanh tẩy để có thể xứng đáng gặp gỡ Chúa Cứu thế, Ngài chỉ phán: *Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Paradise* (Luca 23:43).

Hôm nay – không hề trì hoãn.

Với Ta - không còn xa cách.

Trong Thiên đàng – không còn đau đớn hay khổ nhọc. Và không có gì phải ngạc nhiên khi câu truyện không chỉ nổi tiếng nhưng còn rất được yêu thích.

SỰ ĂN NĂN

Tuy nhiên, mục đích của bài học ngắn này trước nhất là xem xét sự ăn năn và cải đạo của tên trộm cướp này thành thật như thế nào và sau đó theo dõi những bước đã dẫn con người này đến việc ăn năn và đức tin. Trước nhất, hãy chú ý đến sự xưng nhận hoàn toàn của anh ta: *hình ta chịu xứng với việc ta làm* (Luca 23:41). Không giống như tên đồng đảng, anh ta không còn la hét hay đòi được thoát khỏi hình phạt hiện thời vì những tội lỗi của anh ta. Anh ta cũng không cố gắng cầu xin sự tha thứ hay kích động sự thương cảm của người khác. Không hề dè dặt anh ta xưng nhận tội của mình và đồng ý rằng hình phạt cho anh ta là công bình.

Thứ hai, hãy chú ý đến những cụm từ mà anh ta dùng để thỏa hiệp: *Lạy Chúa, khi Ngài đến trong nước mình rồi xin nhớ lấy tôi!* (Luca 23:42). Điều thú vị là anh ta không đưa ra lời cầu xin tha thứ một cách rõ ràng nhưng tất nhiên là trong lời cầu xin của anh ta cũng ẩn chứa mong chờ sự tha thứ. Lời cầu xin của anh ta là cho một điều khác tích cực hơn. Kỵ nữ Raháp cầu xin những thám tử Y-sơ-ra-ên rằng khi họ trở lại với quân đội của họ để chiếm đất thì xin tha cho bà cùng gia đình và cho họ được trở thành thành viên của nước Y-sơ-ra-ên (Giôsuê 2). Cũng như vậy, tên trộm cướp này đã xin Chúa rằng khi Ngài trở lại với năng quyền và vinh hiển để cai trị thế giới thì xin tha thứ và chấp nhận anh ta làm thành viên trong vương quốc của Ngài. Điều mà tên cướp này xin rất là quan trọng.

Chúng ta không thể biết chắc người này thuộc loại tội phạm gì. Chắc chắn rằng anh ta không phải là một tên trộm vặt tầm thường vì Mathias đã mô tả anh ta bằng một từ mà thông thường trong tiếng Hy Lạp nghĩa là kẻ cướp. Và càng không rõ ràng khi nhà sử học Josephus lại sử dụng cụm từ chỉ những nhà hoạt động chính trị là những người đang âm mưu dùng những thủ đoạn giết người của kẻ cướp để hồng đạt được động cơ về chính trị. Nhưng dù là loại sát nhân nào đi nữa thì tên cướp này rõ ràng là có một lối sống thách thức và coi thường chính phủ thời đó. Bản thân là một kẻ sống ngoài vòng pháp luật nên anh ta chẳng hề tôn trọng ngay cả những nguyên tắc căn bản của sự công bằng và nhân đạo.

Tuy nhiên bây giờ anh ta đã ăn năn. Anh ta đã từ bỏ tình trạng bất phục của mình và cầu xin được vào một vương quốc như là một thành viên trung thành đối với vị vua của vương quốc đó. Từ nay trở đi anh ta sẽ xem việc được cai trị và quy phục uy quyền như là một ân huệ. Anh ta quy phục trong ý riêng tự do của mình, một cách vui vẻ và tự nguyện. Đây gọi là sự ăn năn. Và tất cả chúng ta cũng đều phải ăn năn chứ không đơn thuần chỉ đối với những tên tội phạm. Trong khi chúng ta có thể là những công dân trung thành tuân thủ luật pháp trong quan hệ với đất nước thì trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời lại trái ngược. Kinh Thánh không buộc tội tất cả chúng ta cách giống nhau với những tội lỗi kinh khiếp chống xã hội. Nhưng Kinh Thánh buộc tội chúng ta cùng giống nhau ở chỗ *chúng ta thấy đều như chiên đi lạc, ai theo đường nầy* và vì thế Kinh Thánh kêu gọi chúng ta cũng phải ăn năn theo cách này: *Kẻ ác khá bỏ đường mình, người bất nghĩa khá bỏ các ý tưởng; hãy trở lại cùng Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ thương xót cho, hãy đến cùng Đức Chúa Trời chúng ta, vì Ngài tha thứ dồi dào* (xem Êsai 53:6 và 55:7).

ĐỨC TIN

Thứ ba, chúng ta có thể để ý thấy rằng trong lòng anh ta đã được thuyết phục để ăn năn khi anh ta tin vào sự thật khách quan về lần trở lại thứ hai của Đấng Christ: *khi Ngài đến trong nước mình rồi xin nhớ lấy tôi* (Luca 23:42), có nghĩa là khi Ngài trở lại với vương quyền để cai trị. Nhưng vào lúc này thì Chúa lại sắp chết. Lúc đó rõ ràng là người này đã tin thật sự rằng dầu sắp chết trên thập tự giá thì một ngày nào đó Chúa sẽ trở lại để cai trị thế giới. Chúng ta cũng cần phải có một niềm tin tương tự nếu chúng ta muốn được cứu. Hãy nghe Phao lô đưa ra những điều kiện để được cứu rỗi: *Vậy nếu miệng người xưng Đức Chúa Giê-xu ra và lòng người tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, thì người sẽ được cứu* (Rôma 10:9).

Nhưng điều gì đã tác động khiến tên tội phạm cứng cõi này có một niềm tin như thế vào đời sau? Điều này thì chúng ta không thể trả lời một cách đầy đủ, nhưng chúng ta ít nhất cũng có thể nghe anh ta mắng kẻ đồng đảng với mình và thấy được diễn tiến của những suy nghĩ trong anh ta. Tên trộm cướp kia mắng nhiếc Chúa rằng: *Nếu người thật sự là Đấng Christ thì hãy cứu lấy mình cùng chúng ta nữa* (Luca 23:39). Trong lời của anh ta không hề có một chút đức tin đầu là nhỏ nhất: không có gì ngoài sự nhạo báng cay đắng nhất.

Đối với tên cướp đó thì tôn giáo và tất cả những điều tương tự cũng chỉ là công cụ cho giai cấp thống trị là những kẻ sử dụng nó để ức hiếp kẻ nghèo, săn đuổi và bắt bớ những người như anh ta. Ngay cả khi chỉ còn cách cái chết trong gang tấc thì anh ta cũng vẫn nguyên rùa tôn giáo và không tin vào bất kỳ điều gì mà nó đại diện cho.

Nhưng hiện tại thì tên cướp kia bắt đầu quở anh ta, *ngươi không sợ ngay cả Đức Chúa Trời sao?* (Luca 23:40). Chỉ có một điều có thể trách tôn giáo như đã trình bày là do những người lãnh đạo tôn giáo thiếu sót và có lẽ thậm chí thối nát. Nhưng Đức Chúa Trời thì

không như vậy. Anh ta không sợ cả với Đức Chúa Trời sao? Nhưng tại sao anh ta phải sợ Ngài? Làm sao anh ta biết chắc rằng Đức Chúa Trời thật sự tồn tại? hoặc nếu Ngài thật sự tồn tại và cái chết không có nghĩa tự động con người bị tiêu hủy hoàn toàn thì như thế khiến Đức Chúa Trời không còn thích hợp?

Nhưng tên cướp thứ hai có lý do của anh ta, vì dù trong cơn đau đớn tột cùng, anh ta đã chứng kiến và suy nghĩ. Người cũng chịu một hình phạt ấy còn không sợ Đức Chúa Trời sao? Cùng một hình phạt như ai? Tất nhiên anh ta không thể ám chỉ về mình. Một tên tội phạm so mình bị phạt cùng với một tên tội phạm khác thì khó mà hợp được. Anh ta ắt hẳn muốn nói là, “Người cũng cùng chịu hình phạt như với Đấng Christ?”

Nào, đầu tiên là những nhà lãnh đạo tôn giáo – là những người mà cả hai tên cướp đều căm ghét vì họ đại diện cho Giáo hội, đã bắt bớ và săn lùng những tên cướp này – thì cũng chính những nhà lãnh đạo tôn giáo này cũng đã căm ghét và rửa sả Chúa. Thật ra thì vào lúc đó những nhà lãnh đạo này đang vênh váo đi qua lại trước ba cây thập tự, lên tiếng mắng nhiếc và chế nhạo Chúa. Rõ ràng là Chúa không cùng đứng về phía bọn họ. Thật ra thì vào lúc này Ngài cũng giống như hai tên cướp kia hơn là với những nhà lãnh đạo tôn giáo đó.

Nhưng đó chưa phải là tất cả. *Người có cùng bản án với Ngài, nhưng với chúng ta thì rất xứng đáng; chúng ta phải trả giá cho những gì chúng ta đã làm. Nhưng Người này không hề làm một điều gì ác*, (bản dịch Kinh Thánh Jerusalem). Vâng, Chúa Giê-xu rõ ràng là vô tội, và khi so sánh với Ngài thì họ phải thừa nhận rằng họ xứng đáng với những gì đang phải chịu. Họ có thể nguyên rửa giới cầm quyền về những thương vụ ám muội. Nhưng họ biết rõ tận sâu thẳm trong lòng rằng những gì mà giới cầm quyền đã làm đối với họ thì chính bản thân họ đã vẫn thường làm với người khác. Họ không thể trông mong gì hơn là những hình phạt thật khủng khiếp. Nhưng Con người Giê-xu này thì hoàn toàn vô tội. Chí ít thì Ngài cũng đáng nhận được sự cảm thông từ họ chứ không phải những lời rửa sả.

SỰ TRỞ LẠI VỚI CHÚA

Nhưng vẫn còn có thêm những điều khác. Khi hai tên cướp cùng Chúa Giê-xu bị những tên lính dẫn đến chỗ đóng đinh thì một số phụ nữ từ thành Giê-ru-sa-lem theo sau Ngài, khóc lóc thương tiếc cho Ngài. Và Chúa đã xây lại họ, bảo họ đừng khóc cho Ngài nhưng hãy khóc cho chính bản thân của họ. Ngày phán xét đang đến và đất nước họ phải đối diện với Đức Chúa Trời về tội ác mà họ bây giờ đang thực hiện. Còn về Ngày phán xét thì như thế nào? Nó có thật không hay chỉ là chuyện yêu ma quỷ quái do những nhà thành lập tôn giáo dựng nên hòng dọa nạt những người như anh ta và tên cướp đồng đảng với anh ta? À, rõ ràng là chính Con người Giê-xu này cũng không đồng tình với những người trong Tòa án tôn giáo, nhưng Ngài thật tin vào Ngày phán xét sắp đến.

Và còn có thêm một điều khác nữa. Những con người thuộc giới cầm quyền hung ác ngay dưới chân thập tự này không chỉ kết án những nạn nhân của họ cho đến chết mà còn lấy việc mắng nhiếc và chế giễu những người trong cơn đau đớn cùng cực này làm ưa thích. Những lời giảng dạy của họ về sự phán xét có lẽ cũng không hơn gì so với khi họ biểu lộ tính tàn ác của mình. Nhưng chính Con người Giê-xu này mặc dầu tin vào Ngày phán xét sắp đến lại cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho những kẻ đã đóng đinh vào tay Ngài ngay chính khi những người này đang xuyên những cây đinh ấy qua tay Ngài. Ở đây cho thấy Ngài không chỉ vô tội nhưng có sự nhân lành thiên thượng. Và Ngài thật nhân từ chính ngay tại đây khi đang bị những kẻ giả hình thổi nát sát hại tại chân thập tự.

Chỉ trong vài giờ nữa thì cái chết sẽ chấm dứt những sự đau đớn của họ. Nhưng liệu nó có chấm dứt tất cả mọi sự không? Liệu cái chết chỉ đơn giản hủy diệt cả kẻ có tội với người vô tội và như thế sự không công bình trong đời sống của họ vẫn còn mãi sao? Chẳng lẽ không có gì khác nhau giữa đúng và sai vào lúc cuối cùng sao? Không! Không thể như thế. Mặc dầu là một tên tội phạm nhưng ngay cả anh ta cũng quan tâm đến đúng, sai và sự công bằng. Cũng thật lạ lùng vì khi nghĩ đến Chúa anh ta thấy mình có một sự quan tâm mà trước đây chưa từng có, mặc dầu khi nghĩ đến Chúa vô tội phải chịu thương đau đã khiến anh ta phải so sánh với chính bản thân mình để nhận ra tội lỗi của bản thân ngày càng rõ ràng hơn.

Lương tâm, một điều thật nực cười. Anh ta chắc chắn đã không tạo ra nó. Khi anh ta “đi làm”, thì nó luôn là vị khách không được hoan nghênh nhất, và anh ta đã phải đánh gục nó hoàn toàn và đè nén nó đi. Nhưng chính lúc này, nếu anh ta có thể cố đè nén nó được thì anh ta có thể chết một cách bình an. Nhưng anh ta không muốn tìm giữ hay phủ nhận nó nữa. Nếu lương tâm chỉ là một ảo giác thì lúc đó những kẻ thù của anh ta, những kẻ xấu xa và đòi bại vẫn sẽ an nhàn mà không hề gặp một sự trừng phạt nào cả. Nhưng tệ hơn nữa. Chính con người Giê-xu đẹp đẽ này và tất cả những con người ngay thẳng và đáng yêu trong đời cũng sẽ cùng hư mất lẫn với những kẻ xấu xa và gian ác.

Không! Có một Đức Chúa Trời và lương tâm chính là tiếng nói của Ngài. Và do đó nếu có một Đức Chúa Trời quan tâm đến sự khác biệt giữa phải và trái, là người bảo vệ sự công bằng và ngay thẳng thì tất nhiên sẽ có sự sống lại và phán xét sau sự chết là nơi mà những kẻ không công bình trong thế giới này sẽ được đặt đúng chỗ của nó. Và nếu có một Ngày Phán Xét sắp đến thì tất cả bọn họ cũng đều phải đối mặt ở đó. Không còn thời gian để mắng nhiếc Chúa hay thậm chí những kẻ trong giáo hội. Họ đã có đủ câu trả lời cho bản thân rồi. Bây giờ chính là lúc họ phải chuẩn bị để đối diện với Đức Chúa Trời. Ngăn tên đồng đảng khi hắn vẫn đang rửa sả Chúa, anh ta hét lên lần át tiếng tên kia. “Người chẳng sợ Đức Chúa Trời sao? Người không thấy rằng mình cũng bị xử tử giống người sao; nhưng chúng ta lãnh hình phạt một cách công bình, hình chúng ta chịu xứng với việc chúng ta làm, nhưng người này không hề làm một điều gì ác.”

Nhưng ngay lập tức anh ta lại nghĩ về mình. Anh ta phải làm hòa với Đức Chúa Trời bằng cách nào? Quá khứ của anh ta chẳng có gì đáng khen cả. Hứa hẹn sẽ thay đổi trong tương lai thì vô ích: anh ta chỉ còn lại một vài tiếng đồng hồ, tay và chân thì bị đinh đóng chặt vào thập tự giá. Con đau lan vào từng thớ thịt và nung đốt tâm trí anh ta sẽ nhanh chóng khiến cho ngay cả câu nguyện cũng vô phương. Và dầu sao đi nữa thì anh ta cũng chẳng biết nói một lời câu nguyện nào cả vì sự cầu nguyện chưa hề có trong lối sống của anh ta. Cũng không nghi ngờ gì Chúa Giê-xu chính là Vua thiên thượng như lời Ngài đã phán và một ngày nào đó Chúa sẽ trở lại với tất cả quyền uy của Ngài. Điều đó chắc chắn như chính Ngài là Đức Chúa Trời và rằng Ngày phán xét đang đến.

Cá nhân mà nói thì anh ta cũng chưa hề nghĩ nhiều về những vị vua cũng như nghĩ đến việc vâng theo bất cứ ai trong bọn họ. Nhưng với một vị vua mà có thể cầu xin tha thứ cho chính những kẻ đang đóng đinh tay và chân Ngài vào một cây thập tự thì bạn có thể kính trọng một vị vua như thế. Anh ta không phản đối việc được ở trong nước của Ngài và vâng phục Ngài. Nhưng cơ hội nào mà anh ta, một con người tự nhận là vô chính phủ, lại được cho phép vào vương quốc của Chúa? Nhưng không phải là chính Chúa đã cầu nguyện rằng: *“Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết mình làm điều gì hay sao?”* Nếu những người đó có thể được tha thứ bởi vì họ không nhận ra chính xác họ đang làm điều gì, thì chắc chắn anh ta lúc trước cũng không nhận ra được rằng vị Vua thiên thượng tuyệt vời là dường bao. Anh ta không bao giờ có ý tưởng chống lại một vị vua như thế. Anh ta nói: “Hỡi Giê-xu, xin

cho con vào vương quốc của Ngài? Xin cho con được vâng phục Ngài? Lạy Chúa, khi Ngài đến trong nước mình rồi xin nhớ lấy con.”

Và ngay lập tức, một lời phán rõ ràng không hề dè dặt từ chính vị Vua trên muôn vua cho con người tan vỡ tội nghiệp đã từng chống nghịch lại cả Đức Chúa Trời và con người vào những giờ phút cuối cùng trong cuộc đời đau khổ của anh ta: *Quả thật, Ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ được ở với ta trong nơi Paradise*, hay là vườn vui vẻ, hoặc còn gọi là thiên đàng.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Tại sao một tên cướp kêu xin Chúa tha thứ trong khi tên kia lại rửa sả Ngài?
2. Sự khác biệt giữa Chúa Giê-xu với những vị vua khác như thế nào mà tên cướp sắp chết nhận ra được?
3. Đối với tên cướp sắp chết thì đức tin nơi Chúa khác với “tôn giáo” ra sao?
4. Chúng ta học được gì về sự ăn năn qua câu truyện này?
5. Ngày nay chúng ta đầu phục thẩm quyền của Chúa bằng cách nào?
6. Ngày nay Chúa có thể xác nhận lòng trung thành của tôi không? Dựa trên nền tảng nào?

GỢI Ý ĐỂ NGHIÊN CỨU THÊM

Trong loạt bài nói chuyện này chúng ta đã bàn về bốn trường hợp những người bị xã hội ruồng bỏ, bị thiệt thòi về quyền lợi và sống dưới mức trung bình. Phúc Âm Luca cũng trình bày về những trường hợp khác. Sau đây là một số ví dụ với những mục tham khảo trong Phúc Âm Luca và những phân đoạn Kinh Thánh nền tảng.

Trong từng trường hợp:

1. Hãy nghiên cứu bản chất của những người đang chịu sự hắt hủi, cô lập và cô đơn.
2. Hãy đánh giá sự công bình của xã hội, nếu có, trên những người đang chịu sự hắt hủi này và cho biết vì sao việc loại bỏ những trường hợp đó không đem lại kết quả mong muốn?
3. Hãy nghiên cứu những ảnh hưởng không chỉ trên nạn nhân nhưng còn trên xã hội ở những phân thích hợp.
4. Hãy chú ý đặc biệt đến những phương cách khác nhau mà Chúa sử dụng khi đối diện với những trường hợp khác nhau này.

Nạn nhân của tật bệnh: Những người bị bệnh hủi. Luca 5:12-16; 17:11-19; 4:27

Nền tảng: Lêviký 13

Nạn nhân của sự điên loạn do thuyết thông linh gây ra: Người bị quỷ ám. Luca 8:26-39

Nền tảng: Lêviký 19:31; 11:7-8 20:6, 7; 11:7-8

Nạn nhân của sự hận thù tôn giáo: Những người Samari. Luca 9:51-56; 10:25-37; 17:15-19

Nền tảng: II Các vua 17, Nêhêmi, Giăng 4.

LOẠT BÀI 2
TIN LÀNH CỦA ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SAU

ĐIỂM CHÍNH CỦA THỜI GIAN
CÁNH CỒNG ĐẾN SỰ VĨNH CỬU
KHI CHÚNG TA VƯỢT DÒNG
QUA BÊN KIA BỜ

CHƯƠNG 5

ĐIỂM CHÍNH CỦA THỜI GIAN

Kinh Thánh: Luca 9:26-36

Luca hiển nhiên là một bác sĩ (Cô-lô-se 4:14) và nhiều chỗ trong sách Phúc Âm của ông có những đặc điểm cho thấy sự quan tâm đặc biệt của vị y sĩ này. Một đặc điểm mà những nhà bình luận thường chú ý đến có thể thấy trong phần ông miêu tả về việc Chúa chữa lành cho người đàn bà bị mất huyết (Luca 8:43-47). Mác cũng nói về người đàn bà này rằng bà phải chịu khổ sở trong tay nhiều thầy thuốc trong một khoảng thời gian dài. Bà phải hao tốn hết tiền của mà không thấy đỡ gì; bệnh lại càng nặng thêm (Mác 5:26). Rõ ràng là những chi phí cho các bác sĩ của bà thì cũng nhiều như những sự đau đớn và thiếu hiệu quả mà sự chữa trị của họ mang lại. Nhưng phần miêu tả của Luca thì ngắn gọn hơn, ít đả kích nghề thầy thuốc hơn và dường như đổ lỗi về căn bệnh triền miên của bà lên chính bà hay chí ít là cũng trên căn bệnh đó. Ông đơn giản nói rằng bà đã phải tốn hết tiền của về thầy thuốc nhưng không ai chữa lành được (Luca 8:43).

CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI

Một nét đặc trưng khác, quan trọng và rõ ràng hơn, đó là sự quan tâm của Luca đối với cái chết. Trong khi thực hiện những nghĩa vụ thuộc về nghề nghiệp của mình, ông thường phải bất lực đứng bên cạnh và chứng kiến những bệnh nhân của mình đi dần đến cái chết do bệnh tật hay do tuổi già dầu ông đã tận tình cứu chữa; và dầu chắc rằng ông cũng trở nên một phần nào đó quen thuộc với điều này nhưng hẳn cũng sẽ có những lúc ông tự hỏi bản thân mình về tầm quan trọng của sự chết. Có phải nó kết thúc sự đau thương không? Hay là vẫn còn một điều gì sau đó nữa? Nếu còn thì nó là cái gì? Và một người có thể chắc chắn về số mệnh của mình ở đời sau hay không?

Trong Chúa, Luca đã tìm thấy mọi câu trả lời cho tất cả những thắc mắc và cũng có thể hiểu được vì sao ông lại muốn nói cho cả thế giới biết về những câu trả lời đó. Thay vì những sự âm thầm, tối tăm và sợ hãi vây bọc xung quanh cái chết như trong thế giới của những người ngoại, và niềm tin cá nhân lung lay của những người Do thái cùng thời, thì bây giờ ông biết được niềm vui chiến thắng và sự tự tin dâng trào trong lòng những người khám phá được rằng Chúa đã *hủy phá sự chết, dùng Tin lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng* (II Tim 1:10).

Vì thế trong sách Phúc Âm của mình ông luôn giới thiệu với chúng ta bằng cách thức không giống với bất kỳ tác giả Phúc Âm nào khác về những con người sắp phải lìa thế giới này sang thế giới bên kia hay chính xác hơn là chỉ vừa mới qua đời.

Trước tiên nhất, chúng ta gặp gỡ cụ Si-mê-ôn là một người công bình đạo đức (Luca 2:25-35). Chúng ta được biết rằng Chúa đã tỏ cho ông biết ông sẽ không chết trước khi thấy Đấng Christ của Chúa; nhưng vào dịp này ông đã thấy Ngài, và khi ẵm hài nhi Giê-xu trên tay thì ông ngợi khen Đức Chúa Trời rằng: *Lạy Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi tớ Chúa qua đời bình an theo như Lời Ngài* (Luca 2:29). Trong phần cuối sách Phúc Âm của mình, Luca lại kể cho chúng ta về một trong những tên trộm cướp là kẻ cùng bị đóng đinh với Chúa (Luca 23:39-43). Trong chính giây phút cuối cuộc đời mình thì chúng ta thấy anh ta đã ăn năn, đặt niềm tin nơi Đấng Cứu Thế và bước qua thế giới bên kia với lời hứa tuyệt diệu của

Ngài vang bên tai và trong lòng, *Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Paradise* (Luca 23:43).

Trong chương thứ bảy, Luca cho chúng ta biết rằng khi Chúa vừa đến làng Na-in thì gặp một đám tang: một bà góa đau khổ đi theo sau di hài đứa con trai duy nhất của mình đến nơi mộ phần. Chúa đã chặn đoàn rước lại, chạm vào quan tài, cứu gã trẻ tuổi đó sống lại và giao về cho mẹ của anh ta.

Chương 8 ghi lại câu chuyện tại Cabênaum vào một dịp khác khi Chúa bước vào một căn nhà nơi đứa bé gái duy nhất trong gia đình chỉ mới mười hai tuổi đang nằm chết. Bên ngoài nhà thì những kẻ khóc mướn chuyên nghiệp làm âm ỉ lên với những tiếng khóc than quá đi và vô tâm của họ. Chúa truyền cho chúng phải im lặng và với lời nhận xét nổi tiếng của Ngài, *con này không phải chết song nó ngủ* (Luca 8:52), Ngài đã cầm lấy tay đứa bé, cứu sống nó và đưa về với ba mẹ của nó.

CUỐI CUỘC ĐỜI

Tất nhiên không phải tất cả những câu chuyện của Luca theo chủ đề này đều kết thúc vui như nhau. Trong thời của ông cũng như của chúng ta ngày nay, nhiều người không muốn nghĩ đến cái chết hay chưa chuẩn bị sẵn sàng đối diện với nó.

Giống như những con đà điểu, họ tự vùi đầu mình trong lớp cát của công việc kinh doanh hay của cuộc sống gia đình, và cố quên đi rằng cái chết đang ngày càng đến gần. Bằng cách đó, họ đã tự làm cho cuộc đời họ mất đi tầm quan trọng của nó rất nhiều. Cuộc sống có nghĩa là một cuộc hành trình đến một mục tiêu. Thờ ơ với mục tiêu đó hay cố xua khỏi tâm trí tất cả những suy nghĩ về đích đến của cuộc đời có thể dường như là một phương cách tốt đối với những người nông cạn để tận dụng cuộc sống trong khi còn sống; nhưng thật ra chính nó lại khiến hành trình cuộc sống thành việc lang thang vô nghĩa và không mục tiêu; và nó sẽ khiến tương lai đời đời đầy những thảm họa.

Và vì thế Luca đã cho chúng ta những lời cảnh báo. Trong chương 12, Luca ghi lại thí dụ Chúa kể về một nông gia giàu có và thành đạt, ông ta sống mà không hề nghĩ đến Đức Chúa Trời, về sự chết hay về đời sau. Ông ta bận rộn để lên kế hoạch cho một chương trình nghỉ ngơi sớm và đầy hứng thú thì thành linh có một Tiếng phán cùng ông rằng, *Hỡi kẻ dại! Chính đêm nay linh hồn người sẽ bị đòi lại* (12:20). Và ông ta đã ra đi, hoàn toàn không chuẩn bị gì cả, vào cõi đời đời.

Tương tự như vậy, trong chương 16 Chúa kể về một câu chuyện – chỉ duy nhất lần này không gọi là một thí dụ – về một người nhà giàu và một kẻ ăn xin. Đối với người ăn xin thì những năm cuối đời đã trở thành những cơn ác mộng với cơn đói gặm nhấm lẫn mòn và căn bệnh hết sức đau khổ. Cái chết đến với ông như một sự giải thoát khỏi đau đớn và đồng thời cũng đem ông đến một tình trạng vui mừng và thư thái hơn: *ông được thiên sứ mang để vào lòng của Áp-ra-ham* (Luca 16:22).

Đối với người nhà giàu thì trái ngược hoàn toàn. Cuộc sống đã đem lại cho ông toàn những điều xa xỉ nhưng nó lại không mang đến cho ông lòng biết ơn và đức tin. Thay vào đó ông lại sống đời sống biếng nhác trong sự sa đọa và vô tín. Ông không thể khiến bản thân tin rằng Kinh Thánh là thật khi nói về những điều tất yếu đang đón chờ những kẻ không tin và không ăn năn. Ông đã quá trễ khi nhận ra rằng mọi điều đó là thật (16:19:31).

CHUẨN BỊ ĐỂ VÀO NƯỚC THIÊN ĐÀNG

Nhưng không chỉ những người vô tín mới cần được cảnh tỉnh về sự thực hữu của nước tương lai. Ngay cả đối với những người đã tin nơi Chúa - là những người xem việc rời bỏ đời này là được ở cùng với Đức Chúa Trời (Philíp 1:23) - cũng cần được giúp đỡ để biết rằng nước tương lai là thật để hiện tại trên đất họ sống làm sao hầu cho những gì họ mang lên thiên đàng càng nhiều càng tốt. Như Phao lô đã nói, họ cần phải học để *dồn chứa về ngày sau một cái nền tốt và bền vững cho mình, để được cầm lấy sự sống đời đời* (I Tim 6:17-19). Vì thế trong chương 16 Luca lại đưa ra một thí dụ khác của Chúa Giê-xu, thí dụ về Người Quản Gia bất trung (16:1-13). Thí dụ này khích lệ những người tin Chúa hãy đầu tư những thứ thuộc về đời này như của cải, tiền bạc, thời gian, tài trí... cho tương lai đời sau. Tất nhiên chúng ta không thể dùng những thứ này để dành được sự cứu rỗi - vì sự cứu rỗi là một món quà tặng, không thể mua được bằng bất cứ tài sản nào của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta nên sử dụng những món tài sản đó làm sao để khi nó hết đi và đời này chấm dứt thì chúng ta có thể thấy sự tăng trưởng về thuộc linh nơi những người mà chúng ta đã giúp đỡ bằng những món tài sản mà chúng ta đã sử dụng cách khôn ngoan và lòng biết ơn của họ là điều mà chúng ta vui hưởng mãi mãi.

Đó là những câu chuyện và thí dụ mà chúng ta chỉ có thể tìm thấy trong Phúc Âm của Luca, ngoại trừ câu chuyện về con gái của Giai-ru. Những câu chuyện này cho thấy một sự quan tâm rất đặc biệt về chủ đề sự chết và những điều phía sau nó, và chúng ta sẽ học hầu hết những câu chuyện chi tiết hơn trong loạt bài học này. Nhưng trước hết chúng ta hãy đi sâu vào câu chuyện trọng tâm của sách Phúc Âm này vì cốt lõi và đỉnh cao của câu chuyện cũng cùng về một chủ đề như vậy.

Theo quan điểm về văn học thì Phúc Âm Luca chia thành hai phần chính, phần thứ hai bắt đầu từ đoạn 9:51. Tại nơi đây, Luca cho chúng ta biết thời điểm Chúa của chúng ta sắp phải về Thiên đàng và vì thế Ngài phải đối diện với việc lên Giê-ru-sa-lem. Từ đầu sách đến đây như đã nói thì Đấng Christ đã xuống nơi trần thế này và Ngài càng đến gần với chúng ta hơn nữa; tuy nhiên từ điểm này trở đi thì Ngài lại sắp phải rời thế gian và trở về chính nơi mà Ngài đã rời bỏ. Lúc đó, nếu điểm phân chia sách là đoạn 9:51 thì câu chuyện chính cuối cùng trước điểm phân đoạn sẽ nằm ngay tâm điểm của sách. Câu chuyện đó thật ra là phần miêu tả sự hóa hình trên núi, những gì xảy ra ở đó và những việc tiếp theo sau khi đi xuống núi (9:28-50). Tại đây thì cả Mác và Mathiơ đều ghi lại việc hóa hình nhưng chỉ có Luca là đặt câu chuyện này ở ngay trung tâm sách Phúc Âm của mình.

Và đó thật là một tâm điểm tuyệt vời! Chúng ta được biết rằng đang khi Chúa cầu nguyện thì *diện mạo Ngài khác thường và áo Ngài trở nên sắc trắng chói lòa. Và này, có hai người nói chuyện cùng Ngài, ấy là Môise và Êli cũng hiện ra trong sự vinh hiển* (Luca 9:29-30). Nhưng không chỉ như vậy: Luca, và chỉ một mình Luca, cho chúng ta biết chủ đề của cuộc thảo luận giữa Chúa chúng ta với Môise và Êli trong dịp tiệc vinh hiển này: *họ nói về sự chết của Ngài là điều Ngài phải hoàn tất tại thành Giê-ru-sa-lem* (Luca 9:31). Hãy thử hình dung ra việc này: giữa những sự vinh hiển và cao trọng trong một dịp tiệc rất huy hoàng thì chủ đề của câu chuyện lại về sự chết.

SỰ CHẾT CỦA Đấng CHRIST

Nhưng không phải họ nói về cái chết của một người nào đó mà là nói về sự chết của Chúa. Và cũng rất thích hợp là chính Môise và Êli là những người cùng nói về điều này vì họ đều đã từng hiện hữu một cách nổi bật trên thế giới này: Môise đã qua đời và Đức Chúa Trời

chôn cất ông cho đến ngày nay cũng không ai biết được mộ của ông (Phục truyền 34:6); trong khi đó Êli lại không phải chết nhưng đã được Chúa cất lên trời bằng xe lửa và ngựa lửa (II Các vua 2:11).

Nhưng bây giờ họ nói về một sự lừa bịp thế giới này với một tầm quan trọng trở lại hơn nhiều so với kinh nghiệm của họ và là một sự kiện độc nhất. Sự chết của Chúa sẽ là cái chết phá đi quyền lực của sự chết. Như thư tín gửi cho người Hêbơơ 2:14-15 cho biết: *Vậy thì vì con cái có phần về huyết và thịt, nên chính Đức Chúa Giêxu cũng có phần vào đó hầu cho Ngài bởi sự chết mình mà phá diệt kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ, lại cho giải thoát mọi người vì sợ sự chết, bị cầm trong vòng tội mọi trọn đời.*

Hơn thế nữa, sự chết của Chúa không chỉ cất sự sợ hãi đối với cái chết trong lòng những người tin Ngài mà còn cất đi nọc độc của nó. Phao lô nói, cái nọc sự chết là tội lỗi (I Cô 15:56). Quá trình chết đi có thể là một điều rất đau đớn và giây phút lia khỏi bạn bè và những người thương yêu có thể rất đau buồn khổ sở. Nhưng nọc độc thật sự của sự chết không ở trong những điều này. Mà nó ở trong tội lỗi. Lương tâm, cũng như Lời của Đức Chúa Trời, cho chúng ta biết rằng sau sự chết sẽ là sự phán xét. Sự chết do đó đặt ra cho chúng ta một vấn đề không thể trốn khỏi: “Đức Chúa Trời sẽ nói gì về tội lỗi của tôi và do đó Ngài sẽ làm gì đối với tôi?”

Thật là vô ích khi chúng ta cứ đắm chìm trong sự tưởng tượng về chuyện này và hy vọng rằng như thế nào đó mà sau khi chết đi tội lỗi của chúng ta bị quên lãng hay bằng một cách nào đó mà tội không còn quan trọng nữa và đến cuối cùng mọi thứ đều trở nên tốt đẹp một cách kỳ diệu. Những việc như vậy chỉ có thể xảy ra trong những câu chuyện hư cấu tưởng tượng; đời thật thì hoàn toàn khác. Tội lỗi thật sự nghiêm trọng. Nó là sự chống nghịch lại với luật pháp của Đức Chúa Trời. Trong ý nghĩa này thì sức mạnh của tội lỗi chính là luật pháp, như Phao lô đã viết (I Cô 15:56); điều đó có nghĩa là tội sẽ không còn quan trọng nữa chỉ khi Đức Chúa Trời thu hồi hay hủy bỏ luật pháp của Ngài. Và Ngài sẽ không bao giờ làm như vậy. Chúa của chúng ta đã từng long trọng tuyên bố rằng: *đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn* (Mathiơ 5:18).

Vì thế, dầu sự đau đớn đến cỡ nào đi nữa khi sự chết hủy phá thân thể xác thịt của chúng ta, thì nọc độc đau đớn nhất của sự chết chính là ở nơi đuôi của nó, khi nó khiến chúng ta phải đối diện trước ngai của Đức Chúa Trời. Làm cách nào để có thể loại bỏ nọc độc này? Câu trả lời là nhờ sự chết chuộc tội và sự sống lại của Đấng Christ. Tin lành đó là *Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta theo Lời Kinh Thánh; Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba Ngài sống lại, theo Lời Kinh Thánh* (I Cô 15:3-4). Đó chính là *Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta khi chúng ta còn là người có tội thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết. Huống chi nay chúng ta đã nhờ huyết Ngài được xưng công bình, thì sẽ nhờ Ngài được cứu khỏi cơn thạnh nộ là durezza nào!* (Rôma 5:8-9).

Vì thế, thật là thú vị khi thấy Chúa, Môi se và Êli trên núi hóa hình nói về sự chết của Chúa như là một điều Ngài phải “hoàn tất” tại thành Giêrusalem. Sự chết của Ngài không phải là chuyện tình cờ. Từ quan điểm này thì nó cũng không phải là một tai họa hay một thảm kịch. Nó đã được chủ động lên kế hoạch cũng như chủ động thực hiện. Trong một dịp khác Chúa phán, *chẳng có ai cất sự sống Ta đi, nhưng tự Ta phó cho; Ta có quyền phó sự sống, và có quyền lấy lại* (Giăng 10:18).

Và cũng từ quan điểm này, một lần nữa cho thấy sự cần thiết khi chính Môise và Êli là người sẽ nói chuyện về sự chết của Chúa. Môise là người ban ra luật pháp, Êli là một trong những tiên tri nổi tiếng trong Cựu Ước. Nhưng cả Luật pháp và tiên tri trong Cựu Ước đều

hướng về sự giáng sinh và sự chết chuộc tội của Đấng Christ. Sau đó, Luca kể cho chúng ta về câu chuyện hai môn đồ ba ngày sau khi Chúa chết trở về nhà tại Em ma út, hoàn toàn chán nản và thất vọng vì Chúa Giê-xu đã chết và tự hỏi không biết cuối cùng Ngài có phải là Đấng Christ không. Chính Chúa Giê-xu đã đến gần với họ và nói, *Hỡi những kẻ đại dốt, có lòng chậm tin lời các đấng tiên tri nói! Há chẳng phải Đấng Christ chịu thương khó thế ấy mới được vào sự vinh hiển mình sao? Đoạn Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi đấng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh (Luca 24:25-27).*

Sự chết của Chúa là tâm điểm của lịch sử thiêng liêng mà thật ra là của mọi lịch sử. Trong thời Cựu Ước, mọi mục tiêu của Đức Chúa Trời đều hướng về điều này, và trên nền tảng sự chết của Chúa Giê-xu mà mọi ý định của Đức Chúa Trời cuối cùng được hoàn tất.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao những Cơ đốc nhân lại cho rằng sự chết của Chúa là tâm điểm của thời gian?
2. Tại sao theo ý Đức Chúa Trời thì sự chết của Đấng Christ là cần thiết?
3. Sự chết của Đấng Christ đã phá vỡ quyền lực của sự chết như thế nào? (Hêbơơ 2:14-15)
4. Làm sao để một người ngày hôm nay tin chắc sẽ được vào thiên đàng?
5. Những ngụ ý về sự chết của Chúa liên quan đến tội lỗi cá nhân và sự tha thứ là gì?

CHƯƠNG 6

CÁNH CỬA DẪN ĐẾN SỰ VĨNH HẰNG

Kinh Thánh: Luca 9: 26-36

Trong phần vừa qua, chúng ta đã xem xét tầm quan trọng của sự việc chính Môise và Êli là những người đã cùng hiện ra trong sự vinh hiển trên núi hóa hình và nói chuyện với Chúa về sự chết của Ngài; chúng ta sẽ bàn thêm về đề tài này. Không giống như Môise là người ban luật pháp, Êli viết rất ít. Ông chủ yếu được nhớ đến qua cuộc thử thách về sức mạnh với những tiên tri của Ba anh trên núi Cạc mên (I Các vua 19). Vấn đề nóng bỏng lúc đó là, Ai thật sự là Đức Chúa Trời? Ba anh hay Đức Giêhôva?

Phương pháp chung mà cả Êli lẫn các tiên tri giả của Ba anh cùng đồng ý để giải quyết cuộc tranh luận là họ cùng dựng lên những bàn thờ và bày sinh tế trên đó; và Đức Chúa Trời của ai trả lời bằng cách giáng lửa từ trời xuống đốt của lễ thiêu sẽ xem là Đức Chúa Trời chân thật. Các tiên tri giả của Ba anh kêu lớn tiếng để thần của họ có thể nghe tiếng, và theo thói lệ, họ lấy dao rạch mình và nhảy chung quanh bàn thờ. Nhưng chẳng hề có lửa giáng xuống, cũng chẳng có tiếng gì đáp lời họ.

Và đến lượt của Êli. Trước tiên ông cho nước dội tràn lên trên cả bàn thờ lẫn của lễ thiêu để chứng thực rằng không có sự lừa dối nào có thể xảy ra. Sau đó, một cách đơn giản và công khai ông cầu khẩn Đức Chúa Trời chứng tỏ Danh của Ngài và sự thực hữu thiêng liêng của Ngài. Rồi có lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của lễ thiêu, củi, nước và từng viên đá của bàn thờ.

Nhiều thế kỷ sau đó đã trôi qua nhưng câu hỏi lớn nhất và cuối cùng mà mọi người nam nữ phải quyết định thì vẫn không thay đổi. Thật có Đức Chúa Trời không? Hàng trăm tôn giáo đã khẳng định rằng có, nhưng chúng ta có thể tin vào tôn giáo hay không? Tôn giáo có gì khác hơn là những mơ ước hay tệ hơn là hàng loạt những điều mê tín mù quáng? Và há chẳng phải các tôn giáo cũng tranh cãi với nhau, mỗi tôn giáo đều tự nhận mình là đúng và phủ nhận những tôn giáo khác sao? Và như thế thì làm sao chúng ta có thể biết chắc lời tuyên bố của Chúa Giê-xu rằng Ngài là Con độc sanh của Đức Chúa Trời là chân thật?

Vấn đề này về căn bản cũng giống như trong thời của Êli, và câu trả lời cho nó cũng như vậy, và nó tùy thuộc vào vấn đề của lễ hơn là về luân lý đạo đức. Về phần đầu thì mọi tôn giáo nghiêm túc đều đồng ý với nhau về tầm quan trọng của những giá trị đạo đức. Họ sẽ đồng ý với Môise; cho dù có đôi lúc họ sẽ đi lạc theo những phương cách tạm thời của họ, nhưng khi so sánh với luật pháp Môise, không ai dám phủ nhận rằng luật pháp của Môise trởi hơn rất nhiều so với luật lệ của họ. Vào một thời kỳ mà mọi quốc gia đều chìm đắm trong sự tối tăm của việc thờ thần tượng, chỉ duy một mình Môise rao giảng về giáo thuyết độc thần cao quý. Hơn nữa, luật của Môise nhấn mạnh rằng đạo đức là một phần cốt lõi của tôn giáo trong khi trong nhiều nền văn hóa thì tôn giáo chỉ đơn thuần là một hệ thống phức tạp tinh vi để nịnh bợ và cầu xin ân huệ nơi thần thánh hay chí ít cũng để tránh cơn giận của họ, và rất ít đề cập đến luân lý đạo đức. Và khi bạn cứ tiếp tục dâng của lễ cho vị thần hay ban ơn cho mình thì bạn có thể đoán chắc ông ta sẽ ủng hộ bên vực bạn bất kể bạn đối xử ra sao với người bằng hữu mình.

Nhưng để trở lại: những tôn giáo khi xưa ắt hẳn cũng đồng ý về cơ bản đối với sự chú trọng của Môise về tầm quan trọng của đạo đức, và hầu hết những tôn giáo ngày nay cũng vậy. Một số ít tôn giáo thì cho là vấn đề đạo đức chẳng hề quan trọng gì. Nếu nói rằng giết

người, hiệp dâm, nói dối, lừa đảo và tham lam là bình thường thì cũng giống như bỏ phiếu tán thành cho việc xã hội tự sát. Vì thế, nếu một người so sánh các tôn giáo trên căn bản đạo đức thì chắc hẳn người đó sẽ có thể nói rằng một số tôn giáo này tốt hơn những cái khác, nhưng nói chung nó đơn thuần chỉ là về mức độ, về cơ bản thì tất cả đều nói giống nhau.

MỘT SINH TẾ THÍCH HỢP

Nhưng sự thống nhất chung về vấn đề đạo đức dẫn chúng ta đến một vấn đề khó khăn mà chỉ có Chúa mới có thể giải đáp. Nếu tội lỗi là nghiêm trọng và chắc chắn là nghiêm trọng, thì trên cơ sở nào một người sẽ được tha thứ? Sự tha thứ sẽ bỏ qua những hình phạt của luật đạo đức và đồng ý cách đơn giản nhẹ nhàng quên đi tội lỗi đó, từ chối ảnh hưởng đạo đức và thừa nhận rằng tội lỗi tóm lại cũng không quan trọng lắm. Mặt khác, khăng khăng với những sự thừa nhận tuyệt đối của luật pháp là nộp mình cho sự tai họa, vì chúng ta đều đã phạm luật đó rồi. Trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan này, nếu chỉ có đạo đức không thôi thì cũng không phải là giải pháp, ngay cả luân lý đó là luật của Môise hay là bài giảng trên núi.

Vậy hãy để cho Êli, trước nhất là trên núi Caxmên và sau đó là trên núi hóa hình sẽ chỉ cho chúng ta thấy giải pháp. Giải pháp đó được tìm thấy trong sinh tế chân thật, được Đức Chúa Trời chấp nhận và đó chính là sự chết của Chúa Giêxu. Vì, khi Êli chuẩn bị sinh tế trên núi Caxmên, thì có lửa từ trời giáng xuống trước những con mắt kinh ngạc của mọi người, và nhậm lấy của lễ thiêu như là cách mà Đức Chúa Trời ban cho để nhờ đó những con người tội lỗi có thể được phục hòa với Đức Chúa Trời. Vì thế tại núi hóa hình, khi Êli và Môise nói chuyện với Chúa Giêxu về sự chết và sinh tế sắp xảy đến, thì có đám mây bao phủ cả ngọn núi và có Tiếng từ trong đám mây phán ra rằng, *Này là Con yêu dấu của Ta, Hãy nghe Người!* (Luca 9:35).

Chúng ta cần phải nắm được toàn bộ tầm quan trọng của việc này, vì ngay lúc đầu, cả ba Sứ đồ đều không nhận ra. Bị choáng ngợp vì sự huy hoàng của khung cảnh, Phierơ đã phản ứng bằng lời đề nghị xin được dựng lên ba cái lều, một cho Chúa Giêxu, một cho Môise và một cho Êli. Phierơ không hề có ý xúc phạm Chúa, thật ra ông có thể nghĩ rằng mình đang dành sự vinh dự lớn cho Chúa. Nhưng vô tình ông đã đặt Chúa ngang hàng với Môise và Êli, và Tiếng từ trời đã nhẹ nhàng quở trách ông. Một Đấng Christ mà chỉ như là Môise hay Êli hay có thể cao trọng hơn nhưng ở cùng một hạng thì cũng không giúp ích gì cho tình trạng nan giải của chúng ta. Môise và Êli với những sự cao trọng của họ, như là người ban luật pháp được đầy ơn và một tiên tri, thì chính bản thân họ cũng vẫn là những tội nhân. Mọi nhà lãnh đạo tôn giáo vĩ đại trên thế giới cũng không nằm ngoại lệ, càng thánh sạch chừng nào thì càng dễ cho họ nhận biết được điều đó và chú tâm đến sự cách biệt to lớn giữa sự thánh khiết của con người với sự thánh khiết tuyệt đối của Đức Chúa Trời. Chúa Giêxu hoàn toàn vô tội như chính Đức Chúa Trời, Ngài đã và luôn là Con của Đức Chúa Trời.

Nhưng còn hơn thế nữa. Nếu Con của Đức Chúa Trời chỉ đến giữa vòng chúng ta như là một người trình bày tối cao về đạo đức và sống một cuộc đời vô tội y như lời dạy của Ngài và không làm gì khác nữa thì Ngài vẫn không thể giải quyết cho tình trạng của chúng ta. Ngài đơn thuần chỉ làm, mặc dầu toàn hảo, những điều mà mọi giáo chủ khác đều đã làm tới giới hạn của họ, đó là làm tăng ý thức của chúng ta về tội lỗi và do đó cũng tăng gánh nặng về tội.

Nhưng Chúa còn làm hơn thế nữa, và những gì Ngài làm không chỉ có thể giải quyết tình trạng khó khăn của chúng ta mà còn có thể bày tỏ rằng Ngài là Đấng độc nhất và hoàn toàn khác với mọi người khác. Ngài đến để sẵn lòng chịu chết, để hoàn thành sự chết ở Giêrusalem mà với địa vị là Con Đức Chúa Trời và là Đấng ở cùng Cha, thì Ngài có thể mang lấy hình phạt của luật pháp thiên thượng mà chính Ngài đã công bố và Ngài phó chính thân mình làm giá cứu chuộc cho mọi người. Sự chết của Ngài bảo đảm sự chuộc tội và khiến sự tha tội được khả thi, không phải bằng cách bẻ cong luật pháp hay phủ nhận sự nghiêm trọng của tội lỗi, nhưng bằng cách giữ vững luật pháp một cách công bình và tôn trọng sự phê chuẩn của nó đến cuối cùng, để như Kinh Thánh nói, Đức Chúa Trời có thể được công bình và đồng thời xung công bình những ai tin đến Đức Chúa Giê-xu (Rô-ma 3:26).

ĐÁNG CHRIST LÀ ĐỘC NHẤT

Lúc đó sự chết của Ngài sẽ giải quyết được tình trạng của chúng ta nhưng đồng thời, như tôi đã nói, điều đó cũng tuyên bố Christ là Đấng duy nhất. Không một giáo chủ hay triết gia nào khác đã được biết đến trong tiến trình lịch sử của con người, từng bước vào thế giới của chúng ta mà được dự ngôn qua các tiên tri như là Môise, Êli hay các tiên tri khác của Do thái. Cũng không ai bước vào đời mà tuyên bố rằng mình ra đời chủ yếu là để phó chính mình cho Đức Chúa Trời như là cái giá chuộc tội cho cả nhân loại. Tại điểm hết sức quan trọng và căn bản này thì không có nghi ngờ gì khi suy xét giữa lời tuyên bố của Chúa và của bất kỳ người nào khác, chỉ có một mình Chúa là từng tuyên bố ra. Và chúng ta có thể biết đó là sự thật. Cũng như một người biết bánh mì là thật vì nó làm thỏa cơn đói, và biết nước là thật vì nó làm thỏa cơn khát của anh ta, và vì thế chúng ta có thể biết được lời tuyên bố của Chúa là thật: sự chết của Con Đức Chúa Trời như là một của tế lễ của Đức Chúa Trời ban để giải quyết tội lỗi của thế gian nhằm đáp ứng nan đề cơ bản về tình trạng của con người mà không điều gì khác có thể thay thế được.

Vì thế chủ đề chính của cuộc nói chuyện trên núi hóa hình là về sự chết của Đấng Christ. Nhưng không hề có điều gì u ám hay buồn bã lúc đó. Hoàn toàn ngược lại. Mọi thứ đều vinh hiển sáng ngời. Như chúng ta đã đọc, về mặt của Chúa trở nên khác thường, và áo Ngài trở nên sắc trắng chói lòa. Cả Môise và Êli cũng cùng xuất hiện trong sự vinh hiển. Đây không phải là dịp của sự đau khổ và than khóc. Vài ngày trước, Chúa Giê-xu đã hứa với các môn đồ của Ngài rằng họ sẽ không chết trước khi thấy nước Đức Chúa Trời (Luca 9:27); và bây giờ trên núi hóa hình họ hiển nhiên đã được thấy trước về nước tương lai như đã hứa. Chúng ta hãy chú ý đến những điểm chính yếu này.

VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI

Trước hết, sự xuất hiện của cả Môise và Êli – mà thế giới khi họ sống đã cách nhau nhiều thế kỷ - cho thấy trong vương quốc đó, thời gian bị triệt tiêu. Và việc sau nhiều thế kỷ tách biệt giữa họ với Đấng Christ trong thế giới này, họ vẫn sẽ sống chung với Ngài trong vương quốc đó mà vẫn nhận ra được Môise và Êli, cho thấy trong thế giới đó con người sống không phải như những linh hồn phi nhân cách nhưng như là những nhân cách rõ ràng.

Chúng ta hãy cùng xem lại những điều chúng ta đã chú ý trước đó, rằng Môise và Êli đã bước vào cõi đời đời theo những cách khác nhau. Môise đã chết và được chôn trong khi Êli thì không chết nhưng đã được cất lên trời đang khi còn sống. Và trong điểm này cũng vậy, chúng ta có thể thấy trước những gì sẽ xảy ra trong một bình diện rộng hơn nhiều về Sự Sống Lại Trước Nhất trong Lần Đến Thứ Hai của Chúa. Phao lô, trong những bức thư của

mình, đã hai lần mô tả thứ tự những sự kiện sẽ xảy đến trong ngày Chúa Tái Lâm, và mỗi lần, ông đều nhấn mạnh rằng trong khi những người tin Chúa đã chết được sống lại thì một số Cơ đốc nhân vẫn đang sống khi Chúa đến cũng được cất lên thiên đàng mà không hề chết. Sau đây là những phân đoạn đó.

Phân đoạn thứ nhất I Têsalônica 4:15-17:

Và đây là điều mà chúng tôi nhờ Lời Chúa mà rao bảo cho anh em: chúng ta là kẻ sống, còn ở lại cho đến kỳ Chúa đến, thì không lên trước những người đã ngủ rồi. Vì sẽ có tiếng kêu lớn và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống; bấy giờ những kẻ chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước hết. Kế đến chúng ta là kẻ sống, mà còn ở lại, sẽ cùng nhau đều được cất lên với những người ấy ở giữa đám mây, tại nơi không trung mà gặp Chúa, như vậy chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn.

Phân đoạn thứ hai trong I Côrinhtô 15:50-52:

Hỡi anh em, tôi đoán quyết rằng thịt và máu chẳng hưởng nước Đức Chúa Trời được, và sự hay hư nát không hưởng sự không hay hư nát được. Đây là sự mầu nhiệm tôi tỏ cho anh em: Chúng ta không ngủ hết, nhưng hết thảy đều sẽ biến hóa, trong giây phút, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót; vì kèn sẽ thổi, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa.

Nhưng một điều khác, quan trọng nhất xảy ra trên núi hóa hình đó là chính Chúa Giê-xu hóa hình. Vì Ngài là Con của Đức Chúa Trời nên không có gì ngạc nhiên khi lúc đó sự vinh hiển trong Ngài tuôn tràn sẽ khiến thân thể Ngài được thay đổi. Nhưng Ngài không chỉ có thần tánh, Ngài cũng là con người, vì thế khi những môn đồ của Ngài kinh ngạc ngắm nhìn sự biến hóa của thân thể Ngài cũng chính là lúc họ được xem thấy trước về thân thể vinh hiển mà Ngài sẽ nhận được sau khi sống lại.

Và không chỉ riêng mình Ngài. Những người tin Ngài cũng được bảo đảm rằng cho dù họ bước vào vương quốc tương lai sau khi chết và sống lại hoặc không phải chết, và được đem lên gặp Chúa Giê-xu khi Ngài trở lại thì tất cả họ sẽ cùng được biến hóa. *Nhưng chúng ta là công dân trên trời, ấy là từ nơi đó mà chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Giê-xu Christ, Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài, y theo quyền phép Ngài có để phục muôn vật (Philíp 3:20-21).*

Đây quả là một điều vô cùng lạ lùng, nhưng nó không phi lý cũng không phải là một câu chuyện hư cấu. Như Phao lô biện luận trong I Côrinhtô 15:35-49, ngay cả trong thế giới này thì những chất được gọi là xác thịt tồn tại trong nhiều dạng: có xác thịt của loài vật, xác thịt của cá, của chim cũng như của con người. Chúng đều là xác thịt nhưng đều khác nhau, như ngày nay chúng ta đều đã biết những trường hợp đau thương do những nỗ lực không thành công của những bác sĩ phẫu thuật khi cấy ghép, ví dụ như, một trái tim heo cho con người. Do đó, nếu ngay trong thế giới này có nhiều dạng xác thịt khác nhau thì cũng không khó khăn gì khi chấp nhận rằng xác thịt của con người tồn tại trong một dạng này ở thế giới này thì cũng sẽ tồn tại ở một dạng khác trong nước tương lai nhưng vẫn cứ là con người.

Hay cùng xem một thí dụ tương tự khác, Phao lô nói. Những cây lúa mì xinh đẹp mọc lên từ những cánh đồng được canh tác kỹ lưỡng thì khác xa so với những hạt lúa mì trơ trụi đã được gieo và mọc lên nó. Nhưng nó vẫn cứ là lúa mì. Và thân thể của những người tin Chúa đã chết và sống lại cùng của những Cơ đốc nhân không chết cũng sẽ được biến hoá như vậy khi Chúa Giê-xu tái lâm. Đó sẽ là những thân thể vinh hiển, nhưng chúng vẫn là những thân thể thật và vẫn là con người.

Một điểm cuối cùng, để công bằng với cả Kinh Thánh và chúng ta. Nếu chúng ta hỏi Kinh Thánh rằng ai là những người sẽ được cùng chia sự vinh hiển đời đời của Đức Chúa Giêxu Christ khi Ngài tái lâm thì câu trả lời luôn là: những người ở trong Đấng Christ, hay là những người thuộc Christ. Ví dụ trong I Têsalônica 4:16 nói rằng trong lần sống lại đầu tiên thì không phải tất cả những người đã chết sẽ sống lại, *những chỉ những người chết trong Đấng Christ sẽ được sống lại*. Cũng tương tự như vậy trong I Côrinhtô 15:23 nói rằng *những kẻ thuộc về Đấng Christ trong khi Ngài trở lại sẽ được sống lại*. Một lần nữa, câu Kinh Thánh nằm ngay trước câu này cũng đề cập đến hai loại: *như trong Adam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại* (I Cô 15:22). Đến đây thì đã rất rõ ràng rằng chúng ta thuộc về loại thứ nhất đơn giản chỉ vì chúng ta được sinh ra trong thế giới này. Nhưng các sách trong Tân Ước đều khẳng định rằng không phải mọi thứ trong loại một cũng đều tự động thuộc về loại hai. Chắc chắn cần phải khôn ngoan để khám phá trong Tân Ước cách để nhận biết loại thứ hai... và tất nhiên là để được vào đó.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Điểm khác biệt giữa “ở trong Adam” và “ở trong Đấng Christ” là gì?
2. Tại sao đạo lý (luật pháp của Đức Chúa Trời) không thể đem lại sự cứu rỗi?
3. Tại sao theo quan điểm của con người thì sự chết của Đấng Christ là cần thiết?
4. Tại sao các Cơ đốc nhân tuyên bố rằng Chúa Giêxu Christ khác hơn mọi giáo chủ khác?
5. Những đặc điểm chính về nước tương lai của Đức Chúa Trời là gì?

CHƯƠNG 7

KHI CHÚNG TA VƯỢT DÒNG

Kinh Thánh: Luca 2:25-35; 23:39-43

Trên núi hóa hình, Chúa Giê-xu, Môise và Êli đã nói chuyện rất lâu về sự chết mà Ngài sẽ phải chịu tại thành Giêrusalem. Từ ngữ mà họ dùng để chỉ về sự chết rõ ràng không phải là từ thông thường nhưng là từ mang ý nghĩa là “ra đi” hay “rời khỏi”. Và hoàn toàn rõ ràng rằng dù sao đi nữa thì Chúa Giê-xu Christ cũng đã ra đi. Nhưng trong phần lớn cuộc nói chuyện đó thì Phierơ và hai sứ đồ khác đều đã ngủ. Có lẽ sự sáng chói rực rỡ một cách kinh hoàng và huyền diệu tại đây đã vượt quá sức chịu đựng của thân xác trần tục của họ. Và họ đã ngã lăn ra ngủ.

Cuối cùng thì cuộc nói chuyện đã kết thúc, và Môise cùng Êli đang chuẩn bị rời đi thì Phierơ tỉnh linh thức giấc. Chúng ta có thể biết được ông đã thẹn thùng như thế nào và để che đi sự bối rối của mình, ông cố gắng gây sự chú ý. Thừa thầy, chúng ta ở đây tốt lắm, chúng ta hãy dựng ba cái lều: một cho thầy, một cho Môise và một cho Êli (Luca 9:33). Luca còn cho biết thêm là Phierơ không biết ông đang nói điều gì. Hiển nhiên như vậy, vì nếu toàn bộ cuộc nói chuyện là về sự ra đi của Chúa Giê-xu, thì Phierơ lại đề nghị một sự ở lại.

HÀNH TRÌNH CỦA CUỘC SỐNG

Chúng ta có thể chê cười Phierơ nhưng chúng ta hình như lại thường nói những điều tương tự như vậy – tất nhiên là không nói nhiều như vậy, nhưng là qua cách chúng ta sống. Chúng ta biết Kinh Thánh tuyên bố rằng cuộc đời là một cuộc hành trình đi đến cõi đời đời tại thiên đàng hay địa ngục; và chúng ta đã nghe điều này rất nhiều lần. Nhưng chúng ta lại sống như thể là mình sẽ ở lại trên dương thế này mãi mãi, cuộc đời này là tất cả và không hề có đích đến đời đời nào. Tất nhiên lời nhận xét của Phierơ có thể hiểu được. Cuộc đời một người ngư phủ vùng Galilê thì rất là khổ nhọc và buồn tẻ; vì thế khi một dịp tiện hiếm hoi đầy huy hoàng và thích thú đến trong đời anh ta thì một điều rất tự nhiên rằng anh ta sẽ mong muốn cơ hội này kéo dài mãi.

Cũng không có gì sai khi anh ta hay chính chúng ta ước ao được hưởng thụ cuộc sống một cách thỏa thích và có thêm càng nhiều những điều vui thích hay phiêu lưu trong đời càng tốt. Nếu cuộc sống có một mục tiêu đời đời thì mỗi bước trong cuộc hành trình đó đều sẽ có một tầm quan trọng đời đời; và nếu mục tiêu đó là hưởng thụ thì không có lý do nào cuộc hành trình lại không được hưởng thụ. Hầu hết chúng ta đều thích đi du lịch cũng như thích đến một nơi nào đó. Chúng ta thích bước vào buồng lái với phi công hay vào phòng chỉ huy của thuyền trưởng để nhìn ngắm những thứ bên ngoài cửa sổ và để khám phá từng trạm mình sẽ dừng chân.

Mặt khác, nếu trong lúc đang lái tàu từ Mỹ đến Ailen, vị thuyền trưởng của chiếc tàu chợ quên mất mình đang trong một cuộc hành trình. Ông cứ lái con tàu chạy theo những vòng tròn bất tận giữa Đại Tây Dương thay vì hướng đến đích. Cuối cùng thì hầu hết các hành khách trên tàu trở nên không còn hứng thú với chuyến đi nữa. Và nguy cơ đó là khi chúng ta đang nỗ lực để hưởng thụ cuộc sống thì chúng ta sẽ không còn nhớ gì đến mục tiêu của mình và vì thế làm tiêu tan chính những mục tiêu mình đã đặt ra. Chúng ta đã đem cuộc

sống này ra khỏi sự sống đời đời, và vì thế đã lấy mất đi khía cạnh vui thỏa và quan trọng nhất của nó: Chúng ta đã ngừng cuộc hành trình của mình và bắt đầu đi lang thang vẩn vơ qua cuộc sống, và tất cả những điều này dẫn đến nguy cơ là chúng ta sẽ bước vào cõi đời đời mà hoàn toàn không chuẩn bị gì cả.

Có lẽ vì vậy mà Kinh Thánh, không như rất nhiều bài giảng nổi tiếng, rất ít khi sử dụng cụm từ “đi đến thiên đàng” nhưng luôn thúc giục chúng ta hãy đón nhận sự sống đời đời ngay bây giờ. Vì sự sống đời đời không phải là điều mà chỉ khi nào mình vào nước thiên đàng mới nhận được. Nó là khía cạnh vĩnh hằng được thêm vào cho cuộc đời này, là niềm vui sướng mà những người ngay bây giờ bước vào trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời đời đời qua Chúa Giê-xu Christ hưởng được. Tất nhiên, vì nó xuất nguồn từ một mối liên hệ đời đời nên không hề tan vỡ dầu khi quãng đời tạm trên đất này qua đi. Nhưng mối quan hệ này phải được đem vào trong đời tạm này nếu muốn nó hiện hữu ở đời sau, vì mỗi nguy hiểm của việc quá bận tâm về mặt đời tạm này sẽ khiến chúng ta thất bại trong việc nắm giữ sự sống đời đời.

Vì thế, Chúa Giê-xu đã cho các môn đồ của Ngài được ở trên núi hóa hình đủ thời gian để có thể có một cái nhìn sơ khởi về nước đời đời của Ngài hầu cho lòng họ được thuyết phục rằng thiên đàng là thực hữu. Cơ hội đó đã để lại một ấn tượng không phai mờ trong lòng Phierơ. Nhiều năm sau lúc gần cuối đời mình, khi ông viết cho những anh em Cơ đốc để giục họ khá chuẩn bị sẵn sàng cho tương lai khi bước vào vương quốc vĩnh hằng của Chúa Giê-xu – Đấng Cứu Thế của chúng ta, ông đã cho biết sự chết đã gần kề ông. Điểm quan trọng là từ ngữ mà ông dùng để nói đến sự chết là từ “ra đi”, đó cũng chính là từ mà Luca đã sử dụng trong phần ghi lại câu chuyện trên núi hóa hình.

Sau đó Phierơ còn cho biết thêm: *Và, khi chúng tôi đã làm cho anh em biết quyền phép và sự đến của Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta thì chẳng phải là theo những chuyện khéo đặt để, bèn là chính mắt chúng tôi đã ngó thấy sự oai nghiêm Ngài. Vì Ngài đã nhận lãnh sự tôn trọng vinh hiển từ nơi Đức Chúa Trời, Cha Ngài, khi Đấng tôn nghiêm rất cao phán cùng Ngài rằng “Này là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng.” Chính chúng tôi cũng từng nghe lời ấy đến từ trên trời, lúc chúng tôi ở với Ngài trên hòn núi thánh (II Phierơ 1:16-18).* Nhưng ngay khi những môn đồ đã học xong bài học về sự hóa hình thì Chúa đã đem họ xuống núi và theo như lời sứ giả dọn đường, Ngài bắt đầu cuộc hành trình dẫn Ngài qua sự đau khổ và cái chết tại thành Giêrusalem để về thiên đàng (Luca 9:51).

BẮT ĐẦU CUỘC HÀNH TRÌNH

Giả sử chúng ta cho rằng cả Chúa Giê-xu và Phierơ đều nói sự thật một cách nghiêm túc, và chúng ta quyết định bắt đầu cuộc hành trình dẫn đến thiên đàng của Đức Chúa Trời thì tự nhiên sẽ nảy sinh ra hai câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất là: Cuộc hành trình này sẽ bắt đầu từ đâu? Câu trả lời rất đơn giản và có thể được đưa ra bằng chính những từ ngữ của Phierơ. Trong thư tín thứ nhất của ông, đoạn 1:4, ông mô tả mục đích của cuộc hành trình: *một cơ nghiệp không hư đi, không ô uế, không suy tàn, để dành trong các tầng trời cho anh em.* Sau đó trong câu thứ 23 của đoạn 1, ông mô tả điểm bắt đầu cuộc hành trình thuộc linh để dẫn đến mục tiêu đó là: *được sanh lại, chẳng phải bởi giống hay hư nát, nhưng bởi giống chẳng hư nát là bởi Lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời...* Nói cách khác, cuộc hành trình bắt đầu khi chúng ta lần đầu tiên nhận lấy Lời Đức Chúa Trời và đặt niềm tin cá nhân vào Đấng Cứu Thế, rồi được sanh lại như là một hài nhi mới chào đời trong gia đình của Đức Chúa Trời.

Câu hỏi thứ hai là: chúng ta có chắc rằng khi đã bắt đầu cuộc hành trình đó thì có thể đến được nước thiên đàng của Đức Chúa Trời và không bị chệch khỏi đường của mình, kết thúc một cách thảm hại ở một nơi nào đó không? Câu trả lời thẳng và trực tiếp cho câu hỏi này là Có, chúng ta có thể tin chắc. Lần này hãy nghe Luca trả lời. Ngay từ đầu khi ông viết về cuộc hành trình, Luca đã cho chúng ta biết trong một dịp khi các môn đồ đến với Chúa cách phần khởi, vui mừng vì họ đã thành công khi đuổi được quỷ trong Danh của Ngài. Nhưng Ngài đã phán, *dầu vậy chớ vui mừng vì các quỷ phục các ngươi; nhưng hãy mừng vì tên các ngươi đã ghi trên thiên đàng* (Luca 10:20).

Do đó, ở đây có sự bảo đảm rằng khi họ tiến hành cuộc hành trình trên đời này thì họ đã được có tên trong danh sách công dân thiên quốc, như là những người có tổ quốc là thiên đàng và người bởi ân điển của Đức Chúa Trời được có quyền công dân của thành thánh. Điều này có thể khiến một số người thấy lạ lùng vì theo thần học phổ biến thì ngược lại, không ai có thể biết chắc chắn được vào thiên đàng chỉ đến khi người đó đặt chân đến đó (nếu anh ta từng đến được), và người nào nói mình biết chắc thì đó hoàn toàn chỉ là giả định.

Nhưng thực tế, không chỉ những môn đồ mới nhận được sự bảo đảm của Chúa, mà tất cả những Cơ đốc nhân thuở ban đầu, những tín đồ thường, cụm từ được dùng để chỉ sự đối lập với những vĩ nhân thuộc linh như các sứ đồ, tất cả họ đều cũng nhận được sự bảo đảm như vậy. Ví dụ như trong thư tín gửi cho người Philíp trong Philíp 4:3, Phao lô khi đang nói về nhiều vấn đề, ông đã có lời bày tỏ rất rõ ràng. Lúc đó, ông đang nhắn nhủ một trong những người bạn của mình tại thành Philíp hãy giúp đỡ những bạn đồng công với ông: *Hỡi kẻ đồng liêu trung tín, tôi cũng xin anh giúp hai người đàn bà ấy, nhơn hai bà ấy đã cùng tôi vì đạo Tin lành mà chiến đấu; Cơ lê măn và các bạn khác đồng làm việc với tôi cũng vậy, có tên những người đó biên vào Sách sự sống rồi.*

Cái cách rất bình thường khi Phao lô nói về việc tên họ được ghi vào Sách sự sống cho thấy rõ ràng là ông không hề đề xuất ra một ý tưởng mới nào đó ở đây mà họ chưa hề biết. Họ đều đã biết điều này và đã nhận được sự bảo đảm đó ngay từ lúc họ mới tin nhận Chúa. Họ biết họ là những người mà tên đã được ghi vào danh sách công dân nước trời rồi. Đó là lý do chỉ một vài câu trước (Philíp 3:20) Phao lô đã nhắc họ rằng, chúng ta là công dân trên trời.

NƠI CHẮC CHẮN ĐẾN

Điều này rõ ràng là rất quan trọng, nhưng nó còn quan trọng hơn những gì mà một số chúng ta có lẽ nhận biết. Theo Khải huyền 20:11-15, phần mô tả về Sự phán xét sau cùng, tiêu chuẩn duy nhất để quyết định một người có được vào thiên đàng hay bị ném xuống hồ lửa tùy thuộc vào việc tên người đó có *được ghi vào Sách sự sống* hay không (câu 15). Những kẻ chết bị xử đoán tùy những công việc họ đã làm (câu 12), vì không phải tất cả những kẻ bị hư mất đều nhận được một bản án như nhau. Nhưng trong sự công bình của Đức Chúa Trời thì trong Ngày phán xét sẽ có một số người *chịu nhẹ hơn* những người khác vì họ ít có cơ hội tiếp xúc với sự sáng hơn những người kia (Luca 10:14).

Nhưng vấn đề cơ bản là một người không phải được vào thiên đàng hay xuống địa ngục chỉ dựa vào những gì họ đã làm trên đất. Nếu vào thiên đàng chỉ dựa vào những việc làm hay công trạng trên đất thì không ai trong chúng ta có thể vào đó được. Việc bước vào thiên đàng như là một món quà tặng dành cho tất cả những người có tên trong Sách sự sống mà những kẻ không có tên trong đó thì không nhận được.

Và nếu chúng ta hỏi rằng dựa trên tiêu chuẩn hay điều kiện nào để tên một người được ghi vào Sách sự sống, thì nếu chúng ta chú ý sẽ thấy rằng ở một nơi khác trong Kinh Thánh mô tả quyển Sách sự sống như là Sách sự sống của Chiên Con (Khải huyền 13:8). Quyển sách này ghi lại tất cả những người đã tin Chúa Giê-xu Christ là Chiên Con của Đức Chúa Trời và là những người đã được bao phủ khỏi tội lỗi bởi sự hy sinh vô hạn của Ngài. Vì huyết của Đức Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời, có thể tẩy sạch mọi tội, xóa đi mọi điều gian ác và mua quyền công dân thiên quốc cho những kẻ tin Ngài. Do đó điều tối quan trọng là chúng ta phải chắc rằng chúng ta thật sự đặt niềm tin cá nhân của mình vào Chiên Con của Đức Chúa Trời, chỉ nơi Ngài mà thôi, và tin chắc tên mình được ghi vào Sách sự sống của Ngài.

Nhưng nếu chúng ta cảm thấy rằng tất cả chuyện này khó mà là sự thật, thì chúng ta hãy trở về với Phúc Âm Luca và cùng xem xét kỹ về hai người đàn ông được mô tả ở đây. Cả hai người này đều đang ở vào giai đoạn cuối của cuộc hành trình và đang chuẩn bị bước vào cõi đời đời của Đức Chúa Trời. Cả hai người này đều tràn đầy tự tin và chắc chắn. Vậy lý do hay nền tảng cho lòng tin chắc của họ là gì?

Một người tên là Si-mê-ôn: câu chuyện về ông được ghi trong đoạn 2:25-35. Si-mê-ôn đã sống trọn đời công bình và tận hiến cho Đức Chúa Trời. Bây giờ như một vị thánh đã trưởng thành, ông như một bó lúa vàng cho Vụ gặt lớn. Hiên nhiên ông đã sống rất mật thiết với Đức Chúa Trời, vì Ngài đã tỏ cho ông biết ông sẽ không chết trước khi thấy Đấng Christ của Chúa. Một ngày nọ khi đến đền thờ thì ông gặp Mari, Giô-sép và hài nhi Giê-xu. Ngay lập tức ông nhận biết hài nhi này chính là Đấng Cứu Thế đến như lời Đức Chúa Trời đã báo trước cho ông và đồng thời ông cũng nhận biết những ngày của ông trên đất sắp hết.

Tiếp theo sau đó là một cảnh tượng rất tuyệt vời. Vị thánh nhân cao niên nhẹ nhàng bồng Con trẻ từ tay Mari và ngợi khen Đức Chúa Trời rằng: *Lạy Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi tớ Chúa được qua đời bình an, theo như Lời Ngài; vì con mắt tôi đã thấy sự cứu vớt của Ngài* (Luca 2:28-30). Thật là một bức tranh đẹp khi ông cụ đứng đó với Hài nhi trong tay, mái tóc bạc trắng và khuôn mặt cao thượng của ông như đã được vinh quang của cõi đời đời chiếu sáng, giống như đỉnh núi bồng lên trước những tia nắng của vàng dương dăng cao. Và những câu chuyện mà ông có thể kể cũng thật tuyệt vời, nếu ông có thể nhớ hết, về cuộc đời mình với những câu truyện về những thành tựu thuộc linh vĩ đại, về những lời cầu nguyện khẩn thiết và say mê, về những sứ mạng tình thương, và về những việc làm cao quý!

Nhưng ngay lúc này thì không hề có một lời nào về những việc đó. Ông đang đối diện với cõi đời đời, sắp sửa rời khỏi trần thế này, và bây giờ ông đang tuyên rao lý do vì sao ông có thể bước vào cõi đời đời trong sự bình an. Vì thế không hề có một lời nào về cuộc sống của ông; mắt ông chỉ hướng về Cuộc sống của Một người khác. Ông kêu lên, *con mắt tôi đã thấy sự cứu vớt của Ngài*. Chúng ta không cần phải hỏi sự cứu vớt ấy ở đâu. Ông đang chăm chú ngắm nhìn Đấng Christ. Đúng là, ông không suy nghĩ cách ích kỷ cho riêng mình mà thôi: ở đây sự cứu rỗi đủ cho mọi dân tộc và quốc gia. Nhưng sự cứu rỗi đủ cho tất cả loài người thì cũng đủ cho chính Si-mê-ôn. Ông không cần gì nữa; ông đã có Đấng Christ.

Trước khi rời khỏi ông, chúng ta hãy chú ý đến cánh tay của ông. Không phải ông đứng đó một tay ôm Chúa mà tay kia lại nắm một điều gì khác. Ông không những chỉ tiếp nhận Chúa một cách cá nhân, mà còn chẳng hề nắm giữ một điều nào khác: cả hai cánh tay ông đều ôm lấy Chúa. Và đó chính là bí quyết lòng bình an của ông. Và khi giờ phút mà chúng ta phải ra đi sắp đến, chúng ta cũng có thể nhận được sự bình an hoàn toàn và tuyệt đối nếu sự cứu rỗi của chúng ta có được do tiếp nhận Đấng Cứu Thế cách cá nhân và chỉ nương dựa vào duy chính Ngài mà thôi.

Người đàn ông thứ hai đó là tên trộm cướp sắp chết. Câu chuyện của anh ta được kể trong đoạn 23:39-43. Không có một sự tương phản nào hay hơn giữa người này với Si-mê-ôn. Quá khứ của anh ta không hề có một việc tốt nào đáng nhắc đến: anh ta như đã tự nhận là một tên tội phạm, một tên trộm cướp và giết người, và giờ đây anh ta đang phải nhận lấy những hình phạt mà theo anh ta là xứng với việc anh ta đã làm. Hơn nữa, không hề còn cơ hội nào trong tương lai cho anh ta sửa đổi vì thời giờ trên đất đối với anh ta không còn nữa. Giống như Simêôn, đầu họ ở trong những hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau, anh ta cũng đang bên lề của cõi đời đời và đang chuẩn bị phải ra đi. Làm thế nào để một con người như vậy có thể có hy vọng được ra đi trong sự bình an? Nhưng anh ta đã nhận được điều đó. Vì trong những những giờ phút cuối của cuộc đời mình thì anh ta đã quay trở lại thật sự ăn năn và tin vào Chúa Cứu Thế. Do đó anh ta bước vào cõi đời đời với sự bảo đảm và lòng bình an hoàn toàn dựa trên những lời không hề thay đổi của Đấng Christ: Hôm nay ngươi sẽ được ở với Ta trong nơi Barađi (Luca 23:43).

Sứ điệp của Luca thật rõ ràng. Dầu chúng ta được như Si-mê-ôn hay như là những tên tội phạm, hoặc là những người ở giữa hai thái cực đó, thì chúng ta cũng có thể tin chắc vào số phận của mình, chúng ta có thể tiếp bước hành trình trong sự bảo đảm chắc chắn, và cuối cùng đến nơi trong sự bình an, nếu chúng ta, trong sự ăn năn thật, đặt niềm tin của mình hoàn toàn vào Thân Vị, Công việc và Lời của Đấng Christ.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Si-mê-ôn và tên trộm cướp sắp chết có điểm nào chung khi họ tiến dần đến sự chết?
2. Dựa trên nền tảng nào chúng ta có thể tin chắc được lên thiên đàng?
3. Cuộc sống đời đời là gì?
4. “Đặt niềm tin một cách cá nhân vào Chiên Con của Đức Chúa Trời, nơi Ngài và chỉ duy Ngài mà thôi” và “có tên ghi trong Sách sự sống của Ngài” có nghĩa là gì?

CHƯƠNG 8

QUA BÊN KIA BỜ

Kinh Thánh: Luca 8:49-56; 12:13-21; 16:1-13; 16:19-31

Vậy thì những kẻ chết sẽ ở đâu và tình trạng của họ như thế nào? Trước hết, chúng ta hãy xem những kẻ mà Kinh Thánh Tân Ước gọi là kẻ chết trong Đấng Christ là như thế nào (I Têsalônica 4:16). Đó là những người mà trong đời này đã bước vào mối quan hệ cách cá nhân với Đấng Christ, và sau đó họ chết đi. Kinh Thánh dạy chúng ta rằng sau khi chết họ sẽ được lên ở với Đấng Christ. Chúng ta có thể thấy được điều này qua lời của Chúa phán cùng tên cướp sắp chết: *Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Barađi* (Luca 23:43).

Và Phao lô cũng dùng một cụm từ tương tự khi ông nói về vấn đề này. Trong Philíp 1:23, ông nhận rằng mình có ao ước muốn được đi ở với Đấng Christ. Tương tự trong II Cô 5:6-8, ông nói rằng... *biết rằng khi chúng ta đang ở trong thân thể này thì cách xa Chúa... Vậy tôi nói, chúng ta hãy đầy lòng tin cậy, muốn liả bỏ thân thể này để ở cùng Chúa thì hơn.*

Hơn nữa, lời của Chúa nói với tên cướp sắp chết còn bày tỏ thêm rằng những người tin Ngài thì ngay sau khi chết sẽ lập tức được lên ở với Ngài mà không phải chờ đợi. Chúa phán, *Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Barađi* (Luca 23:43). Cùng một ấn tượng như thế khi Kinh Thánh nói về tình trạng của những người tin Chúa đã ra đi. Trong câu chuyện của Laxarơ, người đã chết trước khi Chúa chúng ta chết và sống lại, chúng ta được kể rằng *người nghèo này đã chết và được thiên sứ đem để vào lòng Abraham*, nghĩa là ông đã được đem vào trong hàng ngũ những người tin nhận Chúa.

Và trong tình trạng của ông, chúng ta biết thêm rằng *ông rất được an ủi*. Trong cuộc đời mình, ông đã phải chịu khổ sở nhiều vì bệnh tật và nghèo khổ; bây giờ thì những khó nhọc của ông đã chấm dứt – ông được an ủi. Cũng tương tự như vậy đối với tên cướp sắp chết, chỉ duy trong trường hợp này tình hình lại khác, vì chính bản thân Đấng Cứu Thế cũng sắp chết và chuẩn bị bước sang thế giới bên kia. Ngài phán: *Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Barađi* (Luca 23:43). Chữ Barađi nguyên thủy có nghĩa là vườn vui vẻ và chữ này được sử dụng trong bản dịch Bảy Mươi (Septuagint) của kinh Cựu Ước để mô tả về Vườn Êden trước khi tội lỗi và những đau đớn khổ sở của nó thâm nhập. Vì thế khi từ này được sử dụng trong Tân Ước để chỉ về đời sau như trong Luca 23:43, II Cô 12:4; Khải huyền 2:7, thì hiển nhiên nó dùng để chỉ một tình trạng không còn đau thương khổ nhọc nữa.

Những nhận xét của Phao lô cũng tán thành về chủ đề này. Ông nói (Philíp 1:23) rằng được đi ở với Đấng Christ là điều rất tốt, hơn những gì mà ông từng biết hay kinh nghiệm trên đất. Tại điểm này thì chúng ta cũng cần nhớ rằng những kinh nghiệm của Phao lô với Đấng Christ ngay ở đời này đã rất mật thiết và trực tiếp. Nhưng khi ông nghĩ đến việc rời bỏ thân thể này để được đi ở với Đấng Christ thì ông thấy đó như là quê nhà mà bây giờ ông đang trong cảnh lưu đày phương xa.

Ở VỚI Đấng CHRIST

Đến đây thì chúng ta có thể thấy thú vị để chú ý yếu tố chủ đạo trong niềm hạnh phúc nhất của người tin Chúa khi đã qua đời đó là được ở cá nhân với Chúa. Và ý này cũng được thể hiện trong những phần Kinh Thánh nói về sự trở lại của Chúa chúng ta, sự phục sinh thân thể của những người đã chết và sự biến hóa cho người đang sống. Đấng Christ cũng nói về

sự kiện đó: *Ta sẽ trở lại đem các ngươi đi với Ta, hầu cho Ta ở đâu thì các ngươi cũng ở đó* (Giăng 14:3), và: *Cha ôi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con, để họ ngắm xem sự vinh hiển của Con* (Giăng 17:24). Tương tự như vậy Phao lô cũng nói trong phân kết về Sự sống lại Lần thứ nhất. *...Kể đến chúng ta là kẻ sống, mà còn ở lại, sẽ cùng nhau đều được cất lên với những người ấy giữa đám mây, tại nơi không trung mà gặp Chúa, như vậy chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn* (I Têsalônica 4:17).

Nhưng nếu chỉ đến khi sự Phục sinh linh hồn của những Cơ đốc nhân đã qua đời mới được ở với Đấng Christ, thì thân thể của họ lại được Kinh Thánh mô tả là đang ngủ. Ví dụ trong Luca 8:49-56, chúng ta đã nghe về câu chuyện con gái của Giai ru. Những tiếng than khóc quái dị của những kẻ chuyên khóc mướn ở bên ngoài ngôi nhà thể hiện sự đau khổ của những người họ hàng và sự cảm thông của những bạn bè của họ. Khi Đấng Christ đến Ngài phán: *Đừng khóc, con này không phải chết song nó ngủ*. Tức thì những tiếng khóc than ngừng bật và chuyển thành những tiếng cười nhạo báng: vì đây là những kẻ không có đức tin và hoàn toàn không có sự hy vọng hay sự an ủi thật sự. Điều hay nhất mà họ có thể làm chỉ là giúp những người họ hàng của tang quyến bằng cách tiến hành hệ thống những cảm xúc đau khổ của họ với những tiếng than khóc dữ dội có chủ ý, để họ không phải kiềm chế nỗi đau khổ và căng thẳng thần kinh sẽ ảnh hưởng trong cuộc sống sau này. Nhưng về phần an ủi hay hy vọng tích cực thì trình độ chuyên môn của họ cũng không giúp ích được gì, hơn nữa, càng phẫn nộ với khả năng mất đi lợi nhuận nếu cha mẹ đưa trẻ tiếp nhận sứ điệp hy vọng từ Đấng Christ và biết sự thật.

Chúa Cứu Thế phán: *Đứa trẻ này không chết, song nó ngủ* (Luca 8:52) Ngài nắm lấy tay cô bé và cứu sống lại. Từ đó, các Cơ đốc nhân được sự khích lệ rất lớn để lau ráo nước mắt vì biết rằng dầu giấc ngủ không là hình thức sống cao nhất, nó cũng không phải là thảm họa cuối cùng, ngay cả nó không là vĩnh viễn. Và đối với những thân thể đã hư mòn mà đang ngủ thì trong lúc này đó là điều tuyệt vời nhất. Vì thế Phao lô đã mô tả *những Cơ đốc nhân đã chết như là họ ngủ* (I Têsalônica 4:14); và từ tiếng Anh “cemetery” (có nghĩa là nghĩa trang) dù bây giờ nó mang một ý nghĩa lạnh lẽo và u buồn nhưng nó từng là bằng chứng cho đức tin của Cơ đốc nhân: đây là từ được mượn trực tiếp từ tiếng Hylạp và có nghĩa là “nơi của những người ngủ.”

KHÔNG CÓ ĐÁNG CHRIST

Vậy còn những kẻ chết mà không tin hay không ăn năn thì sao? Đây chính là một đề tài đau buồn mà bất cứ người nào nhạy cảm cũng tránh nhắc đến. Nhưng sẽ là không trung thực và thật lòng với bản thân nếu chúng ta cũng cố tình lãng tránh nó. Những gì chúng ta biết về việc này thì Chúa của chúng ta đã nói đến rất nhiều. Và sẽ rất hữu ích nếu chúng ta nhớ lại rằng khi Chúa nhìn thành Giêrusalem và nghĩ đến, dầu chỉ là những tai họa trên trần thế này, điều sẽ xảy đến cho thành phố vì tội ác của những con người sống ở đây và vì họ từ chối sự cứu rỗi, thì Ngài đau đớn và khóc. Đấng Cứu Thế đã chết cho toàn nhân loại, nên dầu họ trước đó có biết về Ngài hay không thì cũng có cơ hội được cứu, chỉ cần họ thật lòng ăn năn thì trong đức tin thật đem họ đến trong ân điển của Đức Chúa Trời. Và khi Ngài trở lại phán xét thì chắc chắn mọi việc Ngài làm đều thích hợp với tình yêu toàn hảo của Ngài.

Luca do đó đã ghi lại câu chuyện Chúa chúng ta kể về một người ăn mày tên Laxarô và một người nhà giàu không nói tên, và ở đây thì Ngài đã long trọng khẳng định rằng:

Người giàu cũng chết, người ta đem chôn. Người giàu ở nơi âm Phủ đang bị đau đớn, ngược mắt lên, xa thấy Ápraham và Laxarô trong lòng người; bèn kêu lên rằng: hồi

Apraham tỏ tôi, xin thương lấy tôi, sai Laxarơ nhúng đầu ngón tay vào nước đặng làm cho mát lưỡi tôi; vì tôi bị khổ trong lửa nầy quá đỗi. Nhưng Apraham trả lời rằng: Con ơi, hãy nhớ lại lúc ngươi còn sống đã được hưởng những sự lành của mình rồi, còn Laxarơ phải những sự dữ; bây giờ, nó ở đây được yên ủi, còn ngươi phải bị khổ hình. Và lại, có một vực sâu ở giữa chúng ta với ngươi, đến nỗi ai muốn từ đây qua đó không được, mà ai muốn từ đó qua đây cũng không được (Luca 16:22-26).

MỘT SỰ MÔ TẢ THỰC

Trước khi rút ra bài học chính từ câu chuyện này, đầu tiên chúng ta phải nghiên cứu hai điểm cần lưu ý mà đôi khi nó được dẫn chứng là sẽ không thích hợp khi dùng từng chi tiết của câu truyện như là bằng chứng cho tình trạng của những kẻ không ăn năn sau khi chết. Thứ nhất, một số người chủ trương rằng câu truyện này chỉ là một thí dụ và do đó những chi tiết trong câu truyện không thể mang tính xác thực. Nhưng nếu nói như vậy thì lại làm lẫn giữa thí dụ của Chúa với những câu truyện ngụ ngôn.

Truyện ngụ ngôn là một phương tiện rất đáng trọng để chuyển tải một chân lý, và thỉnh thoảng chúng ta có thể thấy một vài truyện như vậy trong Kinh Thánh (ví dụ như truyện ngụ ngôn của Giôtham trong Các quan xét đoạn 9). Nhưng trong truyện ngụ ngôn, những điều xảy ra thì trong đời thực không thể có: chim biết nói, động vật cũng nói, mặt trời tranh cãi với gió, và những chuyện như thế. Do đó tất nhiên chúng ta không thể dùng từng chi tiết tường tận trong truyện như là chứng cứ đáng tin cậy cho các môn như điều cầm học, động vật học và khí tượng học.

Nhưng không một câu chuyện nào mà Chúa chúng ta từng kể lại là truyện ngụ ngôn cả dầu rất nhiều truyện là những thí dụ. Và trong những thí dụ của Ngài thì những chi tiết cụ thể luôn luôn thật trong hiện thực dù nó chuyển tải một bài học thuộc linh cao hơn. Ví dụ như trong thí dụ về Lúa mì và Cỏ lùng, lúa mì tượng trưng cho con cái của thiên quốc và cỏ lùng tượng trưng cho con cái của ma quỷ. Nhưng những chi tiết trong thí dụ này thì hoàn toàn đúng một cách căn bản với cuộc sống hiện thực: những người nông dân thật sự gieo những hạt lúa mì thật trên những cánh đồng hữu hình và cũng thật không may là trên chính những cánh đồng màu mỡ nhất thì lại cũng có những thứ như là cỏ dại mọc lên.

Câu chuyện về người nhà giàu và Laxarơ do đó có thể là một thí dụ chuyển tải một vài ý nghĩa thuộc linh (cho dù khó mà xác định ý nghĩa cao hơn mà câu chuyện chuyển tải so với nghĩa đen của câu chuyện); nhưng cho dù là như vậy thì cũng không có lý do gì để cho rằng những chi tiết trong câu chuyện không đúng với cuộc sống. Và thêm vào đó nên lưu ý là Luca khi ghi lại câu chuyện thì ông không nói đó là một thí dụ. Thật ra nếu câu chuyện này là một thí dụ thì nó là thí dụ duy nhất trong số rất nhiều những thí dụ của Chúa mà nhân vật có tên họ.

Ý kiến thứ hai phản đối việc xem những chi tiết trong câu chuyện như là sự chỉ dẫn về tình trạng của những kẻ không ăn năn sau khi chết, nếu nói theo cách cực đoan là tương tự như sau: một vài chi tiết trong phần mô tả hiển nhiên không theo nghĩa đen, do đó chúng ta không nhất thiết cho rằng bất kỳ những sự việc gì ở đây cũng là thật. Nhưng điều này thật là một lý do rất nông cạn. Tất nhiên một vài phần miêu tả được trình bày qua ngôn ngữ ẩn dụ, nhưng điều đó không có nghĩa rằng những chi tiết đó không mô tả một điều thật nào. Khi nói rằng người ăn mày được đem để vào lòng của Áb-ra-ham thì hiển nhiên không phải muốn chúng ta hình dung anh ta được nâng niu trong lòng Áb-ra-ham như là một em bé.

Nhưng việc cùm từ này mang nghĩa ẩn dụ cũng không làm giảm bớt sự thật về mối tương giao mà anh ta đang vui hưởng với Áb-ra-ham và các vị thánh.

Nếu tôi than rằng một phần thân thể tôi đang nóng bừng lên thì sẽ không ai lại cho rằng một người nào đó châm lửa vào người tôi và bây giờ thân thể tôi đang bừng cháy. Nhưng mặt khác, không ai phủ nhận rằng trong xác thịt tôi nóng lên thật sự và đau đớn. Cũng như vậy, khi người nhà giàu nói rằng ông đang bị đau đớn trong lửa thì không cần thiết cho rằng lửa đó cũng cùng một loại với những gì mà chúng ta thấy ở lửa của than hồng. Thật ra, khi thấy rằng tội lỗi của anh ta là về thuộc linh và tâm thần thì cũng như vậy sự đau đớn của anh ta cũng về mặt thuộc linh và tâm thần.

Dẫu vậy chúng ta cũng nên cẩn thận trước khi phủ nhận rằng không hề có bất cứ sự đau đớn về thể xác nào đối với ông ta. Trong đời này, sự đau đớn về tâm hồn và tâm thần thì rất dễ ảnh hưởng đến thân thể cũng như là tâm trí của chúng ta, và gây ra những đau đớn và khó chịu về thể chất, do đó chúng ta sẽ rất hấp tấp khi khẳng định rằng những gì xảy đến ở đây thì không thể xảy ra ở đó. Nếu Đấng Christ đã nói cho chúng ta biết về thế giới bên kia qua ẩn dụ thì chúng ta có thể yên tâm tin chắc rằng những ẩn dụ đó được chọn vì, hơn những hình thức thể hiện khác, chúng truyền tải cho chúng ta về những thật sự của thế giới đó.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬA SOẠN

Chúng ta do đó cần phải rất cẩn thận kéo roi vào cạm dổ cho rằng những gì Kinh Thánh nói về thế giới tương lai là không hoàn toàn thật. Đúng ra, câu chuyện sẽ không nghiêm trọng hơn nếu kết thúc chỉ là người nhà giàu bị bỏ vào địa ngục. Nhưng điểm rất quan trọng cần phải thấy là người nhà giàu không phải bị bỏ vào nơi đó vì anh ta giàu; anh ta kết thúc đời mình ở đó là vì sự vô tín của mình như phần cuối của câu chuyện đã cho chúng ta thấy khá rõ. Sự vô tín đó thể hiện qua cách mà anh ta đối xử với những người láng giềng nghèo khổ của mình. Kinh Thánh đã dạy anh ta phải yêu người lân cận như mình. Anh ta không hề mảy may có ý định làm theo như thế.

Nhưng đằng sau sự thất bại của anh ta về tình yêu đối với người lân cận thì sâu thẳm trong đó là sự không tin kính, vì trong khi bề ngoài có lẽ anh ta tự nhận là tin vào Kinh Thánh như là Lời của Đức Chúa Trời, thì mặt khác ông ta lại không xem những điều Kinh Thánh nói một cách nghiêm túc. Rõ ràng ông ta nghĩ rằng dẫu Kinh Thánh đã đặt ra những yêu cầu về luân lý và cảnh báo rằng những điều này là tuyệt đối, nhưng ông ta có thể sống trọn cả đời mà không hề để tâm đến những lời đó và rồi sau khi chết thì mọi thứ sẽ trở nên ổn thỏa. Hãy lắng nghe ông ta cầu xin với Áp-ra-ham. Ông ta xin cho Laxarơ được sống lại để đi cảnh báo với những anh em của ông ta đang còn trên đất hầu cho họ không đến nơi đau khổ này.

Áp-ra-ham trả lời rằng không cần phải gọi Laxarơ đi vì anh em của ông đã có Môise và các Đấng tiên tri. Người nhà giàu nói: “Vâng, tôi biết đã có họ, nhưng...” Chữ “nhưng” cho thấy rõ ràng là: chính ông ta trong đời mình cũng có Môise và các Đấng tiên tri và có lẽ cũng đã xưng nhận là tin nơi họ. Nhưng thật sự ông ta không hề tin gì cả. Và ông ta cũng biết về những anh em mình: họ cũng chẳng thật tin chút nào cả. Ông đề nghị: *nếu có một người từ kẻ chết sống lại đến với họ thì họ sẽ ăn năn.* Nhưng họ ắt sẽ xua đi sự xuất hiện của người sống lại đó như xua đi một cơn ác mộng, một điều tưởng tượng hay một điều mà khoa học có thể hay sẽ sớm có khả năng chứng minh nó.

Không, Áp-ra-ham trả lời, anh em của người sẽ không nhận được bất kỳ một sự viếng thăm nào của người từ kẻ chết sống lại cả, vì nếu họ không tin vào Kinh Thánh thì họ cũng sẽ chẳng bị thuyết phục dẫu có người từ kẻ chết sống lại. Không hề có một mảnh lối hay mưu

mẹo nào trong sứ điệp của Chúa cho con người. Ngài kêu gọi lương tri đạo đức của chúng ta chứ không khơi dậy sự tò mò về ma quái. Nếu lương tri của chúng ta quá ngoan cố đến mức thờ ơ và xem thường những lời cảnh báo rõ ràng của Lời Đức Chúa Trời như là những điều không nhất quán và không đáng chú ý một cách nghiêm túc, thì lúc đó bệnh của chúng ta không thể chữa được cho dù có nhìn thấy bao nhiêu hồn ma đi nữa.

Hai thí dụ trong Luca là điều mà chúng ta cần phải xem xét, và cả hai câu chuyện này đều thúc giục những ai tin vào sự thực hữu của thế giới tương lai cần cẩn thận trong cách dùng của cải vật chất và tài sản trên đời này hầu cho có được kết quả vĩnh cửu trong đời sau. Thí dụ thứ nhất chép trong đoạn 12:13-21 và được gọi là thí dụ về Người Nhà Giàu Ngu Dại. Người này rất thành công trong công việc nông trại của mình nên kiếm được rất nhiều của cải đủ cho anh dùng và hưởng thụ lâu dài. Do đó, anh ta phải quyết định xử lý những của đó như thế nào và cụ thể là anh sẽ trữ chúng ở đâu: *Ta phải làm thế nào, anh ta tự nghĩ, vì không có đủ chỗ chứa hết sản vật?* (Luca 12:17).

Giải pháp của anh ta cho vấn đề tích trữ thì cực kỳ thiên cận và ngu ngốc, cho dù là từ tầm nhìn giới hạn của anh ta về lợi ích riêng của mình. Trước nhất là anh ta có thể thấy được điều mà Chúa của chúng ta nhắc chúng ta phải chú ý (12:15), đó là cuộc sống của con người không phải cốt tại của cải mình dư dật đâu. Một người có thể thích lái xe hơi Rolls Royce nhưng anh ta không thể lái năm chiếc cùng một lúc được.

Điểm thứ hai là anh ta có thể nhận thấy được sự không chắc chắn về chiều dài của một đời người là như thế nào. Có được nhiều của để dành dùng lâu năm (Luca 12:19) thì có lẽ không có vấn đề gì nếu bạn biết chắc mình sẽ còn ở trên đất nhiều năm để hưởng thụ chúng. Nhưng nếu bạn đã để dành được rất nhiều của cải dư giả tràn trề trên đất và cuộc đời bạn thành linh chấm dứt, lúc đó bạn không chỉ mất cơ hội được hưởng thụ những của cải đó mà cũng chẳng thể đem chúng theo và như vậy bạn đánh mất số phận của mình.

Đó là một sách lược kinh doanh kém và đáng bị quở trách như có tiếng dành cho người giàu ngu dại: *Chính đêm nay linh hồn người sẽ bị đòi lại; vậy những của cải người đã sắm sẵn sẽ thuộc về ai?* (Luca 12:20). Sẽ có ý nghĩa hơn nếu chúng ta chuyển những của cải vật chất dư giả mà mình không cần hoặc không thể hưởng thụ thành vốn thuộc linh là những thứ có thể mang sang thế giới bên kia, hầu khi bước vào cõi đời đời thì không những chúng ta được cứu mà còn có một nền tảng thuộc linh tốt và khả năng vui hưởng cõi đời đời. *Hãy chứa của cải ở trên trời* (Mathiơ 6:20), Chúa phán; và nếu chúng ta hỏi làm thế nào, thì câu trả lời ngắn gọn được Phao lô ghi trong I Timôthê 6:17-19, *Hãy răn bảo kẻ giàu ở thế gian này đừng kiêu ngạo và đừng để lòng trông cậy nơi của cải không chắc chắn, nhưng hãy để lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời, là Đấng mỗi ngày ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng. Hãy răn bảo họ làm điều lành, làm nhiều việc phước đức, kíp ban phát và phân chia của mình có, vậy thì đôn chứa về ngày sau một cái nền tốt và bền vững cho mình, để được cảm lấy sự sống thật.*

GIA SẢN TƯƠNG LAI

Thí dụ kế tiếp được chép trong Luca 16:1-13 và được gọi là thí dụ về Người quản gia bất trung. Câu chuyện mô tả một người quản gia bị đuổi khỏi địa vị của mình. Khoảng thời gian ngắn giữa lúc báo cho thôi việc và khi bị cho thôi việc thật sự ông có một quyết định. Đó là trong khi ông còn đang nắm giữ tài sản của chủ mình thì ông sẽ khéo léo sử dụng những tài sản đó một cách khôn ngoan, sao cho đến khi ông bị mất việc thì ông sẽ có được những người bạn ở bên ngoài nhân từ sẵn sàng tiếp ông vào nhà.

Cách thức mà ông bắt đầu làm việc này thực sự là hoàn toàn không chân thật, nhưng đó không phải là điểm chính. Vấn đề là ông ta nhìn thấy trước và dùng chức vụ quản gia của mình để kết bạn cho tương lai. Về việc này thì Chúa phán rằng ông ta còn khôn ngoan hơn một số Cơ đốc nhân nữa. Tất cả chúng ta đều có những của cải về loại này hay loại khác, mà ngẫu nhiên Chúa gọi là của bất nghĩa. Có lẽ bởi vì trên thế giới này tài sản và thu nhập thì không phân chia đồng đều và thường là bất công. Và nếu có như vậy thì chúng ta phải biết sử dụng những của cải đó, như Chúa phán, hầu cho khi những của cải đó mất đi vĩnh viễn, và khi chúng ta bước vào cõi đời đời, thì chúng ta có thể có những người bạn trong cõi đời đời sẵn tiếp chúng ta vào nhà vĩnh hằng của họ.

Tất nhiên chúng ta phải chú ý rằng Chúa không bảo chúng ta dùng những của cải đó hầu đạt được sự cứu rỗi cho bản thân: điều đó là việc không thể xảy ra vì sự cứu rỗi không thể kiếm hay mua được. Đó là một món quà ân huệ dành cho những kẻ không xứng đáng nhưng sẵn lòng ăn năn và tin nhận. Nhưng có bạn bè là một vấn đề hoàn toàn khác: chúng ta phải sử dụng những tài sản của mình để kết bạn.

Đến đây thì ý tưởng rằng trên thiên đàng sẽ có một số người có bạn còn những người khác thì không khiến nhiều người thấy choáng váng và họ khó mà hiểu được. Do vậy, chúng ta hãy cùng xem một ví dụ. Hãy hình dung một goá phụ hay một người nữ Cơ đốc nhân độc thân sống nghèo nàn với thu nhập ít ỏi hằng tuần chỉ đủ chi dùng những nhu cầu cần thiết. Sau một khoảng thời gian dài hy sinh cẩn thận chi tiêu, đến cuối tuần nọ bà thấy mình để dành được một đồng shilling. Vì lòng yêu mến Chúa và yêu thương anh em nên bà quyết định đem đồng shilling đó mua Kinh Thánh Phúc Âm gửi cho những người Ấn độ trong rừng mưa ở Pêru. Qua việc đọc những sách Phúc Âm này đã có năm mươi người Ấn độ tin nhận Chúa Giêxu. Cuối cùng khi mọi việc được bày tỏ trước ngài phán xét của Đấng Christ, rằng chính đồng shilling của bà là phương tiện đem Tin lành đến cho những người Ấn độ này, thì thử hỏi những người đó không cảm thấy biết ơn người phụ nữ này cách đặc biệt và mãi mãi sao?

Bây giờ hãy thử cho rằng, ngược lại, một Cơ đốc nhân khác và lần này là một người đàn ông. Anh ta có nhà trong thành phố, ba phần bất động sản ở nông thôn, một đoàn xe hơi, một du thuyền đi biển và một vài thứ khác. Cuối một tuần lễ nọ anh ta cũng thấy mình còn dư lại một shilling và anh ta quyết định đem mua kem. Tất nhiên kem thì chẳng có tội tình gì nhưng tại ngài phán xét của Chúa thì chẳng có một người Ấn độ hay bất cứ người nào cảm thấy dâng trào lòng biết ơn hay tình bằng hữu đối với việc anh ta đã làm.

Tất nhiên trong thiên đàng của Đức Chúa Trời thì mọi người đều được yêu; nhưng không có bạn bè biết ơn và thân ái đối với bạn là một sự mất mát vĩnh viễn. Nếu chúng ta khôn ngoan, chúng ta sẽ cố gắng tính toán, dành dụm để có thể dâng hiến nhiều hơn một shilling mỗi tuần, thực tế là dâng hiến nhiều hơn không chỉ với tiền bạc, để kết bạn cho cõi đời đời. Không hề phung phí khi dùng mọi điều Chúa giao cho chúng ta chủ yếu cho mục đích này.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao người nhà giàu đã đi địa ngục?
2. Bằng chứng nào cho thấy sau khi chết chúng ta có thể đi thẳng đến ở với Đấng Christ?
3. Luca cung cấp cho chúng ta những thông tin nào về tương lai của những kẻ không tin và không ăn năn?
4. Làm sao để chúng ta biết chắc rằng chúng ta có “một nền tảng tốt” để hưởng cõi đời đời?

LOẠT BÀI 3

**TIN LÀNH VỀ VỊ VUA VÀ VƯƠNG QUỐC HIỆN TẠI CỦA
NGÀI**

**VỊ VUA TUYÊN BỐ LỜI GIAO ƯỚC
MỐI LIÊN HỆ GIỮA ĐẢNG TỬ TRỊ VÀ THẦN DÂN NGƯỜI
CHỨC VỤ VÀ PHẦN THƯỞNG CỦA TÔI TỚ VUA
CHỨC TẾ LỄ NHÀ VUA VÀ CẤM LỆNH**

CHƯƠNG 9

VỊ VUA TUYÊN BỐ LỜI HỨA CỦA NGÀI

Kinh Thánh: Luca 22:1-20

Không ai trong chúng ta biết được tên của người đã cho Chúa dùng căn phòng trong ngôi nhà của ông để thiết lập Lễ Tiệc Thánh; nhưng dù ông là ai thì ông cũng là người đã làm một việc rất can đảm. Thành Giêrusalem lúc đó đang rất thù địch với Chúa. Những kẻ cầm quyền tại thành quyết định đóng đinh Ngài, nhưng vấn đề duy nhất đối với họ là làm sao có thể bắt được Chúa trong khi thành phố đầy những người hành hương, rất nhiều người trong số đó có cảm tình với Ngài và rất thích nghe Chúa giảng. Việc cố bắt Chúa giữa ban ngày trong khi có hàng trăm người vây xung quanh Ngài thì có thể sẽ gây ra một cuộc nổi loạn. Do đó, hy vọng duy nhất của họ để bắt Ngài là hoặc chờ đến khi những ngày Lễ trôi qua, khi tất cả những người hành hương đã trở về nhà, hoặc là bắt Chúa vào ban đêm.

Trong suốt Tuần Thánh, Chúa Giêxu ban ngày vào trong đền thờ và dạy dỗ dân chúng, nhưng ngay khi đêm đến thì Ngài liền ẩn mình vào bóng đêm trong những ngọn đồi xung quanh. Vì ở lại thành phố vào ban đêm thì thật thiếu thận trọng đối với Chúa. Nhưng trong đêm của Lễ Tiệc Thánh thì Chúa quyết định cùng ăn tối với các môn đồ của Ngài ngay giữa thành phố bất chấp những sự thù địch xung quanh họ. Và do đó công việc phải được thực hiện một cách kín đáo và phòng ngừa một cách kỹ lưỡng.

Để chuẩn bị cho bữa ăn tối được sẵn sàng, hai môn đồ đã được gửi vào thành phố với chỉ thị phải tìm một người đàn ông mang vò nước. Đây hiển nhiên là một dấu hiệu cho thấy đã có sự chuẩn bị trước. Không nói một lời nào với người đó, hai môn đồ theo sau anh ta, nhận biết căn nhà anh ta bước vào và sau đó họ cũng vào và hỏi thăm chủ nhà. Khi chủ nhà xuất hiện thì họ đơn giản chỉ nói rằng, *Thầy phán cùng người rằng: phòng khách là chỗ ta sẽ ăn Lễ Vượt Qua với môn đồ ta ở đâu?* (Luca 22:11). Chủ nhà sẽ chỉ cho một cái phòng rộng và cao, đồ đạc sẵn sàng, và các môn đồ sẽ chuẩn bị bữa ăn tại đó.

Khi mọi việc đã sẵn sàng và đêm đến, Chúa Giêxu kín đáo vào thành và nhóm họp cùng các môn đồ của Ngài tại phòng cao đó. Trong một vài giờ ngắn ngủi, căn phòng cao, ấm cúng và tiện nghi trong ánh sáng dịu dàng từ những ngọn đèn dầu cho họ một nơi trú thân khỏi những sự thù địch hăm he trong bóng đêm bên ngoài. Nhưng không khỏi mọi sự thù địch, càng không tránh được điều tệ hại nhất vì Satan, là kẻ đã luôn bám sát Chúa trong suốt chức vụ trên đất của Ngài, bây giờ lại bắt đầu chiếm vị trí để chuẩn bị cho đợt tấn công cuối cùng. Nhiều tháng qua, hắn đã khiến cho lòng yêu tiền bạc biến Giuđa Íchcariôt, một trong mười hai môn đồ của Đấng Christ, thành nô lệ cho đến khi Giu-đa không còn một chút khả năng hay ước muốn chống lại điều ác nữa. Và bây giờ trong cơ hội này thì hắn bắt đầu tiến vào lợi thế. Trước tiên, hắn để vào lòng Giuđa sự mưu phản Đấng Cứu Thế (Luca 22:3 & Giăng 13:2), và trước khi bữa tiệc kết thúc thì chính hắn nhập vào Giuđa hầu để trung dụng và cai trị hoàn toàn.

Vậy, hãy xem xét tình huống lúc đó. Một vài ngày trước, Đấng Christ đã cỡi lừa vào thành phố cách long trọng, tuyên bố Ngài là Vua và được đám đông tung hô vang dội. Nhưng thành phố của vị Vua vĩ đại bây giờ đã lọt vào tay của quân thù địch; và ngay cả một trong những môn đồ Vua đã bán chính mình anh ta cho kẻ thù không đội trời chung. Nhưng trong đêm đó, dầu trước những sự căm thù không hề nguôi và trong nanh vuốt của phe Satan đối

ngịch, Vị Vua đã thành lập vương quốc của Ngài và đã lập lời giao ước hầu định rõ mối liên hệ giữa bản thân Ngài là Đấng tể trị tối cao với những thần dân của Ngài.

HAI HẠNG NGƯỜI

Do vậy hai người này hoàn toàn trái ngược: người đàn ông vô danh đã mở cửa nhà cho Đấng Cứu Thế để Ngài biến nó thành nơi đặt ngai cho Ngài, và tại đó Ngài đã thành lập vương quốc của Ngài giữa sự thù địch của thế giới này. Và Giu-đa Íchcariôt, người đã quyết định loại trừ Chúa nên buộc phải mở lòng cho Satan chiếm ngự.

Về một mặt nào đó hai người này thể hiện một sự lựa chọn duy nhất mở ra cho bất cứ ai. Ý nghĩ rằng chính bản thân chúng ta hoàn toàn tự do chỉ là một ảo tưởng. Tội lỗi đã khiến chúng ta không còn là những vị vua trong lâu đài của chính mình. Phương cách duy nhất để có thể bảo đảm một sự tự do thật và lâu bền là hãy mở chính căn phòng kiểm soát sâu thẳm trong mỗi đời sống của chúng ta cho Đấng Christ và để Ngài làm Đấng cai trị nơi đó. Nhưng rất nhiều lần chúng ta tranh đấu vì sự tự do tưởng tượng của chúng ta, không nhận thức được rằng chính sự xúi giục chống lại bước tiến của Đấng Tạo Hóa lại đến từ một cái đầu còn gian ác và nham hiểm hơn chúng ta nhiều. Hãy để Giu-đa nhắc chúng ta nhớ lại rằng lòng quyết tâm loại bỏ Chúa đã khiến khả năng chống lại điều ác của một người bị yếu đi đến mức người đó hoàn toàn bị Satan chiếm hữu là một việc không thể tránh khỏi.

Nhưng giả thử một người mở tấm lòng và đời sống của mình cho Đấng Christ không hề dè dặt, người đó để Ngài cai trị lòng như một vị vua tuyệt đối: vậy Đấng Christ sẽ chứng tỏ Ngài là vị vua như thế nào và bản chất sự cai trị của Ngài ra sao? Để trả lời câu hỏi này chúng ta phải xem thêm những việc gì đã xảy ra trong đêm lịch sử đó tại căn phòng kín đáo trên cao.

Điểm chính yếu diễn ra đầu tiên đó là Đấng Christ cầm lấy bánh, tạ ơn xong, bẻ ra phân phát cho môn đồ, mà phán rằng: *Này là thân thể Ta đã vì các người mà phó cho; hãy làm sự này để nhớ đến Ta. Khi ăn xong, Ngài cũng làm như vậy, lấy chén đưa cho môn đồ, mà phán rằng: Chén này là giao ước mới trong huyết Ta vì các người mà đổ ra...* (Luca 22:19-20).

Hãy chú ý rằng Chúa không nói: Đây là một giao ước mới mà nói rằng giao ước mới đó là, Ngài muốn chỉ về một giao ước mới cụ thể và đã được biết đến rộng rãi, ấy là giao ước mà tiên tri Giê-rê-mi đã dự ngôn (31:31-34). Một lần nữa hãy để ý rằng Chúa mô tả nó như là một Giao Ước Mới, hầu tương phản với Giao Ước Cũ mà Đức Chúa Trời đã lập với dân Israên dựa trên nền tảng của luật pháp Môise sau khi đã rời khỏi xứ Ê-díp-tô.

GIAO ƯỚC CŨ

Vậy thì trong ngữ cảnh thuộc linh này giao ước có nghĩa gì? Chúng ta có thể minh họa việc này bằng những phong tục phổ biến trong thế giới thời Môise. Trong thời đó, những vị hoàng đế vĩ đại soạn thảo những hiệp ước với các vua chư hầu của mình để nhắc nhở những vua này nhớ ai là Đế vương, những ân huệ nào mà họ được phong ban, những thái độ nào mà một vua chư hầu nên có, những ân phước nào họ sẽ nhận được khi vâng phục vị đế vương và những hình phạt nào sẽ phải đón nhận nếu họ mưu phản. Nói cách khác, những hiệp ước này giải thích mối liên hệ giữa vị vua thống trị và những thần dân của ông.

Bây giờ thì những hiệp ước này được gọi là những lời giao ước, và Giao ước cũ, theo cách nói trên, là một hiệp ước giữa Đức Chúa Trời và dân Isoraên nhằm xác định mối quan hệ giữa Ngài là Đấng tể trị và họ là những thần dân của Ngài. Lời mở đầu của giao ước (Xuất 20:2) nhắc dân Ysoraên nhớ rằng vị Vua Thiên Thượng là ai: *Ta là Giêhôva Đức Chúa Trời người*, và kể đến là kể lại những gì Ngài đã làm cho họ: *Đấng đã rút người ra khỏi xứ Êđiptô, là nhà nô lệ.* (Một cách ngẫu nhiên là chính lời mở đầu này cho thấy Dân ngoại bang không hề được đặt dưới lời giao ước này, dầu rất nhiều người kể cả những Cơ đốc nhân từng tưởng tượng bao gồm cả họ: Đức Chúa Trời chưa bao giờ mang chúng ta, những người ngoại bang, ra khỏi xứ Êđiptô.)

Lời giao ước kể đó đi vào chi tiết, trong mười điều răn lớn và hàng chục những điều răn khác thấp hơn, về tư cách phẩm chất mà Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi dân Ysoraên, hầu chuẩn bị sẵn cho văn kiện giao ước sẽ được lưu trữ trong Hòm giao ước (Xuất 25:21) và những điều khoản của giao ước sẽ được đọc công khai trước toàn thể dân sự tụ họp lại mỗi bảy năm một lần. Kể đó giao ước cũng nói một cách chi tiết về những sự rửa sả dân chúng sẽ gánh chịu nếu không vâng theo và những phước hạnh sẽ nhận được do những hành vi đúng của mình (Phục 31:10-13, 11:26-28, 27:11-28:68).

Thật rõ ràng rằng giao ước cũ dầu dựa trên luật đạo đức của Đức Chúa Trời nhưng cao hơn nhiều so với những chỉ thị hay lời khuyên về luân lý. Nó giải thích rõ ràng những điều khoản mà qua đó Đức Chúa Trời sẽ chuẩn bị bước vào mối liên hệ với dân Ysoraên và làm Đức Chúa Trời của họ. Ngài đã chuẩn bị để tiếp nhận họ và ban phước cho họ, nhận biết họ như là dân sự của Ngài chừng nào mà họ tuân giữ mọi yêu cầu trong luật đạo đức của Ngài; nhưng nếu họ phá vỡ luật pháp đó hay vì bất kỳ lý do nào mà thất bại không thể giữ theo được thì Đức Chúa Trời cảnh cáo họ rằng Ngài sẽ rửa sả và khước từ họ.

Điểm khác biệt giữa luật pháp như là những chỉ thị về đạo đức và luật pháp như nền tảng của mối quan hệ giao ước là cực kỳ quan trọng. Hãy thử xem một minh họa trong gia đình để nắm được điều này. Quyển sách dạy nấu ăn của bà Beaton là một bộ sưu tập nổi tiếng thế giới về những công thức cực kỳ tốt đã được công nhận. Nếu một người nội trợ làm theo những chỉ dẫn trong đó cách đầy đủ thì cô ấy sẽ là một đầu bếp rất xuất sắc. Bây giờ hãy thử tưởng tượng rằng một chàng thanh niên vào lúc kết hôn đưa cho cô vợ mới của mình một quyển sách nấu ăn của bà Beaton không chỉ nhằm gợi ý về những tiêu chuẩn nấu ăn mà anh ta muốn cô vợ hướng đến và nếu nàng là một người con gái đáng yêu thì sẽ nhận quyển sách ấy với một nụ cười trên môi nếu không nói là rất nhiệt tình. Nhưng hãy thử cho rằng nếu anh ta, khi đưa cho vợ cuốn sách đó thì cũng đặt ra nền tảng cho mối quan hệ của hai người: đó là chừng nào mà cô ấy thực hiện những chỉ dẫn trong đó một cách trung tín và chính xác đến từng chữ không thất bại thì anh ta sẽ sẵn lòng nhận cô làm vợ, chăm sóc và yêu thương cô; nhưng nếu cô thất bại không làm theo được những chỉ dẫn đó một cách toàn hảo, nếu cô làm cháy khét nồi súp, nấu thịt còn sống hay làm hỏng món bánh hương chanh, thì anh ta buộc phải từ bỏ và li dị cô. Tất nhiên tôi chẳng tin có một người phụ nữ nào trên đời này sẵn lòng trở thành vợ anh ta với những điều kiện đó cả.

Nhưng có một điều cũng giống như điều này, mà lại vô cùng khó khăn và còn đòi hỏi phải kiên trì nhiều hơn nữa, đó chính là sự giao ước mà dân Ysoraên cùng bước vào với Đức Chúa Trời: Luật pháp của Chúa, một cách tóm gọn, dạy họ phải yêu mến Giê hôva Đức Chúa Trời với tất cả tấm lòng, cả tâm trí, cả linh hồn và sức lực, và yêu người lân cận như chính bản thân mình. Và chỉ khi họ tuân theo mà không hề sai phạm hay làm lạc, thì Đức Chúa Trời sẽ là Đức Chúa Trời của họ, sẽ tiếp nhận họ và ban phước cho họ. Nhưng nếu họ thất bại không giữ trọn vẹn hay một phần luật pháp của Ngài, do tánh yếu đuối hay do

bướng bỉnh cứng đầu, lúc đó thì họ phải bằng lòng việc Đức Chúa Trời sẽ khước từ họ và nguyên rủa họ.

Điểm đáng chú ý là dân Ysraên lại đã từng đồng ý với một giao ước như thế. Việc họ đồng ý một cách dễ dàng tất nhiên cho thấy họ rất sốt sắng và sùng đạo, nhưng đồng thời cũng cho thấy họ hiểu biết quá ít về tấm lòng yêu đui và tội lỗi của họ. Môise đã hầu như chưa kịp đem những bảng luật pháp từ trên núi xuống cho họ thì họ đã vi phạm chính những điều luật cơ bản nhất.

Nhưng bất kể sự thất bại của dân Ysraên, điều họ đã tái phạm trong rất nhiều thế kỷ, để thực hiện phần của họ trong giao ước, và bất kể những sự trừng phạt đau thương từ nơi Chúa mà họ đã tự chuốc lấy, chúng ta vẫn thấy có nhiều người, ngay cả những người theo đạo Cơ đốc, vẫn tưởng tượng rằng để có một mối liên hệ thật và thỏa lòng với Đức Chúa Trời thì có thể dựa trên việc giữ Giao ước cũ theo những cách như vậy. Có thể họ không bày tỏ ý tưởng của mình trong những thuật ngữ thần học như chúng ta vừa mới dùng, nhưng họ lại thường nói những điều như thế này: “À! Tôi tin rằng nếu tôi cố hết sức để giữ những điều răn, để phục vụ Đức Chúa Trời và yêu những người lân cận tôi, thì tôi sẽ không sao cả và mọi sự đến cuối cùng đều sẽ tốt đẹp.” Nhưng tất nhiên là sẽ chẳng được như thế. Không thể như thế. Việc mà họ gọi là “cố gắng hết sức để giữ những điều răn” nếu bạn kiểm tra sẽ thấy không phải là giữ mà là thất bại khi giữ những điều răn đó. Một thất bại khoảng hai mươi lăm phần trăm, có thể ít hơn hoặc nhiều hơn, nhưng luôn luôn là thất bại không thể giữ trọn. Và nếu họ cứ cố đặt mối liên hệ giữa họ với Chúa dựa trên nỗ lực bất toàn của họ để giữ luật pháp của Ngài, thì lúc đó Đức Chúa Trời sẽ không còn sự lựa chọn nào khác mà phải loại bỏ họ ra như Ngài đã loại bỏ dân Ysraên.

SỰ GIAO ƯỚC TỪ HAI PHÍA

Quan điểm này đã lỗi thời từ nhiều thế kỷ trước: Vị tiên tri Giêrêmi người Do thái trong thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên đã nhận ra rằng con người không thể có được một mối liên hệ thỏa lòng với Đức Chúa Trời chỉ dựa trên những điều kiện của giao ước cũ, và ông đã được Đức Chúa Trời thần cảm để nói tiên tri rằng một ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ ban một giao ước mới với những điều kiện mới. Do đó tại nơi phòng cao trong thành Giêrusalem, Chúa của chúng ta đã lấy chén rượu đưa cho các môn đồ mà phán rằng: Chén này là giao ước mới trong huyết Ta (Luca 22:20). Các môn đồ của Ngài biết rằng Ngài đang tuyên bố sự bắt đầu của giao ước mới mà Giêrêmi đã mô tả. Đó là một cuộc cách mạng trong mối liên hệ giữa con người với Đức Chúa Trời.

Như vậy thì Giao ước mới khác hơn và mới hơn Giao ước cũ theo ý nghĩa nào? Giao ước mới mới hơn ở hai phương diện: về bản chất cơ bản và về những điều kiện của giao ước đó. Về bản chất cơ bản thì Giao ước mới là giao ước một phía trong khi Giao ước cũ là giao ước từ hai phía. Chúng ta hãy thử minh họa sự khác biệt đó bằng một hình ảnh so sánh đơn giản. Giả sử bạn muốn có một ngôi nhà mới và bạn thuê một chủ thầu xây dựng để xây cho bạn. Bạn chắc chắn sẽ phải làm một bản hợp đồng hay là giao ước với người đó. Giao ước này tất nhiên sẽ là một giao ước từ hai phía mà cả bạn và người chủ thầu sẽ có một số điều kiện phải thực hiện. Bản hợp đồng sẽ ghi rằng người chủ thầu xây dựng đó sẽ phải xây cho bạn một biệt thự 40 phòng với sân tennis và một hồ bơi bên ngoài có hệ thống sưởi, và khi hoàn tất ngôi nhà theo những chi tiết cụ thể đã yêu cầu thì về phần mình bạn sẽ phải trả cho ông ta 500.000 bảng Anh. Trong bản giao ước cũng ghi rõ rằng nếu bất cứ bên nào không đáp ứng mọi điều kiện đã đặt ra thì sẽ phải nộp những khoản tiền phạt thích hợp.

Giao ước cũ cũng là một giao ước hai phía giống như vậy. Đức Chúa Trời có phần của Ngài để hoàn tất: Ngài sẽ nhận dân Ysoraên làm dân sự Ngài và chúc phước dồi dào trên họ. Nhưng điều này phụ thuộc vào việc dân Ysoraên phải giữ những điều kiện dành cho họ, đó là phải giữ trọn mọi luật pháp của Đức Chúa Trời. Và Giao ước cũng ghi rõ nếu dân Ysoraên không giữ được phần của họ thì hình phạt sẽ là sự rủa sả của Đức Chúa Trời trên họ.

Và dân Ysoraên đã thất bại: *Vì họ không bền giữ lời ước Ta, nên ta không đoái xem họ, ấy là lời Chúa phán* (Hêbơơ 8:9). Và như thế, Đức Chúa Trời phán trong cùng một phân đoạn, Giao ước cũ sẽ bị bỏ đi và một giao ước mới khác sẽ được lập: *Này, những ngày đến, bấy giờ ta sẽ lập một giao ước mới với nhà Ysoraên và với nhà Giuđa, Đức Giêhôva phán, Giao ước này sẽ không theo giao ước mà Ta đã kết với tổ phụ chúng nó trong ngày Ta nắm tay đất ra khỏi xứ Êđíphtô, tức giao ước mà chúng nó đã phá đi* (Giêrêmi 31:31-32).

Lỗi không do những tiêu chuẩn mà Giao ước cũ đòi hỏi, cũng không phải do Đức Chúa Trời ngày nay đề xuất một bộ luật thoải mái và khoan dung hơn thời Cựu Ước để khiến Ngài vui lòng. Lỗi là do sự bất lực của con người tội lỗi, không thể giữ những điều kiện của bất cứ một giao ước hai phía nào giữa con người và Đức Chúa Trời dựa trên luật pháp của Ngài.

GIAO ƯỚC MỚI MỘT PHÍA

Vậy bây giờ chúng ta hãy cùng xem một loại giao ước khác mà chúng ta gọi là giao ước một phía. Hãy thử tưởng tượng một ngày nào đó bạn nhận được một bức thư từ vị luật sư trong vùng thông báo rằng cậu của bạn vừa mới qua đời tại Hoa Kỳ. Cho đến lúc bấy giờ thì bạn chưa từng gặp cậu của mình: ông ấy đã di cư sang Mỹ khi bạn còn chưa ra đời và ông cũng chưa hề trở về nước lần nào cả. Bạn rất là thương tiếc khi nghe tin về cái chết của cậu mình, nhưng đồng thời lòng bạn cũng tràn ngập một niềm vui bất ngờ khi biết cậu mình đã để lại cho bạn một gia tài tích lũy được là một triệu đôla. Bạn lao ngay đến vị luật sư đó và hỏi xem cần phải làm những điều kiện nào thì mới có thể sử dụng được số tiền đó. Vị luật sư long trọng đọc những điều khoản trong bản di chúc và tuyên bố rằng bạn không cần phải thực hiện một điều kiện nào cả ngoại trừ chuẩn bị nhận món tiền đó. Bạn lý luận rằng mình không xứng đáng với số tiền đó: bạn chưa từng làm một điều nào cho cậu của mình trong khi ông còn sống cả; chắc rằng bây giờ bạn phải làm một điều gì thật xứng đáng trước khi bạn nhận số tiền to lớn kia.

Vị luật sư đọc lại bản di chúc một lần nữa và khẳng định rằng trong mọi điều khoản thì không hề đòi hỏi bạn điều gì ngoại trừ sự sẵn sàng để nhận món quà mà bạn không xứng đáng đó. Lúc này bạn lại hỏi làm sao để bạn biết chắc rằng số tiền là của bạn và không ai có thể ngăn không cho bạn nhận được số tiền đó. Vị luật sư trả lời rằng cậu của bạn không chỉ cho bạn số tiền nhưng đồng thời cũng lập một giao ước với bạn, một bản giao ước một phía hay nói cách khác là một bản di chúc, là điều đâu không hề áp đặt một điều kiện nào đối với bạn nhưng lại buộc những người thi hành di chúc của cậu bạn phải giao cho bạn số tiền đó và ngăn không cho bất kỳ người nào khác cướp lấy nó. Tất nhiên, nếu muốn thì bạn cũng có thể từ chối không nhận số tiền và hãy tưởng tượng xem, bạn có thể xé bản di chúc và cười vào mũi vị luật sư đó rồi bỏ về nhà. Nhưng nếu bạn muốn hưởng được di chúc của cậu mình thì bạn đơn thuần chỉ cần tin và nhận lấy nó: bản di chúc là một giao ước một phía.

Và Giao Ước Mới cũng là một giao ước một phía giống như vậy (xem Gal 3:15-22). Nó chính là cái mà theo cách nói hiện đại chúng ta gọi là một bản di chúc, hay một chúc thư để phân biệt với những giao ước hai phía, và đó cũng là lý do vì sao chúng ta gọi 27 sách ghi rõ

những lợi ích và điều khoản của giao ước là Tân Ước. Những phước hạnh và lợi ích mà Giao Ước Mới ban cho những kẻ tin và nhận Chúa Cứu Thế thì vô bờ bến; nhưng tất cả những điều này được bảo đảm cho người tin vì chính Đấng Christ, như thư Hê bơ rơ diễn tả (7:22) đã trở nên Đấng bảo lãnh.

Tất nhiên, mọi người đều có quyền tự do, nếu người đó muốn, có thể từ chối và phớt lờ những phước hạnh đó, và than ôi, rất nhiều người đã làm như thế!! Thậm chí, người đó có thể phủ nhận rằng Giao Ước Mới thì không đáng với giá trị của tờ giấy mà nó được viết lên. Không ai ép buộc người khác phải chấp nhận những ơn phước của Giao Ước Mới ngược với ý của người đó. Ân điển của Đức Chúa Trời là vô hạn nhưng không phải là không thể từ khước. Nhưng nếu chúng ta nhận và vui hưởng những phước hạnh của Giao Ước mới thì chúng ta hẳn phải từ bỏ những suy nghĩ rằng mình không xứng đáng để nhận lấy những điều đó một cách nhưng không, bởi đức tin từ tay của Đấng đã đưa cho chúng ta chén giao ước của Ngài và ký bản giao ước đó bằng chính huyết của Ngài.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Một người phải làm gì để hưởng được những ích lợi từ Giao Ước Mới?
2. Tại sao con người không thể giữ được Giao Ước Cũ? Mục đích của Giao Ước Cũ là gì?
3. Tại sao Đức Chúa Trời không thỏa lòng khi chúng ta “làm hết sức mình để giữ những điều răn theo khả năng của chúng ta”?
4. Tại sao sự chết của Đấng Christ là cần thiết trước khi Giao Ước Mới có thể được đưa ra?
5. Những phân đoạn Kinh Thánh sau đây giải thích sự khác nhau giữa Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới như thế nào? Hêbơrơ 8:8-12; Galati 3:15-22.

CHƯƠNG 10

MỐI LIÊN HỆ GIỮA ĐÁNG TỐI CAO VÀ NHỮNG THẦN DÂN CỦA NGÀI

Kinh Thánh: Luca 22:20; Hêborơ 8:6-13

Trong phần bài học trước chúng ta đã nhận biết rằng Giao Ước Mới khác với Giao Ước Cũ ngay trong bản chất căn bản: đó là giao ước một phía trong khi Giao Ước Cũ là giao ước hai phía. Đến đây thì chúng ta phải chú ý đến sự khác biệt và vượt trội của Giao Ước Mới trong những điều khoản chi tiết của nó. Những điều khoản này giải thích về mối liên hệ giữa vị Vua Thiên Thượng và những thần dân tin Ngài được trình bày một cách thuận tiện trong chương thứ tám của thư tín gửi cho người Hêborơ, câu 10 -12. Chúng được chia thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất nằm trong câu thứ 10 khi Chúa phán: *Ta sẽ để luật pháp Ta trong trí họ và ghi tạc vào lòng* (Hêborơ 8:10). Chúng ta có thể thấy được điểm chính yếu của giao ước này nếu chúng ta nhớ rằng Mười Điều Răn của Giao Ước Cũ được chép vào hai bảng đá. Và đó chính là lý do vì sao nó không hiệu quả trong việc khiến mọi người làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Nó đơn giản chỉ là những mạng lệnh được viết bên ngoài bề mặt tảng đá cứng và lạnh lẽo: nó cho người ta biết phải làm gì nhưng không ban cho một sức lực nào để họ có thể làm được điều đó; nó cho người ta biết những việc không nên làm nhưng nó không giúp một chút năng lực nào để người đó có thể cầm giữ mình khỏi làm những việc đó. Chính đó là những điều răn toàn hảo và hợp lý, và nếu một người nào có thể giữ được những điều đó thì những điều răn này sẽ hình thành trong người ấy một tính cách cao thượng nhất. Nhưng con người không thể giữ được những điều đó. Lòng của con người thì yếu đuối, tội lỗi và xấu xa hơn mọi vật, theo như Kinh Thánh Cựu Ước nói, và hoàn toàn hư hoại.

LUẬT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI BÊN TRONG LÒNG

Trước khi một người có thể hy vọng giữ được luật pháp của Đức Chúa Trời theo đúng cách thức khiến Đức Chúa Trời vừa lòng thì người đó cần nhận được một tấm lòng mới, một bản chất và một năng lực hoàn toàn mới. Do đó, đây chính là điều mà phần đầu tiên của Giao Ước Mới cung cấp. Việc của Đức Chúa Trời khi ghi lại luật pháp của Ngài trong tấm lòng con người không chỉ có nghĩa Ngài giúp người đó nhớ thuộc lòng từng chữ để khi cần thì đọc ra. Thật ra nó có nghĩa là Ngài sẽ đặt vào trong người đó một bản tánh hoàn toàn mới, chính là bản tánh của Đức Chúa Trời (xem II Phiêrơ 1:3-4). Vì như thư tín Rôma 8:7 nói, *sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại cũng không thể phục được*; và do đó, nếu một người muốn làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời phải dựng nên trong người đó một cuộc sống mới, để bởi bản tánh mới đó mà có thể làm theo luật pháp của Ngài được. Sứ đồ Giăng gọi tiến trình này là một “sự ra đời mới”; còn Giao Ước Mới gọi đó là “Chúa ghi tạc luật pháp Ngài trong lòng chúng ta.”

Phần kế tiếp trong bản Giao Ước cho biết mỗi người tin Chúa sẽ vui hưởng sự thông biết mật thiết về Đức Chúa Trời trong những kinh nghiệm cá nhân của người đó. Kinh Thánh chép: *Ta sẽ làm Đức Chúa Trời họ, họ sẽ làm dân Ta. Trong vòng họ sẽ chẳng có ai dạy bảo công dân mình và anh em mình rằng: Hãy nhìn biết Chúa; vì hết thảy trong vòng họ, từ kẻ rất nhỏ cho đến kẻ rất lớn đều sẽ biết Ta.* (Hêborơ 8:10-11)

BIẾT CHÚA

Biết Chúa trong ý nghĩa này không phải chỉ là việc nhận biết rằng có một Đức Chúa Trời. Động từ “biết” là từ mà chúng ta dùng trong mối quan hệ mật thiết giữa người chồng và người vợ. Ở cấp độ thuộc linh thì biết Chúa biểu hiện một mối liên hệ cá nhân, trực tiếp và mật thiết với Đức Chúa Trời. Một kinh nghiệm gián tiếp về Đức Chúa Trời qua sách vở, diễn giả hay mục sư thì có thể có một giá trị thật và tích cực. Nhưng như thế vẫn chưa đủ.

Cho dù một người khác có thể giúp chúng ta hiểu biết về Đức Chúa Trời nhiều như thế nào đi nữa, thì để có thể kinh nghiệm sự cứu rỗi, để luật pháp Chúa được ghi trong lòng chúng ta, chính chúng ta phải nhận biết Chúa một cách cá nhân và trực tiếp. Một cô gái có thể đầu tiên chỉ biết về người chồng tương lai của mình qua những lời giới thiệu hoa mỹ của bạn bè, và người bạn đó có thể sau một khoảng thời gian sắp xếp cho một cuộc tiếp xúc giới thiệu. Nhưng nếu người con gái đó sẽ trở thành vợ của anh ta thì phải có một thời điểm mà người bạn không còn đứng giữa nữa và cô gái bước vào một mối liên hệ trực tiếp và cá nhân với anh ta.

Hơn nữa, thất bại để bước vào mối liên hệ cá nhân như thế với Đức Chúa Trời là một hiểm họa thuộc linh chết người. Chúa của chúng ta đã từng cảnh cáo chúng ta rằng vào giờ cuối cùng, lúc Chúa đứng lên đóng cửa lại, Ngài ra lệnh cho những kẻ ở ngoài phải lui ra khỏi Chúa. Lý do những người đó phải lui đi được chép trong những lời này: *Ta chẳng biết các ngươi bao giờ* (Mathiơ 7:23). Đó không có nghĩa rằng Chúa không biết về sự tồn tại của họ, hoặc không biết họ là ai; nhưng nó có nghĩa rằng họ và Đấng Christ chưa bao giờ tiếp xúc một cách cá nhân và trực tiếp với nhau. Và Chúa cũng cảnh báo thêm cho chúng ta rằng, những người này có thể trưng ra dẫn chứng họ đã từng sống cách thuộc linh, thậm chí cao hơn mức trung bình rất nhiều, tất cả cũng không chứng tỏ một sự thay thế thích hợp cho nhận thức cá nhân về Chúa Cứu Thế (Mathiơ 7:22; Luca 13:26).

Ngược lại, về những kẻ tin Ngài thật sự thì Chúa phán: *Ta là người chăn hiền lành; Ta quen biết chiên Ta và chiên ta quen Ta, cũng như Cha biết ta, và Ta biết Cha vậy; và một chỗ khác, biết Ta nghe tiếng Ta, Ta quen nó và nó theo Ta. Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay Ta* (Giăng 10:14-15, 27-28).

Ở đây thì điều tuyệt vời về sự thông biết cá nhân với Chúa và mối liên hệ với Đức Chúa Trời không phải là điều chúng ta có được bởi giữ những kỷ luật bước đầu một cách lâu dài và nghiêm khắc để khiến chúng ta có thể trở nên tốt hơn và xứng đáng. Giao Ước Mới ban tặng điều này như là một món quà. Chính Đức Thánh Linh tác động trong lòng của những kẻ thật sự đặt niềm tin nơi Đấng Christ. Hãy nghe Phaolô nói: *Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta, kêu rằng: Aba! Cha!* (Galati 4:6). Khi chúng ta vừa mới tin nhận Chúa và trở nên con cái của Đức Chúa Trời, chắc chắn chúng ta lúc đó vẫn còn rất non nớt, nói theo ngôn ngữ thuộc linh. Chúng ta vẫn chưa là những người cha thuộc linh, thậm chí cũng chưa là những thanh niên trưởng thành khoẻ mạnh; chúng ta chỉ là những em bé thuộc linh nhỏ bé. Nhưng Giăng đã nói như thế này: *Hỡi con trẻ, ta đã viết cho các con, vì các con đã biết Đức Chúa Cha* (I Giăng 2:14).

ĐỨC CHÚA TRỜI THA THỨ

Phần thứ ba và cũng là phần cuối cùng trong Giao Ước Mới được viết như sau: *Nhơn Ta sẽ tha sự gian ác của họ, và không nhớ đến tội lỗi của họ nữa* (Hêbơrơ 8:12). Điều lạ lùng trước tiên trong về thứ ba tuyệt diệu này là tại đây chúng ta có được sự tha thứ về những tội lỗi đã được viết ngay trong những điều khoản của Giao Ước.

Để giúp chúng ta có thể thấy rõ điều này có nghĩa gì, hãy trở lại một chút với ví dụ mà chúng ta đã sử dụng trong phần trước. Bạn cần nhà thầu xây dựng xây cho bạn một căn nhà. Ông ta đồng ý nhưng bảo rằng mọi sự tất nhiên đều tùy thuộc vào việc bạn sẽ trả tiền cho ông ta, 150.000 bảng Anh. Và bạn ký giao kèo với người chủ thầu, ông ta xây nhà cho bạn và bạn sẽ trả tiền cho ông ta. Tuy nhiên, hãy thử tưởng tượng rằng, khi căn nhà được xây xong, bạn nhận thấy công việc làm ăn của mình đang xuống dốc và bạn không thể trả nổi số tiền đặt ra; sẽ là một điều phi thường hay gần như là một phép màu, nếu người chủ thầu đó bỏ qua cho bạn món nợ mà bạn bị ràng buộc trong giao kèo và cho bạn được sở hữu ngôi nhà mà không cần một giá nào cả. Nhưng nếu bạn cho đó là một điều khác thường thì điều tiếp theo sẽ hoàn toàn chưa từng nghe đến, nếu ngay từ lúc đầu, nhà thầu soạn một bản hợp đồng nói rằng bạn sẽ có căn nhà tùy thuộc vào việc bạn trả số tiền đặt ra, tuy nhiên, nếu bạn không thể trả được số tiền thì anh ta sẽ xóa nợ cho bạn và bạn có thể có căn nhà mà không cần phải trả giá cho nó. Lời tuyên bố như vậy là một lời vô nghĩa: một giao ước không thể lập trong việc sở hữu ngôi nhà mà vừa tùy thuộc vào việc trả tiền lại không tùy thuộc vào việc trả tiền.

Tương tự như vậy, không một giao ước nào của Đức Chúa Trời có thể làm cho Sự Cứu Rỗi tùy thuộc vào cả hai việc giữ luật pháp và không giữ luật pháp. Giao Ước Cựu thì khiến sự cứu rỗi tùy thuộc vào việc giữ luật pháp và công bố sự rửa sạch của Đức Chúa Trời trên những kẻ không giữ luật pháp của Ngài. Giao Ước Mới chẳng những không khiến sự cứu rỗi tùy thuộc vào việc giữ luật pháp mà nó còn ghi lại trong những điều khoản của nó về sự tha thứ được bảo đảm cho việc thất bại khi không giữ được luật pháp của Chúa. Đức Chúa Trời bây giờ đồng ý rằng sự tha thứ đó không hề phá vỡ giao ước, tất nhiên Ngài không hề có ý định phá vỡ giao ước. Do đó, mọi người tin nơi Đấng Christ có thể hoàn toàn tin vào sự tha thứ chắc chắn dựa trên sự thành tín không hề thay đổi của Đức Chúa Trời trong việc giữ giao ước Ngài đã lập ra.

Nhưng ngay điểm này thì có người chắc chắn sẽ phản đối rằng nếu Giao Ước Mới bảo đảm sự tha thứ mà ngay từ trước chúng ta có thể tin chắc mình sẽ nhận được, thì nó chẳng khác gì hơn sự nhục nhã thời xưa khi bạn có thể mua những sự xá tội trước cho những tội lỗi mà bạn chưa phạm nhưng dự định sẽ thực hiện, và như thế có thể tiếp tục phạm tội đó với sự bảo đảm sẽ được tha thứ và được miễn hình phạt một cách chính thức.

Câu trả lời cho sự phản đối trên đó là bạn đã quên mất những gì phần đầu lời Giao Ước Mới nói. Phần đó bày tỏ sự quyết tâm của Đức Chúa Trời để viết luật pháp của Ngài trong tâm lòng của những kẻ tin Ngài, hầu cho như cách Phao lô nói (Rôma 8:4) *hầu cho sự công bình mà luật pháp buộc phải làm được trọn trong chúng ta, là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh*. Nghĩa là, Giao Ước Mới không chỉ đơn giản ban sự tha thứ; nhưng ngay chính phần đầu của Giao Ước tuyên bố rằng mục tiêu chủ yếu của nó là khiến con người thánh khiết nhờ công việc tiến triển của Đức Thánh Linh trong lòng con người, và bảo đảm rằng Đức Chúa Trời sẽ không bỏ cuộc cho đến khi Ngài khiến con người trở nên hoàn hảo.

Chỉ trong ngữ cảnh này thì về thứ ba mới bảo đảm việc Đức Chúa Trời tiếp nhận con người không dựa trên sự tiến triển thuộc linh của anh ta và chắc chắn cũng không dựa trên việc anh ta đạt được sự toàn hảo. Trong lớp học về sự nên thánh tiến triển thì con người sẽ gặp rất nhiều bài học khó khăn, và những lỗi lầm thất bại thì sẽ rất nhiều. Nhưng anh ta có thể tìm thấy lòng can đảm và sự an ủi trong sự bảo đảm của Đức Chúa Trời về sự tha thứ hoàn toàn, và trong sự nhận biết rằng anh ta sẽ không bao giờ mất đi sự thừa nhận của Đức Chúa Trời, và rằng mục tiêu của sự toàn hảo cuối cùng rồi cũng sẽ đạt được.

ĐỨC CHÚA TRỜI QUÊN

Bây giờ chúng ta hãy xem sự tha thứ được ban cho ở đây rộng như thế nào. Điểm thứ nhất, lời hứa “Ta sẽ không nhớ đến tội lỗi của họ nữa” không có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ cố gắng để quên đi sự thật rằng họ đã phạm tội. Chữ “nhớ” ở đây là một thuật ngữ pháp luật. Nó có nghĩa là “nhớ và có những hành động pháp luật thích đáng về.” Sách Khải huyền 18:5 nói về thành Babylon, *tội lỗi nó chất cao tày trời, và Đức Chúa Trời đã nhớ đến các sự gian ác nó*, thì tiếp sau đó là một phần liệt kê những hình phạt giáng trên thành này khi Đức Chúa Trời nhớ lại những tội lỗi của thành và phán xét nó. Về thứ ba của Giao Ước, do đó, nói rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ đưa ra những tội lỗi của những kẻ tin Ngài để chống lại họ, theo ý nghĩa pháp luật, và cũng sẽ không bao giờ thi hành những hình phạt xứng đáng với những tội lỗi đó.

Đây không phải là vì Đức Chúa Trời đã trở nên đa cảm về những tội lỗi của những kẻ tin Ngài, hay là vì Ngài đối xử với họ như những người được ưu ái và tội họ được nuông chiều. Nhưng bởi vì chính Đấng Christ đã phải trả những hình phạt đó. Ấy là tại sao mà khi Chúa thiết lập Giao Ước Mới, Ngài đã đưa cho các môn đồ một cái chén chứa rượu nho, chén này tượng trưng cho *huyết Ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội* (Mathiơ 26:28).

Sự tha thứ của Đức Chúa Trời không gì khác hơn là sự công bình. Hãy xem ví dụ về những con người như vua Đavít, Êsai, Giêrêmi là những người sống dưới những điều khoản của Giao Ước Cũ. Cũng giống như tất cả chúng ta, họ cũng là những tội nhân và do đó cũng phải gánh chịu những hình phạt của Giao Ước Cũ. Vậy làm sao để họ có thể được tha thứ và được cứu? Sẽ có người nói, “nếu nói như vậy thì tại sao họ không thể được chuyển từ Giao Ước Cũ sang những lợi điểm của Giao Ước Mới?” Câu trả lời là – họ có thể; thực vậy, theo Hêborơ 9:15 đó chính là những gì mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Nhưng Ngài đã không làm như vậy bằng cách chính Ngài quyết định phá vỡ Giao Ước Cũ, hạ thấp những điều khoản của nó, và xem thường chính những điều Ngài đã cam kết.

Đức Chúa Trời không giống như Adolf Hitler, là người có thói quen ký kết một cách long trọng với những nước khác những hiệp định và giao ước phù hợp với ông ta. Và khi những giao ước đó không còn thích hợp với ông ta nữa thì ông thẳng tay xé bỏ và quên chúng đi một cách vô tư. Trước khi Đức Chúa Trời có thể chuyển con người từ nghĩa vụ của Giao Ước Cũ sang những thuận lợi của Giao Ước Mới, mọi món nợ mà họ đã ký kết dưới Giao ước cũ phải được thanh toán. Và như Hêborơ 9:15 nói, *một cái chết* (sự chết của Đấng Christ) *chuộc những tội đã phạm dưới Giao Ước Cũ, thì những kẻ được kêu gọi sẽ có thể nhận lãnh cơ nghiệp đời đời đã hứa cho mình.*

Một người khác có lẽ sẽ phản bác vì cho rằng như vậy khiến Đức Chúa Trời có vẻ pháp lí và đòi hỏi nhiều quá trong khi Ngài là một Đấng nhân từ và yêu thương. Nhưng sự phản đối này bắt nguồn từ một quan điểm cảm xúc không thích hợp để biết về tình yêu thương thật là gì. Có phải là yêu thương không nếu Đấng Toàn Năng một ngày nào đó long trọng buộc mình vào một sự giao ước sẽ làm một số việc và ngay ngày hôm sau thì quên mất hay là không chịu làm nữa? Tất cả chúng ta ắt đều đã từng thấy những người cha hay mẹ luôn răn đe con hư hỏng của mình rằng nếu nó còn làm những điều này điều kia nữa thì sẽ bị ăn đòn, nhưng khi đứa trẻ cứ tái phạm những lỗi đó thì không hề phạt nó một điều gì cả. Đứa trẻ đó lớn lên sẽ không kính trọng mẹ nó vì đã yêu thương nó, nhưng nó đã sớm học lòng khinh thường đối với những lời mẹ nó nói và ngay cả đối với chính mẹ của nó nữa.

Nếu Đức Chúa Trời không làm tròn những sự thưởng phạt trong luật pháp mà Ngài đã long trọng cam kết, làm sao con người có thể tin chắc rằng Ngài sẽ thực hiện những lời hứa đem

ích lợi và phước hạnh cho những kẻ tin Ngài? Chắc chắn là không. Khi Đức Chúa Trời buộc mình trong những điều khoản của Giao Ước Cũ để củng cố những hình phạt trong luật pháp của Ngài chống lại tội lỗi, thì những hình phạt đó càng thêm vững mạnh khi Đấng Christ đã phó chính Ngài như sinh tế để chuộc tội lỗi. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời đã buộc mình vào những điều khoản trong Giao Ước Mới, đó là không bao giờ nhớ lại những tội lỗi của những kẻ tin Ngài, thì những người tin Ngài có thể tự tin rằng họ sẽ không bị phán xét, *cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Giêxu Christ* (Rôma 8:1).

TẾ LỄ TRỌN VẸN

Tính trọn vẹn của sự tha thứ được ban cho theo những điều khoản của Giao Ước Mới có thể thấy được qua một nghiên cứu khác, ấy là thực tế sự hy sinh của Đấng Christ đã hoàn tất và không bao giờ cần thiết phải lặp lại. Tất nhiên, với kiến thức thông thường thì chúng ta biết rằng sau khi đã phó mình làm sinh tế chuộc tội trên thập tự giá thì Đấng Christ đã thăng thiên về thiên đàng và hiện đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời.

Không có một thầy tế lễ nào lại ngồi khi đang dâng sinh tế; tư thế thích hợp duy nhất khi dâng tế lễ là đứng. Như Hêborơ 10:11 nói về những thầy tế lễ Do thái khi xưa: *phàm thầy tế lễ mỗi ngày đứng hầu việc và năng dâng của lễ đồng một thức, là của lễ không bao giờ cất tội lỗi được.* Nhưng hiện bây giờ thì Đấng Christ không phải đang đứng, Ngài đang ngồi. Nguyên nhân là vì Ngài không còn dâng bất cứ tế lễ nào để chuộc tội lỗi nữa. Mọi việc về dâng tế lễ đã hoàn tất, và Ngài cũng đã nghỉ ngơi khỏi công việc đó. Như Hêborơ 10:12 nói: *Còn như Đấng này, đã vì tội lỗi dâng chỉ một của lễ, rồi ngồi đời đời bên hữu Đức Chúa Trời.*

Nhưng vấn đề tự nhiên nảy sinh: Tại sao Đấng Christ lại không cần phải tiếp tục dâng mình làm sinh tế nữa? Tại sao Ngài không phải chịu những hình phạt của luật pháp đối với tội lỗi khi mà một người tin Ngài phạm tội? Để trả lời câu hỏi này thì chính Đức Thánh Linh đã đưa ra câu trả lời (Hêborơ 10:17-18). Ngài chỉ phần thứ ba trong Giao Ước Mới, *Ta sẽ chẳng còn nhớ đến tội lỗi gian ác của nó nữa.* Sau đó Chúa bảo chúng ta hãy suy luận một cách đơn giản và rõ ràng: Bởi lẽ có sự tha thứ thì không cần dâng của lễ vì tội lỗi nữa. Vậy thì khi đã có sự tha thứ của Chúa thì không còn cần của lễ chuộc tội lỗi nữa.

Một điểm cuối cùng trong phần thứ ba của Giao Ước Mới. Nó bắt đầu bằng một giới từ ngắn ‘vì’: *Vì Ta sẽ tha sự gian ác của họ, và không nhớ đến tội lỗi họ nữa* (Hêborơ 8:12). Điều này cho chúng ta thấy phần thứ ba bày tỏ phương cách để những lời hứa trong phần về trước có hiệu lực. Phần trước đó hứa rằng mọi Cơ Đốc Nhân sẽ hưởng được một sự thông biết mật thiết về Chúa dựa trên một mối tương giao trực tiếp và riêng tư với Ngài. Nhưng làm thế nào một người có thể hưởng được một mối liên hệ trực tiếp và riêng tư với Chúa nếu anh ta cứ phải sống trong sự mơ hồ không biết Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ tiếp nhận hay từ chối anh ta?

Chúng ta đều biết những tổn hại lâu dài về tâm lý mà một đứa trẻ phải chịu nếu trong những năm tháng lớn lên mà nó lại không biết chắc về sự chấp nhận của ba mẹ nó khiến nó cứ sống trong lo sợ, một cách có ý thức hay thuộc tiềm thức, rằng một ngày nào đó ba mẹ nó có thể từ bỏ nó. Giống như thế, có vô số người, ngay cả với những người có đạo, mối liên hệ giữa họ với Đức Chúa Trời thường bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi và sự mơ hồ căn bản đó, đến mức chính ý nghĩ tuyên bố về sự cứu rỗi chắc chắn cũng đánh động trong họ như một cảnh báo về sự tự phụ. Thế nên Đức Chúa Trời muốn xua đi nỗi sợ hãi đó. Như Giảng chép (I

Giăng 4:18): *Quyết chẳng có điều sợ hãi trong sự yêu thương, nhưng sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi; vì sự sợ hãi có hình phạt, và kẻ đã sợ hãi thì không trọn vẹn trong sự yêu thương.* Do đó, để cho lời hứa trong Vế thứ hai của Giao Ước được nhận thức rõ và những người tin Chúa vui hưởng một mối tương giao vững bền với Đức Chúa Trời, Vế thứ ba ban sự bảo đảm về sự tha thứ trọn vẹn và tuyệt đối. Như thế không đơn thuần chỉ để những người tin Ngài cảm thấy an tâm và thoát khỏi nô lệ cho sự sợ hãi, nhưng bởi vì sự bảo đảm trọn vẹn của mối liên hệ với Đức Chúa Trời là điều căn bản thích hợp duy nhất để phát triển tính cách thánh khiết mà Vế thứ nhất của Giao Ước đã hứa với họ.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao Đức Chúa Trời phải đi xa đến như vậy trong việc bảo đảm cho những Cơ Đốc Nhân thật về sự chấp nhận hoàn toàn?
2. Đức Chúa Trời muốn nói gì khi Ngài nói rằng không “nhớ đến” tội lỗi của chúng ta? Dựa trên nền tảng nào mà Ngài có thể làm được điều đó?
3. Bằng từ ngữ của mình bạn hãy cho biết ba vế chính trong Giao Ước Mới được trình bày trong Hêbơơ 8:6-13 là gì?
4. Vế thứ hai nói về “nhận biết Chúa.” Làm sao chúng ta có thể “biết Chúa”? (Bạn có thể xem Giăng 17:3).
5. Điểm quan trọng nào khiến sự chết của Đấng Christ có thể khiến Giao Ước Mới khả thi? (Hêbơơ 9:15).

CHƯƠNG 11

CHỨC VỤ VÀ PHẦN THƯỞNG CỦA TÔI TỐ VUA

Kinh Thánh: Luca 22:24-30

Qua hai phần trước chúng ta nhấn mạnh về Giao Ước Mới trong đó thiết lập nên mối liên hệ giữa vị Vua và những thần dân của Ngài. Tại đây thì một số người phản ứng khá mạnh mẽ để chống lại ý cho rằng mối liên hệ giữa Đấng Christ với dân sự Ngài cần phải được thể hiện trong những điều kiện của một giao ước; họ nói rằng điều này nghe quá nghiêm trọng và mang tính luật pháp, trong khi pháp luật là điều sau hết trong những mối tương giao cá nhân thật sự. Thêm nữa, khi Đấng Christ được mô tả như là Vua và dân sự Ngài như những thần dân thì cơn giận của những người này dâng tràn đến mức đối nghịch lại.

Phản ứng của họ phát xuất từ một trong hai nguồn, hay có lẽ là cả hai. Một là do cách suy nghĩ hiện đại, theo đó mọi sự xác nhận quyền lực được định nghĩa là một điều xấu, và mọi sự đầu phục một thẩm quyền nào đó đều là dấu hiệu của nô lệ. Những người theo niềm tin này cho rằng mọi người đều bình đẳng với nhau và không ai có thể thi hành bất cứ quyền lực nào trên người khác cả. Thật sự thì họ không chỉ đơn thuần mở chiến dịch cho việc hủy bỏ trọng lực dựa trên cơ sở rằng mặt trời tác động một lực hút lên trái đất mạnh hơn là trái đất tác động lên nó.

Thế nhưng sự lộn xộn về mặt quy luật tự nhiên mà họ có thể gây ra nếu giả sử họ có thể tắt công tắt trọng lực thì sẽ chẳng thể hơn sự rối loạn về đạo đức xảy ra nếu họ có thể xóa bỏ mọi thẩm quyền trong những mối quan hệ giữa người với người, chứ chưa nói đến giữa con người với Đức Chúa Trời. Một người mẹ nếu không còn có một quyền hành gì trên đứa con nhỏ hai tuổi của bà thì sẽ không còn là một người mẹ nữa, bà có lẽ bị lên án vì tội bỏ bê. Nếu đứa trẻ cầm một chai thuốc độc và định uống thì bà mẹ ắt hẳn phải thực thi thẩm quyền mình cách nhanh chóng và mạnh mẽ. Đó là do tình yêu lẫn bản năng điều khiển bà làm như vậy.

MỌI NGƯỜI ĐỀU BÌNH ĐẲNG?

Lòng sốt sắng và tính can đảm để đối mặt với sự thật là những dấu hiệu của sự trưởng thành. Nếu một học sinh giải bài toán theo cách tính sai lầm của cậu ta, cho rằng căn bình phương của 49 là 24,5. Nếu người thầy sợ nói sai sẽ làm tổn thương cái tôi của cậu bé và khiến cậu sa vào phức cảm tự ti thì thật ra chỉ giúp học sinh đó sống trong một thế giới mơ mộng hoang tưởng của trẻ con, và như thế sẽ kềm hãm sự phát triển lớn lên của nó.

Có ai lại nghiêm túc xem quan điểm của những kẻ buôn bán ma túy cho việc họ sử dụng ma túy là ngang bằng với quyền của các bác sĩ và y tá chuyên khoa thần kinh trong bệnh viện, sử dụng cho những căn bệnh thuộc về thần kinh và tâm thần?

Chắc chắn nếu vị thuyền trưởng của một con tàu lớn không được phép đưa ra những mệnh lệnh có tính bắt buộc đối với những thợ máy và thủy thủ trên tàu nhưng cho mọi người đều có tiếng nói bình đẳng trong việc vận hành con tàu thì tôi cầu xin sẽ chẳng bao giờ phải bước lên con tàu đó trong khi trời giông bão.

Không thể có một sự kêu gọi cho chủ nghĩa quân bình uỷ mị hiện đại ở đây. Cuộc sống mà không có thẩm quyền trên dưới thì sẽ như một mớ hỗn độn, ngay cả nếu nó còn được tồn

tại. Và Đấng Christ mà không có hay không khẳng định thẩm quyền thì sẽ không có Chúa Cứu Thế nào cho nhân loại nhưng mọi thứ đều chỉ là hư ảo. Thật ra nó là dấu hiệu của sự chân thật trong lời tuyên bố của Chúa rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, rằng trong khi Ngài có một tấm lòng nhu mì khiêm nhường và luôn nhân từ và thương xót thì Ngài lại tuyên bố một thẩm quyền tối cao và tuyệt đối.

LẠM DỤNG QUYỀN LỰC

Nhưng phản ứng thù địch với thẩm quyền nói trên có thể xuất phát từ kinh nghiệm cay đắng của một số lạm dụng quyền lực, những trường hợp bạo ngược chuyên chế trong gia đình, đất nước hay trong hội thánh. Và tất nhiên trong những trường hợp đó, những hành động nào mà thực hiện trong Danh Đấng Christ và Hội thánh là tội tệ nhất. Về một ý nghĩa nào đó thì tôi cho rằng chúng ta không cần phải ngạc nhiên khi tình cờ thấy một chuyện áp chế như thế, vì chính Chúa của chúng ta đã cảnh báo với chúng ta trước khi Ngài về trời, rằng những sự lạm dụng đó cũng sẽ xuất hiện trong vương quốc của Ngài, và Ngài cũng nói về những điều mà đến cuối cùng Ngài sẽ làm với những việc đó. Hãy nghe phân đoạn Kinh Thánh sau (Luca 12:45-46): *Nhưng nếu đầy tớ ấy tự nghĩ rằng: Chủ ta chậm đến; rồi cứ đánh đập đầy tớ trai và gái, ăn uống say sưa, thì chủ nó sẽ đến trong ngày nó không dè, vào giờ nó không biết; lấy roi đánh xé da nó, và để cho nó đồng số phận với kẻ bất trung.*

Đây là những từ ngữ rất nghiêm trọng, nhưng dụng ý của nó là như thế. Cả ba phần Phúc Âm tóm tắt đều cho thấy rõ rằng không có điều nào khiến Chúa của chúng ta nổi giận cho bằng cảnh dân sự bị những nhà lãnh đạo tôn giáo lạm dụng quyền lực để áp bức ức hiếp. Và Ngài cũng không cố gắng để che giấu cơn giận của Ngài. Hãy nghe lời giảng của Chúa tại thành Giêrusalem: *Khi dân chúng đương nghe thì Ngài phán cùng môn đồ rằng, Hãy giữ mình về các thầy thông giáo, là người ưa mặc áo dài đi đạo, và thích những sự chào hỏi giữa chợ, muốn ngồi cao trong nhà hội, ngồi đầu trong tiệc lớn, làm bộ đọc lời cầu nguyện dài, mà nuốt gia tài của đôn bà góa. Họ sẽ bị đoán phạt nặng hơn. (Luca 20:45-47).*

Và cũng tương tự như vậy khi có một cuộc cãi vã nổ ra giữa các sứ đồ trong Lễ Tiệc thánh, Chúa của chúng ta đã nhân cơ hội dạy dỗ họ về bản chất thật của sự cai trị, chức phận và sự phục vụ trong vương quốc của Ngài. Cuộc tranh cãi trong thời điểm trang trọng và thiêng liêng đó là về việc ai trong các sứ đồ sẽ là người lớn nhất. Việc một sứ đồ mong ước được xem là lớn hơn những sứ đồ khác có thể khiến chúng ta ngỡ ngàng không tin được. Nhưng há chúng ta không hiểu tấm lòng của mình và nhận ra rằng các sứ đồ ngoài chức vụ quan trọng của họ thì họ vẫn chỉ là những con người giống như chúng ta. Nhưng cũng vì vậy mà Chúa của chúng ta đã phải chỉ ra cho họ thấy ý tưởng về quyền lực và thống trị mà họ đã hấp thụ cách không suy nghĩ là hoàn toàn không được đối mới như thế nào. *Các vua của các dân ngoại lấy phép riêng mình mà cai trị, những người cầm quyền cai trị được xưng là người làm ơn (Luca 22:25).*

Và ngày nay thì quyền thế vẫn thường nằm trong số người không phải thật sự để phục vụ người khác nhưng để nâng cao địa vị cá nhân, để có được quyền lực và khả năng điều khiển cuộc sống của những người khác. Và bởi một vài sự xoay chuyển lạ thường về lôgic thì danh hiệu Người Làm Ôn không còn dành cho những người thật sự làm việc và phục vụ, nhưng cho những người ngồi trên ghế cao và được những kẻ khác phục vụ. *Nhưng giữa vòng các người thì đừng làm như vậy,* Chúa phán với các sứ đồ của Ngài. Họ có thể được định để giữ những chức vụ cao trong hội thánh mà không ai có thể cao hơn ngoại trừ chính Đấng Christ, nhưng họ không được có suy nghĩ trong đầu rằng chức vụ trong hội thánh cũng giống như chức vụ trong những cường quốc ngoại đạo bên ngoài. Ngược lại, Chúa

phán, *song ai lớn hơn trong các người phải như kẻ rất nhỏ, và ai cai trị phải như kẻ hầu việc* (Luca 22:26).

MỘT TÂM GƯƠNG TOÀN HẢO

Ở đây, chúng ta thấy rõ ràng rằng nếu một chính phủ có những viên chức cư xử đúng đắn như vậy thì đó sẽ là khởi đầu của thiên đàng trên đất. Nhưng lời giảng của Chúa không phải chỉ là những lời nói theo hướng duy tâm, không có thực và trống rỗng. Những gì Ngài đã dạy cho các sứ đồ của Ngài thì chính Ngài cũng đã làm trọn và vẫn tiếp tục làm như thế. Vì một người ngồi ăn với một người hầu việc, Chúa phán, *ai là lớn hơn? Có phải là kẻ ngồi ăn không? Nhưng Ta ở giữa các người như kẻ hầu việc vậy* (Luca 22:27).

Luca kể cho chúng ta (18:35-43) rằng một lần kia, khi Chúa Giêxu đi đến thành Giêricô. Có một người ăn mù mù ngồi bên vệ đường nghe tiếng đoàn dân đang đến gần. Ông ta khám phá ra rằng đó chính là Chúa Giêxu đến với đoàn dân đông vây chung quanh, và ông quyết định cầu xin Chúa làm một việc gì đó cho đôi mắt mù loà của ông. Một cách rất khôn khéo – có lẽ do bị mù loà nên phần nội tâm của ông rất sâu sắc chăng? – ông tung hô Chúa là Con Vua Đavít, có nghĩa là như một vị vua vĩ đại và vinh hiển của Ysoraên, và cầu xin Ngài rủ lòng thương xót ông.

Đám đông ngay lập tức bảo ông phải im lặng. “Hãy xem,” họ nói một cách chắc chắn, “người kêu la như thế cũng chẳng có ích lợi gì đâu. Giêxu này là một Nhân vật rất quan trọng. Thật ra, cũng có thể như người nói rằng Ngài chính là một vị Vua vĩ đại; và nếu không phải như vậy thì Ngài chắc chắn là một diễn giả và một nhà tiên tri đại tài. Những vị vua và tiên tri không thể cứ dừng tại mỗi góc đường chỉ để thấy những nhu cầu của những kẻ ăn mày khốn khổ. Chúa Giêxu còn có nhiều việc khác quan trọng hơn để quan tâm.”

Nhưng ngay lúc đó, Chúa Giêxu đến ngang chỗ người ăn xin mù. Ngài dừng lại. “Hãy đỡ anh ta dậy và đưa đến đây cho Ta,” Ngài phán với những người đứng xung quanh. Và khi người ăn xin đến gần, Ngài hỏi: “Có phải người gọi ta chăng? Người cần gì?” “Vâng,” ông ngập ngừng, “mắt của tôi... Ngài biết rằng tôi bị mù. Ngài có thể, ý tôi là, xin cho tôi được sáng mắt” “Tất nhiên rồi,” Chúa phán, “vì lẽ ấy mà Ta đến, để phục vụ con người.” Và ngay lập tức Ngài ban ánh sáng cho người mù.

Thật là một điều kỳ diệu; và chắc chắn không phải để khoe khoang hầu được bình luận tốt trên báo chí, nhưng là để cho mọi người biết được ý Chúa, làm lớn ở đây có nghĩa gì, và như thế nào là một vị vua: đó là phục vụ ngay cả những người nhỏ nhất. Và chúng ta có thể biết chắc rằng bây giờ Chúa đã lìa nơi hạ trần của chúng ta và đang ngồi trên ngôi vinh hiển, nhưng quan niệm của Chúa về sự cao trọng vẫn y như lúc trước. Bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể trong lúc cần kíp quỳ xuống cầu nguyện thì Ngài vẫn sẽ đến với chúng ta và phán, “Có phải con gọi Ta chăng? Con đang cần gì?” Thật hạnh phúc cho những thần dân có một vị vua như thế!

Bài học trên phòng cao để lại một dấu ấn không phai tàn trong lòng Phierơ. Hãy nghe điều ông khuyên bảo các trưởng lão của một số hội thánh: *Tôi gửi lời khuyên như này cho các bậc trưởng lão trong anh em. . . hãy chấn bầy của Đức Chúa Trời đã giao phó cho anh em. . . chẳng phải bởi ép tình, bèn là bởi vui lòng, chẳng phải vì lợi dơ bản, bèn là hết lòng mà làm; chẳng phải quản trị phần trách nhiệm chia cho anh em, song để làm gương tốt cho cả bầy* (I Phierơ 5:1-3).

Cũng hãy nghe lời của Phaolô nói với các mục sư ở thành Êphêsô về sự phục vụ ông trông mong nơi họ: *Tôi chẳng ham bạc, vàng, hay là áo xống của ai hết. Chính anh em biết rằng hai bàn tay này đã làm ra sự cần dùng của tôi và của đồng bạn tôi. Tôi từng bày báo luôn cho anh em rằng phải chịu khó làm việc như vậy, để giúp đỡ người yếu đuối, và nhớ lại lời chính Đức Chúa Giêxu có phán rằng: Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh (Công vụ 20:33-35). Và nếu đây là thái độ và sự phục vụ được trông mong nơi các sứ đồ và những mục sư trong hội thánh, thì bài học dành lại cho chúng ta hiển nhiên là đủ.*

PHẦN THƯỞNG

Nhưng dù một cuộc đời được phước như thế nào đi nữa dưới sự cai trị của một vị vua như thế, thì sự thật không thể che dấu trong tình trạng hiện tại của thế giới này, những thành viên của vương quốc Đấng Christ không sớm thì muộn cũng sẽ được kêu gọi đối diện với gian khổ. Nhưng với tất cả những ai chịu khổ vì Ngài thì Ngài đưa ra phần thưởng trong tương lai. Cũng vậy, với những sứ đồ trên phòng cao thì Ngài phán, *Còn như các người, đã bền lòng theo Ta trong mọi sự thử thách ta, nên Ta ban nước cho các người, cũng như Cha ta đã ban cho Ta vậy, để các người được ăn uống chung bàn trong nước Ta, và được ngồi ngai để xét đoán mười hai chi phái Ysoraên (Luca 22:28-30).*

Phần thưởng được hứa ban gồm hai điều: điều thứ nhất là một môi thông công sâu đậm và đầy trọn hơn với chính Đấng Christ – ăn và uống chung bàn với Ngài – và điều thứ hai là cùng dự phần trong việc cai trị chính phủ của Ngài. Có một vấn đề nảy sinh ở đây: Khi nào thì những phần thưởng này sẽ được ban cho? Có phải Chúa muốn nói “ăn và uống chung bàn với Ngài” là tham dự Lễ Tiệc thánh của hội thánh? Và cụm từ “ngồi ngai để xét đoán mười hai chi phái Ysoraên” là một cách nói hình tượng để chỉ rằng các sứ đồ sẽ nắm quyền điều hành Hội thánh? Hay là việc ăn và uống tại bàn của Ngài nhằm nói đến một môi thông công đầy trọn hơn với vị Vua mà chúng ta sẽ vui hưởng trong lần đến thứ hai của Ngài? Và lời hứa được phán xét mười hai chi phái Ysoraên có phải hiểu đúng theo nghĩa đen của nó là trong vương quốc tương lai của Đấng Christ, khi Hội thánh đồng cai trị với Ngài thì phần các sứ đồ là trên các chi phái của Ysoraên?

Vấn đề này không đơn thuần chỉ mang tính trừu tượng lý thuyết. Trong giai đoạn đầu của lịch sử Cơ Đốc Giáo, và đặc biệt là sau sự cải đạo của thánh Constantine, ý tưởng này được chấp nhận một cách rộng rãi rằng theo Đấng Christ thì Hội thánh sẽ cai trị trên đất ngay bây giờ trong thời đại này, và do đó, bản phận của giáo hội là lập và truất ngôi vua chúa. Hơn thế nữa, bên cạnh đó còn có một ý tưởng khác song hành cho rằng giáo hội là một sự mở rộng và tiếp nối của quốc gia Ysoraên nên do đó cũng phải cư xử như vậy.

Điều này đã dẫn đến những hậu quả trầm trọng nhất. Ví dụ như, quốc gia Ysoraên trong thời hoàng kim theo chế độ thần quyền và những vị vua của nó được xem như là tổng trấn trực tiếp của Đức Chúa Trời trên đất. Tôn giáo và chính trị do đó hầu như trở thành một, và quyền lực tôn giáo được phép dùng quyền dân sự để củng cố những nguyên tắc và luật lệ của nó. Ví dụ như, nếu cư dân của một thành phố chuyển sang thờ hình tượng thì họ sẽ nhận được những lời cảnh cáo thích đáng, nhưng nếu họ vẫn không ăn năn thì vị vua sẽ khởi binh tiêu diệt thành phố, và dùng gươm tận diệt mọi cư dân trong thành phố (xem Phục 13:12-18).

Do đó, khi giáo hội có suy nghĩ trong đầu rằng giáo hội là một sự tiếp nối của nước Ysoraên, một cách hợp lý là nó sẽ hoạt động như thể giáo hội và chính quyền là một, và quyền dân sự nhằm làm vững mạnh những mệnh lệnh của giáo hội và trừng phạt tất cả

những ai đi ra ngoài luật đó. Những bắt bớ do người Tin lành hay Công giáo gây ra trên những người không theo đạo hay dị giáo, là bằng chứng hoàn toàn không chối cãi được cho việc thi hành ý tưởng rằng giáo hội là nước Ysoraên hiện đại và sẽ trị vì trên đất ngay lúc này.

LUẬT TƯƠNG LAI

Nhưng tất cả những chuyện này là một sai lầm khủng khiếp. Phần thưởng được đồng cai trị với Đấng Christ không bao giờ có nghĩa sẽ xảy ra trong hiện tại ngay thời đại này. Ngay từ ban đầu, Đấng Christ đã cho biết rõ ràng rằng phần thưởng này chỉ sẽ được ban tặng khi Ngài trở lại lần thứ hai. Điều này sẽ thấy ngay nếu chúng ta so sánh phân đoạn mà chúng ta đã đọc lúc trước trong Luca với hai phân đoạn tương tự trong Phúc Âm Mathiơ.

Điểm chú ý đầu tiên là cụm từ *ngồi trên ngai xét đoán mười hai chi phái Ysoraên* xuất hiện theo nghĩa đen trong Mathiơ 19:28: *Đức Chúa Giêxu đáp rằng: “Quả thật Ta nói cùng các ngươi, đến kỳ muôn vật đổi mới, là khi Con Người sẽ ngự trên ngai vinh hiển của Ngài, thì các ngươi là kẻ đã theo Ta cũng sẽ ngồi trên mười hai ngai mà xét đoán mười hai chi phái Ysoraên.”*

Tại đây cho biết thời giờ phán xét là khi Con Người ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài. Lúc đó là khi nào? Chúng ta không cần phải đoán: Mathiơ 25:31-32 cho chúng ta biết một cách rõ ràng: *Khi Con Người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài. Muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người khác ra như kẻ chăn chiên chia chiên với dê ra.*

Điều này không còn nghi ngờ gì nữa là sự mô tả lần trở lại thứ hai của Chúa chúng ta, trong quyền năng và vinh hiển lớn để cầm quyền trên cả thế giới này và thiết lập vương quốc của chính Ngài. Tất nhiên đây chính là điều mà các sứ đồ và Hội thánh đầu tiên đã hiểu.

Phải thừa nhận rằng một số Cơ Đốc Nhân tại thành Côrinthô đã hành động như thể thời gian chịu khổ đã qua và giờ trị vì đã đến. Nhưng Phao lô giáng cho họ những lời quở trách dường như rất cay độc: *Anh em được no đủ, được giàu có rồi, chẳng nhờ chúng tôi, anh em đã khởi sự cai trị; thật mong cho anh em được cai trị, hầu cho chúng tôi cũng cai trị với anh em!... Vì... cho đến bây giờ chúng tôi vẫn chịu đói khát, trần mình, bị người ta vả trên mặt, lưu lạc rày đây mai đó. Chúng tôi dùng chính tay mình làm việc khó nhọc; khi bị rửa sả, chúng tôi chúc phước; khi bị bắt bớ, chúng tôi nhịn nhục; khi bị vu oan, chúng tôi khuyên dỗ; chúng tôi giống như rác rến của thế gian, cặn bã của loài người, cho đến ngày nay. (I Cô 4:8-13).*

Nhưng nếu việc đồng cai trị với Đấng Christ không phải là điều được ban cho Cơ Đốc Nhân trong hiện tại, nhưng là một điều được hứa trong tương lai, thì nó nhằm đem lại ảnh hưởng sâu rộng trên cuộc sống của người đó ngay bây giờ, khích lệ lòng trung thành và thêm sức để họ có thể vì Đấng Christ chịu đựng mọi gian khổ khó khăn. Rõ ràng điều này đã để lại những ảnh hưởng trên các giáo sĩ, những người tử vì đạo và trên tất cả những ai đã hy sinh hay chịu đựng gian khổ như vậy vì Đấng Christ và vì Tin Lành.

Hãy dành những lời cuối cùng một lần nữa cho Phao lô. Khi viết cho Timôthê từ trong tù, ông nói: *Hãy nhớ rằng Đức Chúa Giêxu Christ, sanh ra bởi dòng vua Đavít, đã từ kẻ chết sống lại, theo như Tin lành của ta, vì Tin lành đó mà ta chịu khổ, rất đối bị trói như người phạm tội; nhưng đạo của Đức Chúa Trời không hề bị trói đâu. Vậy nên, ta vì có những người được chọn mà chịu hết mọi sự, hầu cho họ cũng được sự cứu trong Đức Chúa Giêxu Christ, với sự*

vinh hiển đời đời. Lời này chắc chắn lắm: ví bằng chúng ta chết với Ngài, thì cũng sẽ sống lại với Ngài; lại nếu chúng ta chịu thử thách nổi, thì sẽ cùng Ngài đồng trị; nếu chúng ta chối Ngài, thì Ngài cũng sẽ chối chúng ta; nếu chúng ta không thành tín, song Ngài vẫn thành tín, vì Ngài không thể tự chối mình được. (II Tim 2:8-13).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phần thưởng nào mà Đấng Christ hứa ban cho những ai theo Ngài và chịu khổ với Ngài?
2. Khi nào thì những phần thưởng này được ban tặng và vì sao điều này lại quan trọng?
3. Tấm gương của Phierơ và Phao lô dạy chúng ta điều gì về bản chất sự phục vụ trong Cơ Đốc Giáo và lối sống của những người với trách nhiệm Cơ Đốc?
4. Chúng ta học được gì từ thái độ của Chúa Giê-xu đối với người mù về sự chăm sóc của Ngài đối với những người đang có nhu cầu?

CHƯƠNG 12

CHỨC TẾ LỄ NHÀ VUA VÀ TỘI PHẠM HOÀNG GIA

Thánh Kinh: Luca 22:31-38

Việc đề cập đến sự chịu khổ và phân thưởng đã dẫn Chúa của chúng ta suy nghĩ đến Phierô và cơn bão đã từng một thời hoành hành và bây giờ lại sắp xảy ra trên ông. Satan đang chuẩn bị tiến hành một cuộc tấn công toàn diện trên nhóm nhỏ các sứ đồ, và mục tiêu đặc biệt của nó là Simôn Phierô. Chúa đã thấy trước cả; vì Satan không được phép tấn công bất kỳ Cơ đốc nhân nào theo ý nó. Điều mâu thuẫn về sự phù hộ của Đức Chúa Trời trên thế giới này thật khó để những con người hữu hạn như chúng ta am hiểu được. Kinh thánh cho biết rằng trước khi Satan có thể tấn công đức tin của một Cơ đốc nhân, như đã nói, nó phải được phép.

Giống như tộc trưởng Gióp, khi Satan được cho ra mắt Đức Chúa Trời, nó than phiền về việc Ngài đã đặt một hàng rào bảo vệ Gióp khỏi mọi tai họa và do đó, theo nó, tình yêu Gióp đối với Đức Chúa Trời không phải là tình yêu vô vị lợi. Vì vậy Satan yêu cầu để được phép tấn công Gióp, quả quyết rằng nếu nó được phép hủy hoại tài sản, gia đình và sức khỏe của ông thì cuối cùng nó sẽ khiến ông rửa sả Đức Chúa Trời và qua đó cho thấy ông không có đức tin thật. Đức Chúa Trời cho phép Satan nhưng Ngài giới hạn điều nó được làm. Vì, như Phao Lô nói, *Đức Chúa Trời là thành tín, Ngài chẳng hề cho anh em bị cám dỗ quá sức mình đâu; nhưng trong sự cám dỗ, Ngài cũng mở đường cho ra khỏi, để anh em có thể chịu được* (I Cô 10:13). Đức Chúa Trời phải để đức tin của con cái Ngài được thử nghiệm, nhưng Ngài không bằng lòng để đức tin đó bị tan vỡ.

Cho nên khi các môn đồ bị tấn công, chúng ta nhận được từ lời Chúa rằng Satan phải được phép trước: *“Hỡi Si-môn, Simôn, này, quỷ Sa-tan đã đòi sàng sảy ngươi như lúa mì.”* (Lu 22:31)

Lối ẩn dụ sinh động và có tính giáo dục. Người ta sàng lúa không phải để bỏ đi những hạt lúa tốt và chắc nhưng là để phân biệt ra rơm rạ và những hạt lúa lép khỏi những hạt lúa có giá trị. Và dù động cơ tấn công của Satan vào tín đồ có thể nào đi nữa thì ảnh hưởng của sự cám dỗ nó cuối cùng là hoàn thành ý muốn của Đức Chúa Trời, để lấy ra khỏi đời sống người tin Chúa mọi điều giả mạo, vô giá trị, và những gì chân thật sẽ được bền vững.

NHỮNG HẠN CHẾ CỦA SA TAN

Nhưng trong khi Satan chuẩn bị tấn công vào 12 sứ đồ, dường như mục tiêu chính của nó là nỗ lực phá hoại đức tin của Phierô để ông không còn khả năng phục hồi được. Chúa nói với Phierô, *“Song ta đã cầu nguyện cho ngươi, hầu cho đức tin ngươi không thiếu thốn.”* Những lời ngăn ngừa này chứa đầy sự diệu kỳ tuyệt vời. Trước hết, chúng ta được cho biết rằng Đấng Christ không chỉ nhìn thấy rõ sự tấn công của Satan trước khi những người tin Chúa bị tấn công nhận thức được những gì đang xảy ra, nhưng Ngài còn phó mình vào sự cầu nguyện để đảm bảo những ý định gian dối của Satan sẽ bị thất bại. Qua điều này, chúng ta đối diện với sứ mạng chính hiện nay của Chúa chúng ta: *Ngài luôn sống, như Hêb 7:25 chép, để cầu thay cho dân sự Ngài.*

Tuy nhiên, lưu ý rằng sự cầu thay của Chúa không phải chỉ là những lời cầu thay tổng quát, mập mờ cho toàn thể Hội Thánh; Chúa nói với Phierô: *Ta đã cầu nguyện cho ngươi* (đại từ

ở đây là số ít), dĩ nhiên chúng ta không thể suy diễn từ câu này để nói rằng Chúa đã không cầu thay cho những người khác, nhưng chúng ta được cho thấy Đức Chúa Jesus nhận biết nhu cầu đặc biệt của mỗi cá nhân, và Ngài cầu nguyện cách riêng tư cho từng người và cho từng nhu cầu. Dân Ysoraên thuở xưa, khi thầy tế lễ Thượng phẩm bước vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời để cầu thay cho dân sự, ông ta mang một bảng đeo ngực, trên đó viết từng tên của 12 chi phái Ysoraên. Nhưng đó chỉ là một biểu tượng. Thực tế còn vinh diệu hơn nhiều. Mỗi Cơ đốc nhân được biết rằng khi Đấng Christ còn tiếp tục sứ mạng cầu thay của Ngài trước Đức Chúa Trời thì mỗi tên được nêu ra cách cá nhân trước sự hiện diện Thánh bởi Đấng Cầu thay, là Đấng biết rõ từng cá tánh riêng biệt, Ngài biết rõ những yếu đuối và những khó khăn thử thách của mỗi người.

Nhưng xin chú ý chính xác những gì Chúa Jesus cầu nguyện cho Phierơ: Ngài cầu xin cho đức tin của ông không thiếu thốn. Ngài không xin cho Phierơ được can đảm, có lòng tin kính, ngoan đạo; Ngài cũng không xin cho ông có những lời làm chứng mạnh mẽ, nhưng Ngài xin để đức tin ông không thiếu thốn. Trong tình cảnh khi mọi điều khác đã thất bại: nghị lực bỏ ông, lòng can đảm xa rời ông, lời chứng Cơ đốc đã tan thành mảnh vụn khi ông đứng trước các tội tớ của thầy cả Thượng phẩm, cố sử dụng tất cả những lời lẽ ông biết để thuyết phục họ rằng ông không phải là người của Christ; nhưng trong lúc mọi điều khác thất bại, đức tin ông được nắm giữ. Sâu kín trong ông là niềm tin không phai tàn.

TRẬN CHIẾN ĐỨC TIN

Thế là trận chiến đức tin đã thắng, và thật không thể phóng đại khi nói rằng chiến thắng này quan trọng như thế nào. Nếu nó thua thì sẽ bị mất tất cả. Kinh Thánh tuyên bố sự cứu rỗi là một món quà tặng nhưng nó đòi hỏi phải được đón nhận bằng đức tin. Điều khoản là: “Ai tin Con, thì được sự sống đời đời;” (Gi 3:36) Nếu Satan có thể phá vỡ đức tin của một tín đồ, người đó sẽ không còn là một Cơ đốc nhân và tất cả sẽ mất. Mọi liên hệ giữa Đức Chúa Trời và người được cứu là một liên hệ đức tin. Nó phải là: tất cả mọi liên hệ cá nhân bao gồm niềm tin giữa những người có liên quan, và sự liên hệ này là quan trọng nhất. “*Vả, không có đức tin, thì chẳng hề có thể nào ở cho đẹp ý Ngài*” (Heb 11:6).

Không lạ gì khi mục đích chính của Satan là tìm cách tấn công và tiêu diệt đức tin của tín đồ. Tình thế sẽ vô hy vọng khi người tín đồ bị bỏ lại tại điểm yếu nhất này để đối mặt với sự hung dữ quỷ quyệt của chính Satan mà chẳng biết đến hậu quả. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã trang bị mọi yếu tố cho sự cứu chuộc chúng ta, đã không bỏ qua nhu cầu cấp thiết này, Ngài đã sẵn sàng một sự che chở cho đức tin chúng ta, hoàn toàn không thể phá hủy được, trong thân vị của chức tế lễ nhà vua, *Đấng hằng sống để cầu thay cho chúng ta* (Heb 7:25).

Tất nhiên là mọi bảo đảm cho sự sống còn của đức tin Phierơ thuộc về Chúa và lời cầu thay của Ngài, vì thế không có gì phải ngạc nhiên khi Chúa nói về vấn đề này cách chắc chắn. *Vậy, đến khi người đã hối cải*, Ngài phán - Phierơ, không phải là ‘nếu người hối cải’ nhưng là ‘khi người đã hối cải’ - “*hãy làm cho vững chí anh em mình.*” (Lu 22:32)

Chẳng nghi ngờ gì việc Phierơ có hồi phục được hay không vì Đấng Christ đã cầu nguyện cho đức tin ông không thiếu thốn, Chúa chưa từng có lời cầu nguyện nào không được bảo đảm cho mục tiêu của nó và trong tương lai cũng vậy. Cứ cho là có vài giờ trong sân thầy cả thượng phẩm, khi mọi người chỉ biết Phierơ bề ngoài có lẽ đã kết luận rằng ông không phải là người tin Chúa, hoặc chưa từng bao giờ là người có niềm tin thật sự, mà nếu ông đã có,

thì bây giờ đức tin của ông hẳn đã mất hết rồi. Nhưng cho dù tất cả vẻ ngoài tương phản đó, sự thật bên trong khẳng định rằng đức tin ông đã không và chưa từng bị mất.

Và chúng ta có thể chắc chắn rằng nơi đâu có đức tin thật và chân chính được rèn thử trong Chúa thì Ngài sẽ duy trì đức tin đó, cho dù đôi lúc nó có thể bị chà đạp hay thấy dường như thỏa hiệp từ thái độ bên ngoài của một người, Chúa sẽ vẫn luôn duy trì và mang nó đến chiến thắng cuối cùng. Do đó, Đức Chúa Trời muốn mỗi một Cơ đốc nhân trong Đấng Christ hiểu và lớn lên mạnh mẽ trong nhận thức rằng *“Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy”* (Hê 7:25).

KHÔNG XA SỰ THẤT BẠI

Khi Chúa bảo Phierơ rằng ông ta sắp sửa bị Satan tấn công và bởi đó ông sẽ chửi Chúa ba lần, hiển nhiên Phierơ đã rất không bằng lòng. Ông thấy thật khó để tin được. Ông cảm thấy như Chúa đã đoán xét ông không công bằng và đánh giá quá thấp nghị lực, lòng trung thành và tận hiến của ông. Ông nói như trách Chúa: *“Thưa Chúa, tôi sẵn lòng đi theo Chúa, đồng tù đồng chết”* (Lu 22:33).

Chắc chắn Phierơ đã rất thành thật để nói như vậy. Ông đã không thiếu lòng can đảm: tại vườn Ghết-sê-ma-nê, khi đám lính trang bị đầy đủ đến bắt Chúa, Phierơ đã rút gươm, một mình đối mặt với chúng. Nhưng Phierơ đã không biết rằng bản chất ông, có lẽ lẫn giữa tính nóng nảy với sức chịu đựng tinh thần, có sự yếu đuối, mà Satan đã biết cách lợi dụng khi nó đem Phierơ ra khỏi vùng đất quen thuộc của ông để bước vào những tình huống xa lạ và khiếp sợ. Và rồi, không có khả năng giữ lấy lời Chúa trong giá trị thật của chúng, Phierơ tự tin vào tính can đảm sẵn có của mình như bao lâu nay, ông theo chân Chúa, khi Ngài bị đám lính dẫn đi đến sân thầy tế lễ cả, và theo như Mathiơ tường thuật (Mat 26:58) ông đã bước vào bên trong, cùng ngồi với những kẻ canh giữ để theo dõi mọi diễn biến, ai biết được họ theo dõi kết thúc của vụ án hay là kết thúc của Chúa Jesus?

Nhưng Phierơ không thấy kết thúc của Chúa Jesus mà chỉ thấy kết thúc của chính ông. Ngay lúc này, sự tấn công vô cùng chính xác và hết người của kẻ thù bắt đầu. Ngay lập tức Phierơ gặp khủng hoảng, ông cố chống đỡ, nhưng giống như việc cố chống đỡ làn đạn lửa với đôi tay không. Những câu hỏi xé tan ông ra, tiềm ẩn trong đó không gì khác hơn là nỗi sợ hãi và sự khiếp nhược. Ông cố che đậy nó; ông đã chửi bới và thề thốt nhưng không ai bị thuyết phục. Tất cả bọn họ đều có thể nhìn thấu con người ông. Phierơ không hề giả vờ là người giỏi về thần học giống như Giăng. Nhưng ông luôn cho mình là người mạnh mẽ và thực tiễn; và lòng yêu Chúa của ông không hề thua kém ai.

Giờ thì bức tranh tinh thần của ông đã bị đập nát và chính ông bị hạ xuống làm kẻ hèn nhất qua vài lời của một cô tớ gái và những lời giễu cợt dọa dẫm của vài tên lính tầm thường. Ông không thể hiểu nổi. Ông cảm thấy mình đang rơi xuống một vực thẳm và điên cuồng cố hết sức tìm lấy một chỗ nắm nào đó để kéo mình lên, ông không còn khả năng nhận biết chính mình hay bất cứ điều gì khác. Đó là một cơn ác mộng.

Rồi có tiếng gì kia? Ồ, chỉ là tiếng gà gáy! Thành linh ông nhớ lại. Ông ngược nhìn lên và ngay lúc đó, Chúa Jesus quay đầu lại, từ nơi Ngài đứng ở phía bên kia sân, nhìn thẳng vào ông. Không có một lời nào; nhưng ngay lập tức Phierơ nhớ lại những gì Chúa đã nói về ông trên phòng cao. Và nhớ lại là chính ông đã dám phản đối lại Ngài! Bây giờ Chúa phải thế nào về ông? Điều này thật quá sức và ông không thể đối mặt hơn được nữa. Ông đứng lên tìm đường ra cửa.

Bản năng đầu tiên của ông hẳn phải là chạy trốn, chắc chắn không phải trốn khỏi toán lính của thầy tế lễ cả, vì sự chết vào lúc này trong chừng mực nào đó dường như có vẻ lời cuốn; nhưng là chạy trốn khỏi Chúa Jesus, trốn khỏi những người bạn đồng môn, chạy trốn khỏi sự thất bại của ông, hay có lẽ là chạy trốn chính ông. Thà vậy còn hơn quay lại, sẽ dễ dàng hơn cho ông khi từ bỏ mọi lời tuyên xưng đức tin và thể hiện một thái độ hoài nghi không quan tâm.

Nhưng đó là tiếng gà gáy, nó tiếp tục vang trong đầu ông. Ông có thể nghe nó vang lên một lần và rồi một lần nữa, rồi đến lần thứ ba, đúng như lời Chúa nói trước đây. Mỗi lần gà cất tiếng gáy, Phierơ hồi tưởng lại tất cả mọi việc đến từng chi tiết nhỏ đầy xấu hổ. Ông lại càng day dứt.

Dường như tiếng gà lại một lần nữa cất lên, nhưng lần này khác hẳn. Nó như một đám mây đen vừa được cất bỏ và ánh sáng lại chiếu soi xuyên suốt. Có nhớ không? Đó là những gì Chúa đã cố nói với tôi khi Ngài nhìn tôi từ phía bên kia căn phòng. Và khi tiếng gà gáy lần thứ ba, tôi đã ngược lên để nhìn thấy mắt Ngài. Vậy là Chúa đã không quở trách tôi. Ngài chỉ muốn nhắc tôi nhớ lại rằng Ngài đã biết tất cả mọi điều trước khi nó xảy ra. Tôi chỉ mới khám phá ra sự thất bại của mình nhưng Chúa đã biết nó rồi. Ngài hẳn đã nhận biết điều này khi Ngài bảo với chúng tôi *“Và, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế gian, chẳng phải để đoán xét thế gian đâu, nhưng hầu cho thế gian nhờ Con ấy mà được cứu”* (Giăng 3:17). Và khi lần đầu tôi đến gặp Ngài, Chúa đã phán rằng tôi là Si-môn nhưng Chúa sẽ khiến tôi trở nên một viên đá sống (I Phi 2:5; Gi 1:42). Ngài hẳn đã biết chính xác tôi như thế nào, thế nhưng Ngài vẫn đã có lời hứa. Và Chúa đã nói gì? *“Khi người đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình.”* Như vậy là Đấng Christ không những biết tôi sẽ sa ngã, nhưng Ngài còn muốn tôi biết trước rằng Ngài nhìn thấy tôi vượt qua và quay về, Chúa muốn tôi biết rằng Ngài vẫn dùng tôi và Ngài có một tương lai cho tôi.

CHIẾN THẮNG RÕ RÀNG

Và thế là Phierơ quay về. Lời cầu nguyện của Chúa đã thắng. Không phải uổng phí khi Chúa lập một giao ước trong huyết Ngài để viết lời Ngài vào lòng Phierơ, để khiến Phierơ trở nên một con người thật và trung thành với Đức Chúa Trời. Thời điểm thất bại của ông cũng dự phần vào trong tiến trình tạo nên con người ông, và qua ông, vô số những người khác đã được thánh hóa. *“Khi người đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình,”* Chúa phán (Lu 22:32).

Phierơ đã nhớ lại cuộc tấn công này; và trong bức thư thứ nhất của mình, ông đã đưa ra chỉ một vấn đề. Đức tin của anh em, ông chỉ rõ cho các tín đồ, quý hơn vàng hay hư nát. Nhưng giống như vàng, lúc đầu nó lẫn những tạp chất, cần bã các loại: có thể đó là sự kích động hay sự tự tin và kiêu hãnh, hoặc là kinh nghiệm gián tiếp hay thậm chí là những quy định ngây ngô trẻ con. Và vì thế, nó phải được tôi luyện; giống như người thợ vàng luyện lọc vàng bằng cách cho nó vào lò lửa với sức nóng cao độ, Đức Chúa Trời cũng phải để cho anh em trải qua đủ mọi thử thách, rèn tập.

Vậy, đừng ngạc nhiên khi chúng xảy ra, chớ lấy làm lạ như mình gặp một việc khác thường. Đức tin của anh em cuối cùng sẽ sanh ra sự ngợi khen, tôn trọng, vinh hiển cho anh em khi Đức Chúa Jesus Christ hiện ra (I Phi 1:6- 9; 4:12). Do đâu Phierơ có sự quả quyết này? Trước hết là nhờ lời Chúa và sự cầu thay của Ngài. Và rồi nhờ bởi kinh nghiệm của chính ông. Dĩ nhiên, mọi người đều biết rằng dầu người thợ vàng cho vàng của ông ta qua lửa và để nó tan chảy, ông sẽ không bao giờ để mất một chút vàng thật nào, tất cả những gì ông muốn bỏ ra là sạn bã.

TỘI PHẠM HOÀNG GIA

Thêm một điều Chúa phải nói với môn đồ Ngài trước khi họ rời phòng cao và đi vào vườn Ghết-sê-ma-nê để đối mặt với thập tự giá. Chúa phải cho họ hiểu rõ, hay ít nhất càng rõ càng tốt vào lúc đó, những ngụ ý về mọi điều sắp xảy ra. Chính Ngài, một vì Vua, sẽ phải bị tuyên bố là kẻ tội phạm. Chẳng có gì phải ngạc nhiên: Nhiều tiên tri đã báo trước rất lâu về việc đó. Nhưng đối với các môn đồ, điều đó sẽ là một thay đổi hoàn toàn trong cách tiến hành sứ mạng của họ đối với thế giới sau này. Nhiều dịp rước đây, khi Chúa sai môn đồ Ngài đi rao giảng Phúc âm và tuyên bố sự hiện đến của Vua, Chúa đã muốn người Do thái phải chi trả các khoản phí tổn hằng ngày cho môn đồ Ngài. Chúa có quyền đòi hỏi điều đó vì Ngài là Đấng Mê-sia, là Đức Chúa Trời của họ. Ngài có uy lực của vua để trưng dụng mọi điều có cần cho Ngài và những kẻ phục vụ Ngài.

Nhưng giờ đây Chúa sẽ bị tuyên án là một tội phạm, và sẽ bị xử tử. Ngài không phản kháng hay cố chống trả để giành lại quyền hạn của Ngài. Vì vậy, môn đồ Ngài và những kẻ theo Ngài không còn có thể mong đợi dân tộc họ curu mang họ, trả lương cho họ hay cung cấp tiền cho chức vụ của họ hoặc cho việc xây cất hội thánh. Họ sẽ phải tự cung cấp cho chính mình và chiến đấu vì trận chiến của họ. “*Ai không có gươm,*” Chúa bảo, “*hãy bán áo ngoài đi mà mua.*” Các sứ đồ thưa rằng, “Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây” – Như thế Chúa nói điều đó theo nghĩa đen! Vì sao? Nếu Chúa có ý như vậy thì hai thanh gươm sẽ là số lượng không thích hợp một cách đáng thương để đáp ứng sự đối kháng lúc đó.

Chẳng bao lâu sau, họ được hiểu, như Phao lô nói, “*những khí giới mà chúng tôi dùng để chiến tranh là không phải thuộc về xác thịt đâu*” (II Cô 10:4) nhưng bấy giờ tâm trí họ đầy những điều mới lạ. Họ bị kích động và có lẽ sợ hãi không ít. Thời giờ cũng đã tới và họ cần tất cả sức lực họ có để tập trung đối diện với sự căng thẳng của những giờ sẽ đến. Vì vậy mà họ đã không thật sự nhận thức được tình trạng thực tế của cuộc chiến trước mắt, và cũng chưa bắt đầu hiểu được những gì vì Vua phải đối diện. Khi bước vào trận chiến, họ đã ngủ gục và cuối cùng đã bỏ rơi Ngài; Chúa đã phải chiến đấu một mình, không nhận được sự yểm trợ nào ngay cả bởi tình thân từ những lời cầu nguyện của họ.

Nhưng Ngài sẽ thắng trận; Chúa đã có thể thấy trước, không như họ; khi tất cả những lời hứa của Giao ước Ngài được thực hiện, họ cũng sẽ thấy. Niềm vui về điều này đã nâng tâm hồn Ngài lên. Nhưng ngay vào lúc này, Giao ước chưa được ký kết, Vua phải ký nó bằng chính huyết Ngài. Giao ước sẽ không có hiệu lực nếu Ngài không chết. “Được rồi”, Chúa phán, khi họ đứng đó sẵn sàng dâng cho Ngài những lưỡi gươm, nghĩ rằng bằng bất cứ giá nào cũng phải ngăn cản Ngài khỏi sự chết. “Được rồi! Các người hiện giờ chưa hiểu rõ, nhưng rồi các người sẽ hiểu. Hãy chuẩn bị, chúng ta phải đi.”

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Những bài học nào Phierơ đã học được cho chính mình qua kinh nghiệm chối Chúa của ông và sự tha thứ của Ngài? (I Phi 1: 6- 9; 4:12)
2. Vì sao Chúa cho phép Phierơ bị thử thách?
3. Tại sao đức tin của chúng ta rất quan trọng? (Chúa Jesus đã đặc biệt cầu nguyện cho đức tin của Phierơ.)
4. Có chứng cứ nào cho thấy Chúa quan tâm đến từng cá nhân chúng ta và những nhu cầu đặc biệt của chúng ta?

LOẠT BÀI 4

NHỮNG CHUYỆN KỂ THỜI THƠ ẤU

XACHARI VÀ NỖI ĐAU DO THIẾU NIỀM TIN

SỰ SINH HẠ ĐỒNG TRINH

CHƯƠNG 13

XACHARI VÀ NỖ ĐAU ĐÓN DO THIẾU NIỀM TIN

Kinh Thánh: Luca 1:1-23

Đối với nhiều người, ý tưởng về một người chẵn chiên và bảy chiên của anh ta gợi lên một cảm xúc mạnh mẽ và dễ chịu. Tiếng kêu ngậy thơ của bảy chiên và việc không tự bảo vệ được của những con cừu cái kêu gọi bản năng che chở của họ, nó được đồng cảm với hình ảnh người chẵn chiên chăm sóc bảy chiên của mình với tình yêu thương và dẫn dắt chúng bằng sự chân thành quả cảm. Do đó cảnh tượng được Lu-ca mô tả bên ngoài thành Bết-lê-hem trông thật mê mông: Bầu trời sẫm màu trên cao, những người chẵn chiên nằm ngoài cánh đồng canh giữ bảy chiên, họ ngược lên nhìn những ngôi sao sáng nhưng tĩnh lặng; thỉnh thoảng có tiếng kêu của các con chiên và sự yên tâm thỏa mãn của những con cừu cái nhận thức được an toàn bởi sự hiện diện của người chẵn chúng. Và rồi thành linh, sự vinh quang xuất hiện đột ngột với các thiên sứ từ thế giới trên cao, tất cả đều vui mừng ca ngợi, tuyên bố sự xuất hiện của Đấng sẽ là Cứu Chúa và Đấng bảo vệ cho con người, như những người chẵn chiên bảo vệ bảy chiên họ. Câu chuyện thật hấp dẫn không chối cãi được nhưng nó có thật không?

Để có cái nhìn đúng vào câu hỏi này, trước hết chúng ta cần biết những người chẵn chiên và bảy chiên của họ cách thực tế hơn. Nghề chẵn chiên lúc đó, cũng như bây giờ, là một công việc chịu mùi hôi thối, làm việc khó nhọc và với thời gian dài, đôi khi cực kỳ nguy hiểm. Trong đêm đặc biệt này, những người chẵn cừu ra ngoài cánh đồng, không phải vì ưa thích trông xem bảy chiên vào ban đêm nhưng bởi vì họ không tin tưởng những người đồng hương, những người này sẽ đánh cắp chiên nếu họ không coi xem chúng; và cũng để ngăn chặn thú dữ tấn công vào xé chiên. Họ không thể để kẻ trộm và thú dữ giết chiên của họ được: họ muốn sau đó sẽ làm thịt chiên nuôi gia đình họ hoặc bán chúng cho người khác với cùng một lý do. Sự chiến đấu liên tục của họ chống lại thú hoang hung dữ và tội ác con người, ganh đua vì những đồng cỏ và chiến đấu chống lại bệnh tật đều là, khi người ta nghĩ về nó, đặc trưng của cuộc sống con người.

Tất cả điều này cho câu hỏi rõ ràng hơn: có phải câu chuyện của Luca về các thiên sứ là một sự thật xác đáng? Thật có một nơi đầy vinh hiển không chết chóc bên ngoài thế giới này, quan tâm đến thế giới chúng ta và muốn cứu chúng ta chăng? Hay phải chăng câu chuyện của Luca cũng chỉ là một ví dụ khác về phương cách chúng ta tiếp tục cố che dấu những thực tế không vui về sự tàn ác và sự chết đang bao trùm quanh cuộc sống chúng ta bằng cách phủ lên đời sống một thứ bùa mê của sự xúc cảm nên thơ?

TƯỞNG TƯỢNG LÃNG MẠN?

Như đã nói, cảm xúc chúng ta có trên những người chẵn và bảy chiên không phải hoàn toàn sai lầm: ngay cả cho dù người chẵn một ngày kia sẽ phải làm thịt chiên của ông ta thì sự chăm sóc ông dành cho chiên là thật sự khi nó còn tồn tại. Dĩ nhiên người chẵn và sự quan tâm của ông ta không phải là những tưởng tượng thực tế được mong ước bởi những con chiên như là hình thức tự an ủi để giúp chúng đối mặt với những con sói làm chúng sợ hãi. Nhưng các thiên sứ trên thiên đàng và Đấng Thánh Cứu chuộc như Luca mô tả là ai? Họ có phải là những thực tế khách quan như người chẵn và sự quan tâm của ông? Hay chúng đơn giản là những tưởng tượng chủ quan, qua đó các tín đồ Cơ đốc xưa cổ làm đầy

tâm trí họ như một tấm chắn chống đỡ những thực tế xấu xa của đời sống? Và như thế, tất cả những câu chuyện huyền bí khác bao quanh sự giáng sinh của Đấng Christ có thật không? Có thật theo nghĩa đen và xác thực chăng?

NHỮNG CHUYỆN THẦN THOẠI TIỀN KHOA HỌC?

Dĩ nhiên là những kẻ vô thần không tin vào các câu chuyện này. Nhưng khá lạ lùng là không chỉ những kẻ vô thần. Nhiều người dù công nhận thần tánh của Đấng Christ vẫn thừa nhận chính họ không thể tin vào yếu tố lạ lùng trong những câu chuyện này. Tuy nhiên, mong ước bảo vệ niềm tin của mình vào Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời nhưng lại không thể chấp nhận câu chuyện Giáng sinh là hoàn toàn xác thực, họ cố trốn chạy tình trạng tiến thoái lưỡng nan này bằng nhiều cách. Một số cho rằng chúng là những câu chuyện đạo giáo hư cấu rất hay nhưng không đúng trong thực tế lịch sử. Họ cho rằng chúng được tạo ra bởi những tín đồ đầu tiên, những người đã tin vào sự Phục sinh của Chúa Jesus là con Đức Chúa Trời, đã bày tỏ đức tin của họ vào sự vinh hiển và cao trọng của Chúa bằng cách tạo ra những câu chuyện thần thoại này và gắn chúng lên như vàng hào quang bao quanh sự kiện câu chuyện giáng sinh của Ngài.

Một số khác có sự giảng giải công phu hơn. Họ cho rằng các câu chuyện chứa đựng chân lý quan trọng trong cốt lõi của nó, nhưng bởi vì các Cơ đốc nhân đầu tiên đã bao bọc phần cốt lõi này bằng ngôn ngữ thần thoại, còn cốt truyện chi tiết là cái nhìn tiền khoa học của họ về vũ trụ. Họ cho rằng các Cơ đốc nhân thời xưa đã tin vào một vũ trụ ba tầng với thiên đàng trên cao, địa ngục dưới thấp và trái đất ở giữa; để rồi họ vui vẻ kể những câu chuyện thần thoại của mình, về những thiên sứ từ thiên đàng giáng xuống và rồi lại quay trở về, trong khi chúng ta với những hiểu biết khoa học không thể chấp nhận những chi tiết này đúng theo nghĩa đen, vì chúng ta biết rằng trái đất hình tròn và rằng địa ngục không thể chỉ ở dưới Châu Úc một chút. Và rồi chúng ta dự tính loại bỏ những vỏ bọc bên ngoài của huyền thoại để lấy ra phần cốt lõi chân lý bên trong - một công việc khá nhạy cảm khi không ai có thể cho chúng ta biết chính xác lúc nào thì hết vỏ bọc và bắt đầu đến phần cốt lõi.

Không may cho sự giải thích này về các sự việc, những Cơ đốc nhân xưa liên hệ đến câu chuyện này bảo đảm với chúng ta rằng họ biết huyền thoại là gì, và khi trình bày những chuyện giáng sinh họ đã không đưa ra cho chúng ta huyền thoại, Phierơ đã nói "*chúng tôi chẳng phải là theo những chuyện khéo đặt đẽ*" (tiếng Hy Lạp là huyền thoại) (II Phi 1:16).

Hơn nữa, thực tế Luca là người viết lại những câu chuyện này cũng đã biết trái đất hình tròn như chúng ta. Người Hy Lạp xưa đã có những chứng minh rất sớm. Eratosthenes (BC 275-194) đã tiến đến con số khá chính xác về đường chu vi của trái đất; Hipparchus (BC 190-126) đo đạc khá rõ về khoảng cách từ mặt trăng; và lịch được sử dụng chính thức ở đế quốc Lamã đã được cải cách bởi vua Julius Caesar qua ánh sáng của những sự việc này và những khám phá của các nhà thiên văn học Hy Lạp khác. Không có bằng chứng nhỏ nào cho rằng Luca, một người có học thức và từng trải, lại tin tưởng vào một vũ trụ ba tầng.

Lỗi giải thích này, do đó, bị sụp đổ trên chính những nhận thức sai lầm của nó, cũng như với sự giải thích trước. Tuy nhiên, cũng có những người nắm chặt và tin tưởng vào sự giải thích này, vì họ tưởng tượng một cách thành thật rằng đó là cái nhìn có lý và đầy khoa học của họ khiến họ không thể chấp nhận những câu chuyện giáng sinh này theo nghĩa đen. Vì lý do đó, câu chuyện đầu tiên trong Luca không có chút gì thú vị: nó sẽ chỉ cho chúng ta thấy chẳng có khoa học cũng không có lý luận nào khiến họ không thể tin những câu chuyện huyền diệu, mà là bởi một điều gì đó giống như là bản năng phi lý.

MỘT THẦY TẾ LỄ KHÔNG TIN

Sự kiện kỳ lạ đầu tiên liên quan đến sự ra đời của Đấng Christ là việc Giăng Báp tít sinh ra khi cha mẹ ông đã già; người không tin vào câu chuyện này trước tiên chính là người được loan báo, đó là Xachari, cha của Giăng. Rõ ràng, Xachari không là nhà vô thần, cũng không là người theo thuyết hoài nghi nhưng là một thầy tế lễ, hàng giáo sĩ trong phẩm chức của người Do thái. Những giáo sĩ vô tín ngày nay chẳng phải là hiện tượng lạ; tuy nhiên, chúng ta được biết, vì sự không tin của Xachari, ông đã bị làm cho câm; nhưng ít nhất ông đã không là một kẻ ngốc cả tin. Hiển nhiên ông biết đủ về những qui luật vật lý để suy đoán rằng “phép lạ” được hứa không thể thực hiện được. Vậy, hãy nghiên cứu Xachari để biết ông thuộc hạng người nào, những phỏng đoán của ông là gì, và vì sao điều mâu nhiệm được đề xuất đối với ông lại dường như khó tin. Rồi chúng ta sẽ có thể đánh giá xem sự không tin của ông hợp lý đến mức nào.

Xachari là một thầy tế lễ, cho nên giả định ông là người tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Không chắc rằng ông từng có suy nghĩ về chủ nghĩa vô thần như một tín ngưỡng có thể tin cậy, nhưng nếu phải đối mặt với sự lựa chọn giữa niềm tin vào Đấng Sáng Tạo với chủ nghĩa vô thần thì không nghi ngờ gì việc ông lựa chọn tin vào Đấng Sáng Tạo là phải lẽ, vì sự hiện hữu của Ngài là căn cơ chính để chúng ta có thể xem suy luận là hợp lý về cơ bản. Học thuyết vô thần đòi hỏi chúng ta phải tin rằng tâm thần và lý trí xuất hiện ngẫu nhiên ngoài vật chất, sự hợp lý là tình cờ và vì vậy là kết quả hoàn toàn vô nghĩa của một chuỗi dài những biến cố không lưu tâm.

Nhưng Xachari tin vào thiên thần - hay ít nhất đã không tỏ ra ngạc nhiên khi một thiên thần thăm viếng ông. Nhưng hẳn phải rất tự phụ và hẹp hòi nếu cho rằng ông tin, như một số người ngày nay, rằng con người là giống loài sự sống thông minh cao quý nhất trên toàn thể vũ trụ rộng lớn này.

Vả lại, Xachari tin vào sự cầu nguyện, và cứ cho là chỉ có sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, thì niềm tin này cũng hợp lẽ. Nếu chúng ta có được khả năng yêu thương và khuynh hướng giúp đỡ người đang có nhu cầu là do Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa ban cho, thì thật không hợp lý để cho rằng bản thân Đấng Tạo Hóa lại không yêu thương và không quan tâm đến nhu cầu của chúng ta.

Như vậy, Xachari đã tin vào những lời cầu nguyện, và nhiều năm ông đã cầu xin Đức Chúa Trời ban cho vợ chồng ông một đứa con. Tuy nhiên, những năm về sau, ông đã quên cầu nguyện cho vấn đề đó. Có vẻ như cầu xin có một đứa con khi cả hai vợ chồng còn trẻ thì hợp lý hơn. Lúc đó, ông cảm biết cơ cấu trong thân thể Êlisabet vẫn còn trong khả năng tự nhiên để có thể được thúc giục hoạt động. Nhưng bấy giờ, họ đều đã già yếu. Có một đứa con vào thời điểm này chẳng khác gì đảo lộn tiến trình lão hóa tự nhiên của đời sống và tạo lại những cơ cấu mới cho sự sống. Ông cho rằng điều đó thật buồn cười và hoàn toàn không hợp lý để chờ đợi một việc như thế, và việc đó cũng sẽ không thể nào xảy ra được.

Và vì thế, khi thiên sứ báo Xachari rằng lời cầu nguyện những năm trước đây của ông đã được nhậm, ông đã không sẵn sàng để tin. Thực tế, ông đã báo thiên sứ Gáprien rằng phải có gì đó hơn là những lời nói để thuyết phục ông điều kỳ lạ như vậy sẽ xảy ra: khi thiên sứ đưa ra sứ điệp, Xachari đã trả lời: “Bởi sao tôi biết được điều đó?” (Lu 1:18). Dĩ nhiên ông đã nói cách lịch sự, nhưng ông đã nói lên, vì không muốn thiếu sự ngay thẳng và giả vờ tin vào lời thiên sứ chỉ bởi vì đó là thiên sứ nói.

Lúc này thiên sứ Gáp-ri-ên khiến ông bị câm. Đó là vì tội xác láo nghi ngờ lời của sứ giả cao trọng của Đức Chúa Trời. Nhưng không chỉ xác láo mà còn ngu dại trong sự mặc cả.

Một mặt ông tuyên bố tin vào Đức Chúa Trời, Đấng sáng tạo vạn vật và điều hành vũ trụ, nhưng mặt khác, chính ông cho rằng thật khó để Đức Chúa Trời có thể, cho dù Ngài lựa chọn, đảo lộn những cơ cấu Ngài đã tạo nên và làm mới lại những tiến trình Ngài đã thiết kế. Vì có vẻ như Ngài phải bằng lòng với việc chỉ hành động giới hạn trong những quá trình mà Ngài tạo dựng, nếu không Ngài sẽ đánh mất sự tin cậy dưới mắt Xachari. Nếu đó là những gì Xachari nghĩ thì ông thật ngay thẳng để nói như thế, nhưng chắc chắn ông không đi đến chỗ vô tín bởi những lý luận không ăn năn. Lòng vô tín của ông chỉ do lý trí. Lời tuyên bố thình lình của thiên sứ có vẻ đã tìm thấy yếu điểm không được bảo vệ chẳng những trong đức tin mà còn trong suy luận của ông, và nó đã xuyên suốt qua sự vô tín có trong bản năng tự nhiên khi con người sa ngã.

KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC HAY KHÔNG CHẮC XẢY RA?

Có lẽ chúng ta đang không công bằng một chút đối với Xachari. Có thể điểm khó khăn của ông chẳng phải vì ông nghĩ rằng phép lạ này hoàn toàn không thể xảy ra được nhưng chỉ vì ông cho rằng một phép lạ như thế thật không chắc sẽ xảy ra cho ông? Xét cho cùng, phép lạ theo định nghĩa, là những điều rất hiếm khi xảy ra, và chính vì việc rất hiếm khi xảy ra của phép lạ trong bất kỳ dịp nào cho một cá nhân nào đó, nhưng không phải là hoàn toàn không thể xảy ra được là điều mà nhiều người băn khoăn.

Nhưng chính thiên sứ đã cẩn thận chuẩn bị cho Xachari bằng cách giải thích phạm vi của phép lạ này là gì: nó được thực hiện, không phải để thoả mãn tham vọng của Xachari, cũng chẳng phải để khích lệ đời sống tận hiến của cá nhân ông, nhưng là để rao báo trước một sự kiện độc nhất vô nhị như chính sự Sáng Tạo: Đấng Sáng Tạo hiện thân thành người để bước vào trong thế giới Ngài đã tạo dựng. Cũng như lời Kinh thánh Cựu Ước mà Xachari đã được biết và nắm giữ như lời Đức Chúa Trời đã chỉ ra rằng sự kiện đáng kính sợ này sẽ được sửa soạn trước bởi bằng chứng từ những lời tiên tri hoàn toàn khác thường và độc nhất; và khi loan báo tin tức này thì vị thiên sứ đã nhắc Xachari nhớ lại những lời tiên tri này.

Bây giờ, nếu Xachari kháng nghị với thiên sứ rằng việc ông và vợ ông được lựa chọn trong sự kiện lớn này, cho dù chỉ là phần nhỏ bé, là điều không thể tưởng tượng nổi thì có lẽ chúng ta sẽ ủng hộ cho sự ngoan đạo khiêm nhường của ông, dù việc không tin vào lời thiên sứ không thích hợp cho sự ngoan đạo này. Nhưng chẳng phải vì không tin chắc khi được lựa chọn vào vị trí cao như thế đã làm Xachari lo lắng khi ông đáp lại lời tuyên bố của thiên sứ, nhưng đơn giản chỉ là sự bất năng về mặt thuộc thể, mà ông suy xét đến, để lời thiên sứ có thể thành sự thật: *Bởi sao tôi biết được điều đó?* Ông kháng nghị, *vì tôi đã già, vợ tôi đã cao tuổi rồi* (Lu. 1:18). Vì bày tỏ sự vô tín qua những lý do đó, ngay lập tức, ông bị làm cho câm.

Vào ngày này, khi thiên sứ hiện ra cho Xachari ở đền thờ, không phải ông chỉ đang cầu nguyện cho những vấn đề của riêng mình. Một đám đông người đang cầu nguyện bên ngoài đền thờ, khi Xachari được cho là đại diện cho họ ở bên trong. Với lòng đơn sơ, có lẽ họ chưa từng bao giờ nghĩ rằng tận trong thâm tâm thầy tế lễ của họ tiềm ẩn lòng vô tín, đã khiến lời cầu nguyện thành trò đùa. Nếu Đức Chúa Trời bị giới hạn chỉ làm được những điều thông thường trong tự nhiên có thể và sẽ xảy ra, vậy thì cầu xin Đức Chúa Trời để làm gì? Xin Ngài xen vào giữa hoạt động của thiên nhiên và làm một điều nào đó mà thiên nhiên để lại không làm hoặc không thể làm, chính là xin Ngài làm một phép lạ. Nhưng nếu bạn không tin Ngài có thể làm phép lạ thì tại sao lại cầu xin Ngài?

Thiên sứ đã khiến Xachari bị câm cách thích đáng - chấm dứt những lời ông cầu nguyện cho công chúng lúc đó. Hơn nữa, khi ông ra ngoài để chúc phúc cho mọi người, là những người đang chờ đợi ông, thì ông đã không còn khả năng trò chuyện với họ. Khi một thầy tế lễ không tin vào phép lạ thì cũng sẽ không có sứ điệp gì cho mọi người, và chắc chắn sẽ không có Phúc âm. Nếu Đức Chúa Trời không thể phục hồi cho cơ thể một phụ nữ già yếu thì làm gì sẽ có hy vọng Ngài có thể phục hồi toàn thể vũ trụ này? Nếu Đức Chúa Trời không thể làm hồi sinh một thân thể suy nhược nhưng vẫn còn sống thì làm thế nào Ngài có khả năng làm sống lại từ phần mộ một thi thể đã chết ba ngày? Và nếu Đấng Christ không được sống lại từ cõi chết, sẽ không có phúc âm để rao giảng, và tương lai sẽ chẳng cầm giữ điều gì khác hơn là sự câm lạng của năm mồ vũ trụ không thể phá vỡ được.

CHƯƠNG 14

SỰ SINH HẠ ĐÔNG TRINH

Kinh thánh: Lu ca 1:24-56

Khi thiên sứ Gáp-ri-ên bảo Xachari rằng vợ chồng ông sắp có một đứa con trai, ông đã hỏi lại “*Bởi sao tôi biết được điều đó?*” và đã bị câm. Khi thiên sứ Gáp-ri-ên phán bảo Mari rằng bà sẽ có thai, Mari đã đáp lại “*Làm sao có được sự đó?*” bà đã không bị câm. Nguyên nhân rõ ràng là như vậy: Câu hỏi của Mari, dù bề ngoài tương tự như của Xachari, thực chất hoàn toàn khác và bày tỏ một thái độ rất khác biệt. Xachari nghi ngờ lời thiên sứ, vì thế đã hỏi làm thế nào ông có thể biết đó là sự thật. Mari tin vào lời thiên sứ nói, chỉ đơn giản hỏi bằng phương cách nào điều đó sẽ được thực hiện. Xachari lo lắng bởi sự khó khăn về thể chất: vợ chồng ông đã già, làm thế nào có thể có con được? Sự khó khăn của Mari cũng là ý thức về thể chất, nhưng chủ yếu là về mặt đạo đức, phẩm hạnh: “Tôi chưa kết hôn,” bà nói, “tôi sẽ làm thế nào có con?” Việc có con ngoài giá thú đối với bà là điều không thể nghĩ đến, chẳng phải vì nó đòi hỏi một phép lạ, không cần; nhưng bởi vì phương cách duy nhất để điều đó có thể xảy ra, mà bà biết, sẽ là trái luân lý.

Vậy có phải lời thiên sứ đã tuyên bố thực ra là mạng lệnh yêu cầu kết hôn không? Mari dù sao đi nữa cũng đã hứa hôn với Giô sép, còn gì tự nhiên hơn là bây giờ bà được hỏi thúc để nhanh chóng kết hôn? Lời đáp của thiên sứ Gáp-ri-ên hẳn đã làm Mari sửng sốt. Trước hết, khi người chào bà, Mari đã cảm thấy bất an với lời chào đó, và rồi tiếp theo là lời tiên báo về sự cao trọng của Con bà càng làm tăng thêm những hoang mang trong bà. Nhưng khi được bảo rằng bà sẽ chịu thai trước khi kết hôn bởi sự can thiệp trực tiếp của Đức Thánh Linh thì hẳn bà đã phải bị sốc mạnh. Một mặt, là đặc ân lớn lao không sao đo lường được của việc được chọn là công cụ cho sự Nhập thể, nhưng cùng lúc đó là viễn cảnh bị nghi ngờ, ngay cả từ những người bạn thân nhất, và phải sống dưới đám mây nghi ngờ đó.

Lời đáp khiêm nhường ngay lúc đó: “*Tôi đây là tôi tớ Chúa, xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời Người truyền,*” (Luca 1:38) bày tỏ ân huệ dồi dào được ban cho bà, nhưng chúng ta không phải vì thế cho rằng Mari thiếu thực tế. Trong cộng đồng Do thái của bà, một cô gái đã hứa hôn có thai trước với người nào đó khác người chồng sắp cưới của cô ta thì bị xem không phải chỉ đơn giản như là sự thiếu kiên nhẫn của tuổi trẻ, nhưng thẳng thừng là tội tà dâm. Chúng ta biết phản ứng của chính mình sẽ như thế nào khi một cô gái ở vào hoàn cảnh này cố giải thích tình trạng của cô ta bằng một câu chuyện thiên thần thăm viếng và sự can thiệp thiên thượng! Còn gì thích hợp hơn thế nữa, chúng ta biết từ lời kể của Mathiơ, chính xác chồng sắp cưới của cô đã suy nghĩ gì về câu chuyện của cô: cho dù ông ta yêu cô rất nhiều, ông vẫn thấy câu chuyện của cô hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Vài người nói như thể những Cơ đốc nhân thuở xưa đã vì lòng sốt sắng tôn giáo của họ sẵn sàng tin vào bất kỳ chuyện cổ tích nào, miễn là nó được nhét thêm lòng sùng đạo với phép lạ. Họ quên rằng, nếu họ đã từng biết, ở giữa những người tín đồ, chính những người nghèo nàn vô học mới có khuynh hướng chấp nhận những yêu cầu đạo đức của tôn giáo họ một cách nghiêm túc. Họ đã quen với việc chấp nhận uy quyền của luật pháp mà không thắc mắc và họ cũng chưa đạt được sự tinh vi như cách những người giàu có học thức biện hộ hay thậm chí là biện minh cho những sai trật của họ.

Giô sếp là một thợ mộc dân dã và là con người tin kính Chúa; ông chẳng những hoàn toàn không tin vào câu chuyện của Mari nhưng còn lo nghĩ cách để bí mật từ bỏ bà, (Ma.1:19) đó là phá bỏ lời hứa hôn và từ chối kết hôn với bà.

Mari hẳn phải biết trước điều này: ngay vào lúc thiên sứ Gáp-ri-ên loan báo, bản năng trong bà chắc hẳn đã lóe ra cho thấy sự dối xử sẽ được dành cho bà. Và không chỉ từ phía Giô sếp nhưng từ cả cộng đồng. Và rõ ràng bản năng đó đã chứng tỏ đúng. Sau này, trong chức vụ của Chúa Jesus, kẻ thù của Ngài vẫn còn mắng nhiếc Ngài, cho Chúa là người được sinh ra ngoài giá thú. “*Chúng tôi chẳng phải là con ngoại tình,*” họ nói. (Gi. 8:41)

SỰ PHỤC SINH

Nếu Giô sếp trước đó đã không tin vào câu chuyện của Mari, có chứng cứ nào để chúng ta nghĩ rằng câu chuyện đó là sự thật? Có một bằng chứng nổi bật: đối với chúng ta, sự sống lại từ cõi chết của Con Trai Mari đã đẩy lùi mọi nghi ngờ về sự hoài thai của Ngài theo câu chuyện của Mari. Không thể tin vào sự Phục sinh của Đấng Christ mà không chấp nhận thần tánh của Ngài, và thật phi lý nếu chấp nhận thần tánh của Ngài nhưng lại cho rằng người phụ nữ mà Đấng Thánh đã lựa chọn để thi hành sự nhập thể có lẽ đã sai lầm trong câu chuyện của bà về cách mà sự kiện thiên thượng đó đã xảy ra; và thật không thể hình dung nổi nếu bà đã cố ý dẫn đi sai lạc bằng câu chuyện hư cấu từ trí tưởng tượng của bà.

Bây giờ, khi được hỏi về bằng chứng thần tánh của Chúa, các sứ đồ khi giảng dạy giữa công chúng luôn dẫn chứng sự Phục sinh trước tất cả mọi điều khác, và họ thường đem chính mình ra làm nhân chứng, vì thế chứng cứ của họ có thể được thẩm vấn và đối chất. Họ không dẫn chứng sự Sinh hạ Đồng Trinh, chẳng phải vì họ không tin như nhiều người đã nhận định cách thô thiển, nhưng bởi vì Mari, chứng nhân duy nhất cho việc này, đã không có sẵn để đối chất về một việc riêng tư như thế. Còn chúng ta, những kẻ đã có đức tin qua lời chứng của các Sứ đồ, đã tin vào sự Sinh hạ Đồng trinh bởi vì chúng ta đã đặt niềm tin vào sự Phục sinh và vào Thần tánh của Đấng Christ trước, chứ không phải chúng ta tin vào sự Sinh hạ Đồng trinh trước khi tin vào Thần tánh của Ngài.

Một cách ngẫu nhiên, trong khi chúng ta xem xét bằng chứng của các sứ đồ, thật thuận tiện để chúng ta xem xét một ý kiến phản đối thực tế lịch sử của việc Sinh hạ Đồng trinh mà đôi khi xuất phát từ một cụm từ Phao lô dùng trong thư gửi cho người Galati, đoạn 4. Ở đây ông mô tả Đấng Christ là “*bởi một người nữ sinh ra*” (câu 4) do đó nhiều người tuyên bố rằng Phao lô cho việc sinh hạ của Chúa Jesus chẳng có điều gì khác thường, mà chỉ nói rằng Ngài được sinh ra bởi một người nữ như mọi người khác, vì thế họ kết luận là Phao lô đã không tin vào việc Sinh hạ Đồng trinh.

Có lẽ chúng ta sẽ thừa nhận giả thuyết của họ cho dù chúng ta không chấp nhận kết luận của họ. Điều mâu nhiệm trong phương pháp Đức Chúa Trời dùng để bước vào thế giới chúng ta, nói cách chính xác, không phải trong sự ra đời của Ngài nhưng trong sự thụ thai của Ngài. Việc sinh hạ được cho là xảy ra theo tiến trình tự nhiên thông thường. Đây không phải là chuyện chẻ sợi tóc làm tư khi Phao lô khẳng định rằng sự ra đời của Đấng Christ cũng giống như mọi người khác, bởi một người nữ. Ông có ý chỉ ra việc Đấng Christ xuất hiện trong thế gian không phải dưới dạng thần linh hay là một ảo ảnh; đó là một sự Nhập thể thật sự. Phao lô không có ý chối bỏ, dù là ngụ ý, rằng việc thụ thai của Ngài là mâu nhiệm. Nó cho thấy lý luận sai trật khi cho rằng giả thuyết “sinh hạ thông thường” đòi hỏi một kết luận “thụ thai thông thường.”

MỘT CON NGƯỜI THẬT SỰ

Nhưng tại đây, chúng ta gặp phải một ý kiến chống đối nghiêm trọng hơn; có những người đã tranh luận rằng thần học của tất cả phần Tân ước còn lại khiến việc chúng ta tin vào sự Sinh hạ Đồng trình là điều không thể. Họ chỉ ra những nơi khác trong Tân ước nhấn mạnh sự thật rằng Đấng Christ là một con người thật sự: “*Ngài phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự*” (Heb 2:17) và họ tranh cãi rằng nếu sự sinh ra của Đấng Christ có sự đặc biệt hay mâu nhiệm nào thì Ngài sẽ không là con người giống như chúng ta, và điều này, theo đề xuất của họ, sẽ là việc chối bỏ nhân tính của Ngài và do đó trở thành dị giáo.

Câu trả lời đủ thỏa mãn cho sự đối kháng này được vạch ra bởi chính Phao lô, trong một chương rất nổi tiếng, tranh luận rất dài, rằng Đấng Christ, mặc dù hoàn toàn là con người nhưng là con người khác với Adam, ngay cả khi Adam chưa sa ngã: ấy vậy, có lời chép rằng, *người thứ nhất là Adam đã nên linh hồn sống. Adam sau hết là thân ban sự sống* (I Cô 15:45). Tại đây chúng ta không cố giảng giải những gì chính Kinh thánh Tân ước không giảng giải, đó là làm thế nào Chúa có thể vừa là Đức Chúa Trời vừa là con người; nhưng đúng khi nói rằng dù Kinh thánh Tân ước xác nhận Đấng Christ thật sự là Con người thì chẳng có chỗ nào khẳng định Ngài chỉ là Con người. Vậy thì câu chuyện về sự Thụ thai Mâu nhiệm không mâu thuẫn với lời Tân ước nói về nhân tính thật của Chúa.

LỜI GIẢI THÍCH CHI TIẾT

Nhưng bây giờ, quay lại chuyện kể của Luca về sự Sinh hạ Đồng trình. Nói rằng chúng ta tin điều này chủ yếu bởi vì trước hết chúng ta tin vào sự Phục sinh và Thần tánh của Chúa, không có nghĩa rằng chính câu chuyện về sự Sinh hạ Đồng trình đơn giản là một diễn đạt văn thơ về đức tin của Hội thánh đối với sự cao trọng của Đấng Christ mà không phải là một sự kiện lịch sử thật. Hãy xem xét chi tiết tình huống được đưa ra trong câu chuyện:

“Khoi ít lâu, vợ người là Ê-li-sa-bét chịu thai, ẩn mình đi trong năm tháng,...Đến tháng thứ sáu, Đức Chúa Trời sai thiên sứ Gáp-ri-ên đến cùng một người nữ đồng trình...Ê-li-sa-bét, cũng đã chịu thai... nay cưu mang được sáu tháng rồi...Trong những ngày đó, Ma-ri chờ đợi, ...vào nhà Xacha-ri mà chào Ê-li-sa-bét...Ma-ri ở với Ê-li-sa-bét chừng ba tháng, rồi trở về nhà mình... Bây giờ, đến ngày mãn nguyệt, Ê-li-sa-bét sanh được một trai.”

Những chi tiết được kể về thời gian của từng giai đoạn trong câu chuyện thì rất bình thường trong bất kỳ bản miêu tả do bất kỳ ai là diễn viên chính trong những sự kiện được mô tả; trong những giây phút đầy cảm xúc, những tình tiết về không gian và thời gian được ghi khắc mãi trong tâm trí của người đang trải qua bất kỳ kinh nghiệm nào đi nữa, họ có khuynh hướng nhắc lại bất cứ khi nào câu chuyện được kể. Hơn nữa, khi nói đến việc mang thai và sinh con, điều mà người phụ nữ theo bản năng sẽ chú ý và nhớ hơn hết đó là thời gian của sự kiện.

Luca nói trong phần mở đầu (1:1- 2) rằng câu chuyện ông kể dựa trên sự thuật lại của nhiều người chứng kiến, và điều này hẳn là ông muốn nói câu chuyện Sinh hạ Đồng trình phải được thuật lại chủ yếu từ chính Mari. Những tính toán thời gian chi tiết như thế chính xác là những gì chúng ta chờ đợi nếu đây cơ bản là câu chuyện của Mari, nhưng trái lại nếu nó chỉ là cách nói văn chương, cho Chúa là người có Thân vị lạ lùng, thì sẽ không cần thiết chi tiết tình huống được trích dẫn như thế, và chúng ta cũng sẽ không mong chờ nó có.

Mặt khác, hãy xem xét những ngụ ý, nếu, như một số người nói, câu chuyện không có tính lịch sử mà chỉ là loại chuyện thần thoại, Luca đã nhấn mạnh rằng những câu chuyện của ông

được lấy từ lời kể của những người chứng kiến. Như thế, nếu sau khi đã có lời tuyên bố mạnh mẽ này mà câu chuyện đầu tiên ông kể lại không lấy từ lời kể của người chứng kiến mà chỉ là chuyện thần thoại thì Lu-ca đã phạm lỗi trình bày sai lạc nghiêm trọng nhất. Và nếu thêm vào đó, ông lại đi xa hơn, thêm vào đó những chi tiết tình huống thời gian để làm cho câu chuyện huyền thoại trông giống như sự kiện lịch sử khi nó không thật như thế, thì không có lý lẽ ngụy biện uyên thâm nào có thể giúp buông tha ông khỏi tội cố tình lừa dối như thế.

THÊM CHÚNG CỐ

Tuy nhiên, chi tiết về thời gian không những chỉ ra Mari là tác giả câu chuyện nhưng còn đưa ra bằng chứng gián tiếp về tính chân thật của nó. Chúng ta được biết Mari đã ở lại với Êlizabet khoảng ba tháng trước ngày sinh nở của Êlizabet. Ba tháng trong ngữ cảnh này có nghĩa là ít nhất cũng phải gần ba tháng; và Êlizabet thì đã mang thai được sáu tháng tính từ khi thiên sứ Gáp-ri-ên hiện đến cùng Mari. Điều này cho thấy rằng Mari hẳn đã vội vã đi gặp Êlizabet và kể cho bà ta nghe về lời rao báo của thiên sứ ngay sau khi thiên sứ báo tin và trước khi Mari có được những biểu hiện rõ ràng trong cơ thể việc bà đã có thai. Nếu bà chờ đợi cho đến lúc cơ thể bà phô bày bằng cứ, bắt buộc bà phải cố giải thích những gì bà không còn có thể giấu được nữa, thì sự nghi ngờ hẳn phải bị đặt ra trong câu chuyện của bà.

Trong truyền thuyết Hylạp, khi Semele có con trước khi kết hôn, cha mẹ bà, theo như Euripides kể cho chúng ta (*Bacchae* 26-42, 333-334), đã tạo ra câu chuyện rằng cô đã được một vị thần thăm viếng. Điều này được làm để cứu vãn danh dự gia đình cho dù, tất nhiên các chị em của bà chẳng bao giờ tin điều đó.

Nhưng câu chuyện của Mari không giống như thế, chứng cứ trước mắt chúng ta cho thấy bà không tạo ra câu chuyện khi việc có thai đã phô bày buộc bà phải cố giải thích; và vì vậy, không thể có nguyên nhân gì khác khiến bà phải tạo ra câu chuyện đó cả. Bà kể những gì bà biết đơn giản vì nó đã xảy ra.

Khi nói đến Semele và truyền thuyết xưa ở đây có lẽ đưa đến một vấn đề khác, ý kiến phản đối chung về thực tế lịch sử của việc Sinh hạ Đồng trinh. Sự chống đối dựa trên những người hiểu biết về vấn đề giả hiệu đã nhận thức rằng những chuyện thần thoại tà giáo cổ xưa có đầy truyện tích về những người nữ đồng trinh đã có con với các vị thần và á thần. Dựa trên điều này, họ đi ngay đến kết luận rằng việc Sinh hạ Đồng trinh chẳng qua là thêm vào một chuyện nữa cho loại này, và họ giả định rằng nó đã được các Cơ đốc nhân đầu tiên tin tưởng vì họ sống trong một thế giới mà trong trí tưởng tượng chung có đầy đầy hàng hà sa số những nam thần và nữ thần.

Dường như họ đã bỏ qua thực tế rằng các Cơ đốc nhân đầu tiên là người Do thái, những người sống trong thế giới tà giáo nhưng chính họ lại rất nghiêm khắc trong thuyết độc thần, và theo họ tin, thế lực siêu phàm có thể quan hệ với những người nữ phạm trần chỉ có thể là các tà linh (xem Sáng 6:4; Giu đê 6, 7). Hơn nữa, dù cho Luca không phải là người Do thái, ông đã lên án trong bài viết của mình một cách mạnh mẽ như bất kỳ người Do thái nào, về những hành động điên cuồng thô lỗ của những người dị giáo theo thuyết đa thần (xem Công vụ 14:11- 18). Vì vậy sẽ thật vô lý nếu cho rằng câu chuyện Sinh hạ Đồng trinh, được thuật lại bởi những Cơ đốc nhân đầu tiên, có thể có bất kỳ liên hệ nhỏ nào với những truyền thuyết đa thần được lưu hành trong thế giới tà giáo vào thời của họ.

LỜI TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC

Một ý kiến chống đối nghiêm trọng hơn thường được đề xuất bởi các học giả hiện đại đối với tính lịch sử của Sự Sinh hạ Đồng trinh. Họ nói rằng căn nguyên của câu chuyện như sau: những Cơ đốc nhân đầu tiên tìm thấy trong bản dịch Hy Lạp Bảy mươi (Septuagint) từ sách tiên tri Êsai một lời tiên tri về một nữ đồng trinh sẽ chịu thai và sinh một trai; và bởi vì họ tin mọi lời tiên tri trong Cựu ước dù hợp lý đến mức độ nào được áp dụng cho Đấng Mêsi thì phải được ứng nghiệm trong đời sống Chúa Jesus, cho nên họ đã hư cấu ra câu chuyện sự Sinh hạ Đồng trinh để cho thấy Ngài cũng làm ứng nghiệm lời tiên tri này. Hơn nữa, những học giả đó thường thêm vào rằng các Cơ đốc nhân làm việc này đã bị bắt quả tang việc sáng tác của họ, vì từ “Đồng trinh” trong bản dịch Hy Lạp là sự dịch sai của từ Hê-bơ-rơ gốc, là chữ không có nghĩa chỉ về người nữ đồng trinh mà chỉ đơn giản là một phụ nữ trẻ.

Chúng ta sẽ bỏ qua sự cố ý trình bày sai lạc về sự thật, dầu với động cơ nào, rằng lối giải thích này đã qui tội cho các Cơ đốc nhân đầu tiên, dù đây là một vấn đề nghiêm trọng mà không một lý lẽ nguy hiểm thâm nào có thể lý giải thích đáng, và chúng ta sẽ đi thẳng vào hai vấn đề cần xem xét. Nếu toàn bộ điểm mục đích chính của việc tạo nên câu chuyện là nhằm để chứng tỏ rằng Chúa Jesus làm ứng nghiệm lời tiên tri của Êsai, thì làm sao khi Luca tự mình kể lại toàn bộ câu chuyện hết sức chi tiết mà lại không một lần nhắc đến lời tiên tri?

Vấn đề thứ hai, Mathiơ là tác giả duy nhất trong Tân ước nhắc đến lời tiên tri theo từng chuỗi các sự kiện sau: đầu tiên Giô sếp đã được nghe về sự Sinh hạ Đồng trinh này khi ông đối mặt với người nữ ông sắp cưới và đã đính hôn với cô ta, mang thai bởi một người khác. Cô ta cố gắng kể cho ông nghe rằng đây là sự thụ thai đồng trinh siêu nhiên, nhưng ông đã bác bỏ toàn bộ câu chuyện, xem như hoàn toàn không thể tin được, và quyết định hủy bỏ hôn ước. Nhưng một thiên sứ đã đến với ông và bảo ông rằng tất cả điều này thật sự là phép lạ từ Đức Chúa Trời. Và chỉ sau những điều xảy ra đó, các Cơ đốc nhân đầu tiên, kể cả Giô sếp, mới tìm thấy sự xác nhận sứ điệp của thiên sứ có trong một lời tiên tri Cựu ước về sự sinh hạ của một người nữ đồng trinh.

Chắc chắn Giô sếp đã không thể hoàn toàn bác bỏ câu chuyện của Mari và quyết định từ hôn với bà nếu trước đó ông biết về lời tiên tri này và đang mong chờ nó được ứng nghiệm. Vậy thì nếu những lời phê bình Mathiơ là đúng, ông đã không chỉ bịa ra một câu chuyện tưởng tượng và trình bày nó như một chuyện lịch sử có thật để tạo nên một điều hư ảo rằng sự Sinh ra của Đấng Christ đã ứng nghiệm lời tiên tri về việc thụ thai đồng trinh, nhưng Mathiơ còn giống như một tên trộm chuyên nghiệp, đã cố che đậy dấu vết của mình và dẫn người đọc đi sai lạc khỏi nguyên tác bằng cách viết rằng Giô sếp và những Cơ đốc nhân đầu tiên đã không biết về lời tiên tri cho đến khi việc mang thai đồng trinh xảy ra. Ám chỉ một thánh đồ là một kẻ cố tình lừa gạt thật là một giá đắt phải trả để nhằm thoát khỏi việc bắt buộc tin vào phép lạ của sự Sinh hạ Đồng trinh.

Và bây giờ, như thế chúng ta chưa có đủ những quan điểm kỳ lạ, hãy xem xét thêm một nỗ lực để phớt lờ việc chấp nhận tính chân thật của sự Sinh hạ Đồng trinh. Một vài người nhắc chúng ta rằng các Rabi Do thái thường nói “Có ba thành viên trong tác phẩm con người: Đấng Thánh, Ngài thật đáng ngợi, người cha và người mẹ” (Xin xem Niddah 31A). Thế thì chúng ta bị buộc phải tin rằng khi các Cơ đốc nhân đầu tiên nói Đấng Christ được thai dựng bởi Đức Thánh Linh, họ đã không có ý nói gì khác hơn những vị Rabi này nói; nhưng không may những tín đồ thời kỳ sau đã hiểu sai và nghĩ rằng Con trai của Mari đã có một người Cha thiên thượng mà không là một người cha bình thường.

Vậy theo quan điểm này, toàn bộ câu chuyện về sự sinh hạ diệu kỳ của Chúa Jesus có thể, và sẽ bị cô đọng lại bởi lời tuyên bố, hiển nhiên là với sức mạnh của các Cơ đốc nhân đầu tiên, rằng sự sinh hạ của Đấng Christ chẳng có gì đặc biệt và đáng ghi nhớ hơn bất kỳ sự sinh ra nào của con người. Người ta sẽ tự hỏi vì sao họ phải quan tâm đến lời tuyên bố này. Nếu việc không tin vào phép lạ dẫn đến những lối giải thích vụn vẹo như thế để làm biến mất câu chuyện về sự Sinh hạ Đồng trình, thì tất cả những gì con người có thể nói đó là sự vô tín có tri thức thì còn khó hơn cả đức tin.